



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

RÉPUBLIQUE DU VIET-NAM

BỘ LUẬT NHÀ PHỔ

Nhà ở — Thủ-công-nghệ — Thương-mãi — Kỹ-nghệ

(Dự số 4 và 17 ngày mồng 2 tháng tư và mồng 3 tháng sáu năm 1953 và các nghị-dịnh liên-hệ bổ-chính đến ngày 30 tháng sáu năm 1965)

CODE DES LOYERS

Habitations — Artisanats — Commerces — Industries

(Ordonnances n° 4 et 17 des 2 avril et 3 juin 1953)

complétées par divers arrêtés subséquents

mis à jour jusqu'au 30 juin 1965)

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

1963

Bộ Luật Nhà Phổ



VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

BỘ LUẬT NHÀ PHỐ

Nhà ở — Thủ-công-nghệ

Thương-mãi — Kỹ-nghệ

*(Dự số 4 và 17 ngày mồng 2 tháng tư
và mồng 3 tháng sáu năm 1953
và các nghị-định liên-hệ bổ-chính
đến ngày 30 tháng sáu năm 1965)*

1965

NHÀ IN các CÔNG-BÁO

63, đường Tự-do, 63

Saigon

•

DỰ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-
định sự tương-quan giữa người cho thuê và
người thuê hay người chiếm-ngụ ngay tình nhà
đề ở hoặc đề dùng về thủ-công-nghệ hay nghề
nghiệp.

QUỐC-TRƯỞNG VIỆT-NAM,

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức và điều-
hành các cơ-quan công-quyền,

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức qui-cố
các công-sở,

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày mồng 6 tháng sáu năm 1952 và các
sắc-lệnh bổ-túc tiếp theo ấn-định thành-phần Chánh-phủ,

Chiều dụ số 14 ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 thiết-lập hội-đồng
quốc-gia lâm-thời Việt-nam,

Chiều sắc-lệnh ngày 13 tháng năm năm 1942 và các bản văn tu-chỉnh
tiếp theo, qui-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà
đề ở, hoặc đề dùng về nghề nghiệp,

Chiều sắc-lệnh số 47-2205 ngày 19 tháng mười một năm 1947
qui-định sự trưng-dụng hành-chính về nhà cửa,

Theo đề-nghị của Thủ-tướng Chánh-phủ,

Sau khi hội ý-kiến hội-đồng quốc-gia lâm-thời,

Sau khi hội-đồng tổng-trưởng thảo-luận.

DỤ :

Điều thứ nhất.— Những sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê hay người chiếm-ngụ ngay tính nhà ở hoặc để dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp đều được an-định bởi các điều-khoản của dụ này, áp-dụng trên toàn lãnh-thổ nước Việt-nam.

Các điều-khoản của dụ này cũng áp-dụng cho các nhà cửa vừa dùng để ở, vừa dùng về thương-mãi hay kỹ-nghệ, trong trường-hợp có sự ưu-thế về việc dùng để ở, hoặc về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp.

*
* *

THIÊN THỨ NHẤT

Nhà dùng đề ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp

Điều thứ 2.— Đề áp-dụng dụ này, danh-từ *thủ-công* dùng đề chỉ những người lao công tự làm lấy và làm cho mình một thủ-công-nghệ đặt tại nhà mình hay ở ngoài, có dùng hay không dùng sức máy, có hay không có bảng hiệu và cửa hàng, đứng bán thứ nhất là những sản-phẩm do tay mình làm ra, tự làm nghề một mình hay có vợ hoặc chồng, hoặc có người thân-thuộc trong gia-đình, thợ hay người tập nghề giúp đỡ.

Số người giúp việc cho một thủ-công không khi nào được quá số mười người. không kể người thân-quyến trực-hệ của người ấy, và chính một mình người ấy phải đứng ra điều-khiển công việc mà thôi.

Điều thứ 3.— Đề áp-dụng dụ này, danh từ *nhà dùng về nghề nghiệp* là nhà dùng đề làm một nghề tự-do như nghề luật-sư, y-sĩ, giáo-sư, v.v...

Tuy nhiên, người làm một nghề tự-do chỉ có thể hưởng qui-chế " nhà dùng về nghề nghiệp " chỉ cho một nhà trong một địa-vực mà thôi, nhà ấy dùng để thực-hành nghề của mình (về phương-diện này, quận Sài-gòn — Chợ-lớn được coi như là một địa-vực).

CHƯƠNG THỨ NHẤT

Quyền lưu-cư

Điều thứ 4 — Người thuê nhà, người thuê lại, người thọ-nhượng và mọi người chiếm-ngu ngay tình, Việt-nam hay thuộc dân Liên-hiệp-Pháp, dẫu vào ở nhà sau khi ban-bố dụ này, đều đương-nhiên và khỏi phải thi-hành thề-thức gì cả, được hưởng quyền lưu-cư tại nhà đương ở, theo những điều-kiện về tiền thuê nhà định sau đây.

Được coi là chiếm-ngu ngay tình : người thuê, người thuê lại, người chiếm-ngu mà sự chiếm-cứ để dùng hoặc về thủ-công-nghệ, về nghề nghiệp hoặc để ở nguyên-do một sự thuê mướn hoặc sự thuê lại hợp-lệ, dù là thuê có giấy tờ hay thuê miệng, hoặc những người hiện ở tại nhà thuê do một ân-hạn được hưởng theo một sự thuê mướn hay thuê lại hợp-lệ từ trước.

Điều thứ 5. — Sự triển-hạn sẽ đương-nhiên hưu-chỉ sau khi người thuê bỏ nhà đi khỏi hẳn địa-vực, ngoại-trừ những trường-hợp người ấy bắt buộc chỉ đi có một mình đến nơi khác để tiếp-tục nghề-nghiệp mà để lại vợ hoặc chồng và con cái tại nhà thuê cũ.

Trong trường-hợp người thuê nhà đi nghỉ phép hoặc đi lưu-trú ở một nơi khác ngoài nước Việt-nam, quyền triển-hạn sẽ đương-nhiên hưu-chỉ sau thời-hạn mười tám tháng kể từ ngày đi, dẫu là vì lẽ gì, người được hưởng quyền ấy đã không trở về được nơi cũ trong thời-hạn trên.

Điều thứ 6.— Gấp trường-hợp người thuê nhà bỏ nhà đi không ở, hoặc người ấy mệnh-một, quyền triền-hạn vẫn dành cho thân-quyến trực-hệ, vợ hay chồng không ly-dị của người ấy được hưởng, miễn là các người này đã ở nhà ấy ít nhất được sáu tháng.

Điều thứ 7.— Các hạng người kể ở điều thứ 4 không được hưởng quyền triền-hạn :

- 1^o) Nếu có phán-quyết, đã thành nhất định, của tòa-án vì thi-hành luật-lệ trước mà tuyên-xử trực-xuất ra khỏi nhà, ngoại trừ những trường-hợp cũng phán-quyết ấy cho hưởng một ân-hạn theo điều-kiện định ở đoạn thứ 2, điều thứ 4 ;
- 2^o) Nếu những người ấy được xử-dụng hai hoặc nhiều nhà, trừ khi họ chứng-minh được rằng nghề-nghiệp hay chức-vụ của họ bắt buộc sự xử-dụng ấy, hoặc rằng các nhà thuê, ngoài nhà mà chính họ ở, đều do tôn-thuộc hay ty-thuộc trực-hệ đã trưởng-thành hay đã thoát quyền của họ, chiếm-ngụ vừa đủ ;
- 3^o) Nếu những người ấy không thực-sự chiếm-ngụ nhà họ thuê hay họ không cho những người vẫn thường chung sống với họ chiếm-ngụ, những người ấy hoặc là người thân-thuộc trong gia-đình, hoặc là những người mà họ phải cấp-dưỡng ; sự chiếm-ngụ phải thực-hiện tám tháng trong một năm thuê, trừ khi nghề-nghiệp, chức-vụ của người chiếm-ngụ hay một lẽ gì chính-dáng chứng tỏ rằng không có sự thuận tiện để chiếm-ngụ đầy đủ thời-hạn trên ;
- 4^o) Nếu những người ấy đã được hưởng quyền chiếm-ngụ chỉ vì một điều-khoản của khế-ước làm công hay vì công-vụ, hoặc nữa nếu những người ấy đã chiếm-ngụ một công-thự hay một nhà do Chính-phủ thuê ;
- 5^o) Nếu những người ấy cho thuê lại cả hay một phần nhà mà không có sự thỏa-thuận bằng giấy tờ của chủ nhà ;

- 6^o) Nếu những người ấy chiếm-ngụ, chỉ vì được người thuê nhà cho ở trong thời-gian người này vắng mặt hay đi nghỉ phép ;
- 7^o) Nếu những người ấy sửa đổi nhà thuê để dùng vào một việc khác không có sự thỏa-thuận bằng giấy tờ của chủ nhà và không khai-báo việc sửa đổi với nhà chức-trách hữu-quyền ;
- 8^o) Nếu những người ấy chiếm-ngụ những căn nhà đã có lệnh cấm ở, hoặc khi đã có một nghị-định tuyên-bố là hiem-ngheo bắt buộc phải sửa chữa hay phá hủy bất-dộng-sản đe dọa sụp đổ, trong đó gồm có những căn nhà ấy.
- Tuy nhiên, nếu sự cấm ở chỉ có tính-cách tạm-thời, hoặc nghị-định cho rằng có sự hiem-ngheo nói ở đoạn trên đã được thu-hồi thì các người chiếm-ngụ cũ có thể viện-dẫn các điều-khoản của chương này để vào ở lại nhà thuê cũ ;
- 9^o) Nếu đương-sự chiếm-ngụ nhà để làm nơi vui chơi giải trí ;
- 10^o) Nếu đương-sự là người ngoại-quốc, không phải dân Việt-nam và cũng không thuộc dân Liên-hiệp Pháp, trừ trường-hợp đương-sự có con chính-thức có quốc-tịch Việt-nam hiện-thực đồng-cư với đương-sự ;
- 11^o) Nếu đương-sự chiếm-ngụ những căn nhà tọa-lạc trong những bất-dộng-sản đã tạo-mãi hay đã bị trưng-thu vì lý-do ích-lợi chung.

Điều thứ 8.— Về trường-hợp cho thuê lại, sự hưởng quyền lưu-cư có thể đem đối-kháng với người thuê chính.

Sự hưởng quyền này chỉ có thể đem đối-kháng với chủ nhà khi nào sự thuê lại đã được chủ nhà chấp-thuận.

CHƯƠNG THỨ II

Quyền đòi lại nhà

Điều thứ 9. — Quyền lưu-cư không thể đem đối-kháng với người chủ nhà Việt-nam hay thuộc dân Liên-hiệp Pháp được nữa khi người này muốn đòi lại nhà để ở, hoặc để cho tôn-thuộc hay ty-thuộc trực-hệ đã trưởng-thành hay đã thoát quyền của y ở, khi y giao đổi cho người thuê hay người chiếm-ngụ sử-dụng một nhà khác còn tốt, có đủ các điều-kiện về vệ-sinh ít nhất bằng cái nhà mà chủ nhà muốn đòi lại, và nhà ấy thích-ứng với các nhu-cầu cá-nhân hay gia-đình và làm-thời, với các nhu-cầu về nghề nghiệp và với khả-năng của người thuê hay người chiếm-ngụ.

Chủ nhà muốn hưởng điều-khoản đòi lại nhà trên đây phải báo trước bằng văn-thư ngoại-tư-pháp cho người chiếm-ngụ biết ; văn-thư ấy phải tự rõ các khoản sau này, nếu không sẽ vô-hiệu :

- Tên và địa-chỉ người chủ ngôi nhà sẽ giao đổi,
- Nhà ấy ở đâu,
- Có mấy phòng,
- Trình-độ tiện-khoái,
- Giá cho thuê,
- Kỳ-hạn sau đó sẽ đòi lại nhà và trong đó người thuê có thể chiếm-cứ ngôi nhà giao đổi, kỳ-hạn ấy không được dưới sáu tháng,
- Họ; tên người hưởng quyền đòi lại nhà cùng gia-cảnh và nghề nghiệp người ấy.

Nếu trong thời-hạn một tháng kể từ ngày tổng-dạt văn-thư ngoại-tư-pháp, người thuê hay người chiếm-ngụ chấp-thuận

bằng giấy tờ ưng theo đề-nghị đòi nhà của chủ nhà, thì người thuê hay người chiếm-ngụ phải trả nhà lại cho chủ nhà, chậm lắm là hết kỳ-hạn đã định trước đề đòi nhà có tự trong văn-thư ngoại-tư-pháp nói ở đoạn trên.

Nếu cũng trong hạn một tháng ấy, người thuê hay người chiếm-ngụ không thuận trả nhà hay không cho biết ý-định của mình, thì chủ nhà khởi-tổ theo thủ-tục định ở thiên thứ III, đề xin nhận xét rằng căn nhà giao đòi thích-hợp với các qui-tắc nói ở đoạn thứ nhất.

Nếu vị thẩm-phán thụ-lý vụ kiện xét cần phải áp-dụng thủ-tục giám-định, thì ngay trong nguyên-bản phán-quyết và trước khi cho đem trước-bạ, tự-ý cử ngay một giám-định-viên, có nhiệm-vụ tới thăm những căn nhà được đề-nghị trao đòi và cho biết căn nhà ấy có đủ điều-kiện vệ-sinh dự-trừ ở đoạn thứ nhất không, và có thể làm thỏa-mãn những nhu-cầu về cá-nhân hay gia-đình, và, lâm-thời, về nghề nghiệp của người thuê hay người chiếm-ngụ không, và sau cùng đề xét xem người thuê hay người chiếm-ngụ có đủ khả-năng đề đảm-đương những phí-dụng về sự thuê nhà này không.

Giám-định-viên phải nộp tờ trình trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày được cử đề khám xét. Nếu không đúng được như thế, viên ấy sẽ tự-nhiên bị truất quyền và vị thẩm-phán phải ra án-lệnh mới cử người khác thay thế nội trong bốn mươi tám giờ sau khi mãn hạn nói trên.

Trong hạn bốn mươi tám giờ sau khi giám-định-viên nộp tờ trình, viên lục-sự sẽ báo-thị cho hai bên đương-sự biết bằng thư bảo-đảm có biên-nhận, và đòi đương-sự đến dự phiên tòa gần nhất.

Điều thứ 10.— Quyền lưu-cư không thể đem đối-kháng với chủ nhà Việt-nam hay thuộc dân Liên-Hiệp Pháp được nữa khi người này muốn đòi nhà lại đề ở và chứng-minh rằng hiện thời y không được xữ-dụng một ngôi nhà thích-hợp với nhu-cầu thông-thường của y và của các thân-nhân trong gia-đình thường ở với y.

Nếu bất động-sản do chủ nhà xuất tiền mua, thì chủ nhà chỉ có thể đòi lại nhà sau khi văn-tự mua nhà có nhật-kỳ xác-định được trên mười năm. Tuy nhiên, người chủ một bất-động-sản đã mua được hơn bốn năm cũng có thể được tòa cho phép xử-dụng quyền đòi nhà nếu người ấy trưng bằng-cớ rằng việc mua cốt để ở hay để thỏa-mãn nhu-cầu gia-dình chính-dáng, chứ không có ý đầu-cơ.

Người chủ nhà muốn hưởng quyền đòi lại nhà phải báo trước cho người thuê hay người chiếm-ngụ ít nhất là trước sáu tháng bằng văn-thư ngoại-tư-pháp, văn-thư ấy muốn có hiệu-lực phải :

- Tự rõ rằng việc thi-hành quyền đòi lại nhà là chiều theo điều-luật này :
- Kể rõ nhật-kỳ và cách-thức tạo-mãi bất-động-sản ;
- Ghi tên và địa-chỉ người chủ ngôi nhà mà hiện người hưởng quyền đòi-lại nhà đang ở, nơi nhà ấy và số phòng mà người này đang chiếm-ngụ.

Vị thẩm-phán bao giờ cũng phải thăm-xét những sự tranh-chấp của đôi bên trình vào ngày tổng-đặt văn-thư ngoại-tư-pháp.

Người hưởng quyền đòi lại nhà dự-liệu ở điều-khoản này bắt buộc phải để cho người thuê nhà hay người chiếm-ngụ nhà bị đòi lại, được xử-dụng chỗ ở mà, lâm-thời, vì thi-hành quyền đòi nhà, có thể thành ra rảnh được, miễn là chỗ ở ấy thuộc quyền chi-phối các điều-khoản của dự này.

Người được hưởng quyền đòi nhà phải tổng-đặt cho chủ ngôi nhà mà y đang ở được biết vụ kiện của y bằng văn-thư ngoại-tư-pháp cũng trong thời-hạn như đã dự-liệu ở đoạn thứ 3 trên đây. Người chủ ngôi nhà ấy chỉ có thể chống lại sự đến ở của người thuê hay người chiếm-ngụ mới, nếu việc được lý-do vững vàng và chính-dáng. Nếu muốn xử-dụng quyền ấy thì, trong thời-hạn mười lăm hôm kể từ ngày nhận

được báo-thị nói trên, y phải đệ đơn ngay tại tòa có thẩm-quyền theo như điều thứ 29 và các điều tiếp theo của thiên thứ III dự này ; nếu bỏ quá hạn, sẽ mất tố-quyền.

Giấy tổng-đặt nói trên, muốn khỏi vô-hiệu, phải nói rõ rằng nếu chủ nhà không vào đơn thưa tại tòa-án hữu-quyền trong hạn mười lăm ngày, thì y sẽ mất tố-quyền.

Người mới đến chiếm-ngụ sẽ được xem như người chiếm-ngụ ngay tình.

Ngoại-trừ trường-hợp bất-khả-kháng, người chủ nhà sau khi đòi lại được nhà theo như các điều-kiện ở đoạn thứ nhất điều này, mà không đến ở nhà ấy trong hạn sáu tháng kể từ ngày người thuê nhà dọn đi, sẽ phải trả cho người thuê đó một số bồi-thường không dưới tiền thuê nhà một năm, vì đã tước-đoạt một cách vô-lý quyền hưởng-dụng của người đó.

Nếu cho thuê lại một phần bất-động-sản đã lấy lại cũng trong những điều-kiện ấy, chủ nhà cũng phải trả số bồi-thường tương-tự.

Ngoài ra, người thuê nhà bị đuổi còn có thể đòi vào ở lại nhà thuê theo giá thuê và điều-kiện định trong lúc thuê trước, mà phù-hợp với giá thuê và điều-kiện dự-liệu trong dự này.

Tòa-án, mỗi khi phán cho chủ nhà được lấy lại nhà theo điều này, bắt buộc phải :

- 1) Định một thời-hạn trong đó cấm người chủ nhà không được chuyển-dịch bất-động-sản vừa mới đòi lại ; thời-hạn này, không được quá ba năm ;
- 2) Truyền lệnh cho viên quản-thủ điền-thổ hay viên-chức phụ-trách giữ địa-bộ (tùy theo bất-động-sản thuộc chế-độ điền-thổ mới hay cũ) phải ghi-chú vào tờ điền-thổ hay vào địa-bộ về bất-động-sản ấy phần chủ-văn của bản án định về thời-hạn nói trên mà trong hạn ấy bất-động-sản không thể đem chuyển-dịch được.

Sự ghi-chú này sẽ thi-hành theo lời thỉnh-cầu của công-tổ-viện.

Điều thứ 11. — Quyền triển hạn không thể đem đối-kháng với người chủ nhà Việt-nam hay thuộc dân Liên-hiệp Pháp khi người này muốn đòi lại nhà để xây dựng lại, xây cao lên, hoặc xây nói rộng thêm ra.

Sự thi-hành quyền đòi lại nhà dự-liệu ở điều này phải lệ-thuộc vào các điều-kiện sau này :

- 1') Diện-tích có thể ở được của bất-dộng-sản mới xây lại ít nhất cũng gấp đôi diện-tích có thể ở được của nhà cũ ;
- 2') Diện-tích có thể ở được của phần nhà mới xây cao lên hay mới nói rộng thêm ra phải ít nhất là bằng diện-tích có thể ở được của nhà cũ ;
- 3') Phải báo trước cho người thuê hoặc người chiếm ngụ biết trước sáu tháng ;
- 4) Các công-tác xây-dựng phải được khởi công trong hạn ba tháng kể từ ngày người thuê dọn ra khỏi nhà.

Nếu không tuân theo điều khoản sau cùng này, người chủ nhà phải trả cho người thuê bị đuổi một số bồi-thường không dưới tiền thuê nhà một năm, vì đã tước đoạt một cách vô-lý quyền hưởng dụng của y. Ngoài ra, người thuê nhà bị đuổi còn có thể đòi vào ở lại nhà thuê theo giá thuê và điều-kiện trước mà phù-hợp với giá thuê và điều-kiện dự-liệu trong dự này.

Trong trường-hợp làm lại nhà, xây cao lên hoặc nói rộng thêm ra, người thuê cũ có quyền ưu-tiên thuê lại, trong bất-dộng-sản mới cải-trúc một diện-tích bằng chỗ y ở lúc trước

Trong trường-hợp chỉ xây cao lên, hay chỉ nói rộng thêm ra mà không thay đổi gì đến nhà cũ, thì người thuê được vào ở lại phải trả tiền thuê định theo dự này.

Trong trường-hợp làm lại nhà, người thuê phải trả tiền thuê theo dự này thêm một phần ba hiệu-số của tiền thuê ấy và tiền thuê mới cùng một diện-tích như vậy do các người mới thuê khác phải trả. Các nhà hoặc phòng mới làm khác thì theo chế-độ dự-liệu ở điều thứ 17 sau đây.

Trong trường-hợp cải-thiện các điều-kiện tiện-khoái ở của nhà cũ, do sự làm lại, xây cao lên hoặc nới rộng thêm ra thì tiền nhà cũng tính như định ở đoạn trên đây, nhưng với điều-kiện là phí-tồn sửa sang nhà cũ phải ít nhất là bằng một phần ba giá tiền làm lại nhà ấy. Nếu không thì tiền nhà sẽ tính như đã định ở đoạn thứ 5 điều này.

Ngay sau khi hoàn-thành các công-tác, người chủ nhà phải bằng thư bảo-dảm có biên-nhận, hoặc bằng văn-thư ngoại-tư-pháp, bắt buộc người thuê hay người chiếm-ngụ cũ phải, cũng bằng cách-thức ấy và trong hạn một tháng cho y biết có muốn xử-dụng quyền ở lại không. Giấy tổng-dạt phải ghi-chú rõ ràng thề-thức và thời-hạn trả lời, nếu không sẽ vô-hiệu.

Về quyền đòi lại nhà dự-liệu ở điều này, giấy báo đuổi nhà làm ra trong phạm-vi luật-lệ bị bãi bỏ, và các thủ-tục tiếp theo, vẫn có giá-trị nếu tất cả đều hợp với các điều-kiện ở điều này.

Điều thứ 12.— Trái với điều trước đây người chiếm-ngụ chỉ phải dọn ra khỏi những chỗ nào không thề ở được vì các công-tác sửa sang, và như thế cho đến khi xong việc sửa sang mà thôi.

CHƯƠNG THỨ III

Ấn-định giá tiền thuê nhà

Điều thứ 13.— Giá thuê hằng tháng một bất-động-sản dùng để ở, dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp là giá tính theo tích-số các diện-tích về nhà chính, nhà phụ và các

diện-tích về sân, vườn nhân với giá căn-bản mỗi một thước vuông về mỗi hạng nhà cửa dự-liệu ở điều thứ 14.

Các phòng có thể ở được, phòng tắm rửa, phòng phụ-thuộc, phòng ăn, v.v... xây liền vào nhà chính, đều kể như thuộc nhà chính.

Điều thứ 14.— Giá căn-bản hằng tháng một thước vuông về nhà chính được ấn-định như sau :

Hạng nhà	Giá căn-bản mỗi thước vuông
I.— Kiến-trúc tạm-thời	
a) Nhà tranh và các kiến-trúc bằng vật-liệu nhẹ :	
— Nền nhà bằng đất nện.	1 \$20
— Nền tráng xi-măng.	1, 50
b) Kiến-trúc bằng vật-liệu cứng rắn vừa (gỗ và ngói, hoặc lợp bằng tôn uốn lòng máng) có móng và nền tráng xi-măng hoặc lát gạch nung hay gạch xi-măng .	2, 00
c) Kiến-trúc tương-tự như trên nhưng móng cao ít nhất 35 phân và có cách dẫn nước và tháo nước.	3, 00
d) Kiến-trúc làm sẵn, vách đỡ bằng xi-măng, mái lợp bằng vật-liệu cứng rắn, có móng, nền lát gạch nung hay gạch xi-măng.	
Nhà làm sẵn bằng tôn uốn lòng máng kiểu Mỹ, có móng và nền lát gạch. . . .	4, 00
Về các kiến-trúc tạm-thời trên đây, cách tính giá căn-bản mỗi một thước vuông về các nhà phụ, hành-lang (hàng ba), sân và vườn có hàng rào, đối với nhà chính cũng tương-tự như cách tính về hạng các (kiến-trúc bằng vật-liệu cứng rắn kiểu nhà gian (căn phố) nói sau.	

Hạng nhà	Giá căn-bản mỗi thước vuông
II.— Kiến-trúc bằng vật-liệu cứng rắn theo kiểu nhà gian (căn phố)	
a) Nhà gian (căn phố) không có trần, có vật-dụng sơ sài về vệ-sinh hoặc không có, nhưng có máy và ống tháo nước ra cống thông — nền lát gạch nung hay tráng xi- măng	4\$00
b) Nhà gian (căn phố) có trần như kiểu nhà nói trên nhưng có vật-dụng đơn giản về vệ-sinh — nền bằng gạch xi-măng một màu hay nhiều màu.	4, 50
c) Nhà gian (căn phố) có các điều tiện-khoái bậc trung, phòng tắm trên nhà chính ít nhất cũng có các vật-dụng như la-va-bô, vòi nước hình gương sen, thùng tắm, cầu tiêu có máy tổng nước.	5, 00
Về ba hạng nhà gian (căn phố) kể trên đây, giá căn-bản mỗi thước vuông về hành- lang hỏ hay kín ăn với nhà chính là bằng phần nửa giá căn-bản về nhà chính.	
Giá căn-bản mỗi thước vuông các nhà phụ là bằng một phần ba giá về nhà chính nếu các nhà phụ này bỏ ngỏ (hay chỉ che kín có ba mặt thôi) và bằng phần nửa giá căn- bản về nhà chính nếu các nhà phụ ấy che kín hết.	
Giá căn-bản mỗi thước vuông vườn và sân có rào dậu là bằng một phần sáu giá căn-bản về nhà chính nếu diện-tích vườn và sân bằng hoặc dưới 100 thước vuông.	

Hạng nhà	Giá căn-bản mỗi thước vuông
<p>Nếu sân và vườn rộng trên 100 thước vuông thì giá căn-bản mỗi thước vuông ngoài 100 thước nói trên là bằng một phần mười giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính, nhưng với điều-kiện là diện-tích phụ-trợ này cũng có rào dậu và thực-sự dễ tùy quyền hưởng-dụng của người thuê nhà.</p> <p>Kích thước dùng để tính giá tiền thuê thì phải kể những kích thước ngoài các vách tường ở trên nền móng, nếu có.</p> <p>Cách tính về tầng lầu cũng như vậy.</p> <p>III.— Biệt-thự (có vườn và hàng rào) xây bằng vật-liệu cứng rắn nền lát ca-rô màu, bằng xi-măng và có vật-dụng về vệ-sinh đầy đủ</p>	
<p>a) Biệt-thự giáp vách nhau.— Phải kể vào hạng này tất cả các kiến-trúc cứng rắn cùng một kiểu với biệt-thự riêng biệt hay biệt-thự song đôi mà mỗi tầng có hai phòng ở được, trở mặt ra đường hay ra vườn. Về vật liệu xây dựng cũng như về các điều tiện-khoái, các biệt-thự này phải giống như các biệt-thự riêng biệt tả ở đoạn c). . . .</p>	5\$50
<p>b) Biệt-thự song đôi xây bằng vật-liệu cứng rắn (có vườn và hàng rào).— Cũng các điều nhận xét chung như trên, ít nhất mỗi tầng phải có hai phòng ở được quay mặt ra đường, ra sân hay vườn.</p>	6,00

Hạng nhà	Giá căn-bản mỗi thước vuông
<p>c) Biệt-thự riêng biệt xây bằng vật-liệu cứng rắn (có vườn và hàng rào).— Các biệt-thự này ít nhất cứ hai phòng phải có một phòng tắm rửa được cụ-bị đầy đủ (la-va-bô, vòi tắm hình gương sen hay thùng tắm, cầu tiêu máy có ghế ngồi).</p>	<p>6\$50</p>
<p>d) Biệt-thự sang-trọng riêng biệt xây bằng vật-liệu cứng rắn có vườn và hàng rào.— Ngoài các đặc-diểm của các biệt-thự riêng biệt, các biệt-thự này còn gồm thêm những điều tiện-khoái và sang-trọng khác nữa như :</p> <ul style="list-style-type: none"> — Cứ mỗi phòng thì có một phòng tắm rửa đầy đủ ; — Nền một phần lót bằng ca-rô men xanh hay ca-rô ga-ni-tô (đá mài) ; — Có bóng sắt nơi cửa ; — Thang bậc lót ca-rô men xanh hoặc ga-ni-tô và còn có một vẻ kiến-trúc mỹ-thuật nữa. 	<p>8,00</p>
<p>Giá căn-bản mỗi thước vuông về hành-lang hờ hay kín ăn liền với nhà chính là bằng phần nửa giá căn-bản về nhà chính.</p> <p>Giá căn-bản mỗi thước vuông về các nhà phụ là bằng một phần ba giá căn-bản về nhà chính nếu là hờ vách (hay chỉ có vách 3 phía mà thôi) và bằng phần nửa giá về nhà chính nếu kín vách.</p>	

Hạng nhà

Giá căn-bản
mỗi
thước vuông

Giá căn-bản mỗi thước vuông về sân và vườn có hàng rào là bằng một phần năm giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính, nếu diện-tích cả sân lẫn vườn bằng hay kém 500 thước vuông ; những phần số sân và vườn ngoài 500 thước vuông này sẽ tính giá như sau :

- 0 đến 500 thước vuông : giá căn-bản là $\frac{1}{5}$ giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính ;
- Từ 501 đến 1.000 thước vuông : giá căn-bản là $\frac{1}{8}$ giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính ;
- Từ 1.001 đến 2.000 thước vuông : giá căn-bản là $\frac{1}{15}$ giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính ;
- Từ 2.001 thước vuông trở lên : giá căn-bản là $\frac{1}{30}$ giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính.

Về kích thước dùng để tính giá tiền thuê, phải kê theo phía bên ngoài các vách tường, ở trên nền móng nếu có. Về các tầng lầu cũng tính như thế.

Kết-luận, không những các phòng có thể ở được mới tính giá tiền, mà các phần nhà khác có ích lợi như nhà kho, tủ gắn vào tường, phòng nhỏ phụ-thuộc phòng ăn v.v. cùng là bề dày vách tường đều phải kê để tính giá tiền nhà cả.

Hạng nhà	Giá căn-bản mỗi thước vuông
<p>IV.— Nhà ở tập-hợp theo kiểu « bin-dinh »</p> <p>Kiến-trúc theo kiểu « bin-dinh » có ít nhất là bốn tầng lầu ở trong các khu-vực thương-mãi hay khu-vực nhà ở :</p> <p>a) « Bin-dinh » có các điều tiện-khoái vào bậc trung, không có thang máy.</p> <p>b) « Bin-dinh » kiểu thông-thường, có thang máy</p> <p>c) « Bin-dinh » có tất cả các điều tiện-khoái tân-thức, có thang máy, và trình bày một cảnh-trí kiến-trúc mỹ-thuật .</p> <p>Khi tính giá tiền thuê nhà thì chỉ tính theo các diện-tích (kể cả bề dày vách tường) các phòng thuộc quyền hưởng-dụng của mỗi người thuê, dù là phòng để ở, hay nhà bếp, hay phòng nhỏ phụ-thuộc vào phòng ăn hay các phòng khác mà ăn liền với gian nhà chính. Còn các chỗ để dùng chung như : lối đi vào, phòng lớn lối ra vào, thang lầu, hành-lang, đường cầu thì không được tính vào tiền thuê. Các bao-lơn và các chỗ dùng làm sân thượng nhưng đề tùy quyền hưởng-dụng riêng của một người thuê thì được tính kể vào tiền thuê nhà, với giá là bằng phần nửa giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính. Các phòng của bồi hếp riêng biệt đều tính theo giá phần nửa giá căn-bản mỗi thước vuông về nhà chính.</p> <p>Danh-từ « bin-dinh » hiểu theo dụ này là những nhà lầu ở chung, ít nhất là có bốn tầng lầu và có những bộ-phận dùng chung.</p>	<p>8 \$ 00</p> <p>10 , 00</p> <p>15 , 00</p>

Điều thứ 15.— Giá-biểu định ở điều trên là giá-biểu căn-bản trung-bình. Tùy theo sự quan-trọng các địa-vực và các khu trong địa-vực của bất-dộng-sản tọa-lạc, giá-biểu ấy có thể tăng hay giảm, theo tỷ-lệ 1^{0/0} đến 25^{0/0}.

Cứ vào tháng chạp mỗi năm, thủ-hiến phần sở-quan sẽ theo lời đề-nghị của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa, dự-liệu ở điều thứ 18 ra nghị-định ấn-định số bách-phần áp-dụng tại mỗi địa-vực cho năm sau. Lâm-thời thủ-hiến phần cũng phải hỏi ý-kiến hội-đồng quản-trị thủ-đô Sài-gòn — Chợ-lớn hay hội-đồng thành-phố tại những nơi đã thiết-lập thành thị-xã.

Điều thứ 16.— Tuy nhiên tại Nam-Việt, giá tiền thuê nhà tính theo các điều nói trên đây không khi nào được quá gấp ba giá tiền đã định theo điều thứ 2 sắc-lệnh ngày 13 tháng năm năm 1942, sửa đổi do sắc-lệnh ngày 15 tháng ba năm 1943 và sắc-lệnh liên-bang ngày mồng 6 tháng tư năm 1946.

Thủ-hiến Nam-Việt sau khi hỏi ý-kiến các hội-đồng tư-vấn về nhà cửa dự-liệu ở điều thứ 18, có thể ra nghị-định ký vào tháng chạp mỗi năm, đề sửa đổi cho năm sau, giá tiền thuê nhà hạn-định ấy.

Bất-cứ trong trường-hợp nào, giá tiền thuê nhà cũng được tính theo giá-biểu lợi nhất cho người thuê nhà trong hai giá-biểu đã được định ở các điều thứ 14 và 15 trên đây và ở điều-khoản này.

Điều thứ 17.— Những bất-dộng-sản hay những phần của bất-dộng-sản đang xây dựng hay đang xây dựng lại vào hồi ngày mồng 1 tháng bảy năm 1947 hoặc đã xây dựng hay xây dựng lại sau ngày ấy thì không thuộc lãnh-vực chi-phối của luật-lệ đặc-biệt về nhà cửa dùng đề ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp, và cũng không thuộc thẩm-quyền của cơ-quan lấy tên là "Sở nhà cửa và trưng-dụng" thiết-lập theo sắc-lệnh ngày 19 tháng mười một năm 1947.

Những sự sửa sang lớn không đem lại quyền hưởng-thụ các khoản định ở điều này.

Điều thứ 18.— Sẽ thiết-lập tại mỗi thành-phố và tỉnh-lỵ một hội-dồng tư-vấn về nhà cửa theo thành-phần như sau :

- | | | |
|-------|--|---|
| 1) | Thị-trưởng hay tỉnh-trưởng . . . | chủ-tịch |
| 2) | Chánh sở hay chủ-sự công-chính. | hội-viên |
| 3) | Chủ-sự phòng thuế trực-thu, hay nếu không có thì chánh sở hay chủ-sự phòng tài-chính . . . | — |
| 4, 5) | Hai người đại-diện chủ nhà do thị-trưởng hay tỉnh-trưởng chỉ-định | — |
| 6, 7) | Hai người đại-diện người thuê nhà do thị-trưởng hay tỉnh-trưởng chỉ-định | — |
| 8, 9) | Hai hội-viên các hội-dồng do Chính-phủ cử hay dân cử trong địa-vực . . . , | — |
| 10) | Một công-chức do thị-trưởng hay tỉnh-trưởng chỉ-định | <div style="display: inline-block; vertical-align: middle;"> <div style="display: inline-block; vertical-align: middle;">thư-ký</div> <div style="display: inline-block; vertical-align: middle; font-size: 2em;">{</div> <div style="display: inline-block; vertical-align: middle;">không có quyền biểu-quyết.</div> </div> |

Hội-dồng tư-vấn về nhà cửa phát-biểu ý-kiến về tất cả mọi vấn-đề liên-quan đến nhà cửa, ngoại-trừ các vấn-đề thuộc về trưng-dụng.

Hội-dồng nhóm họp theo lời triệu-tập của chủ-tịch.

Điều thứ 19.— Mặc dầu mọi giao-ước trái ngược, dầu là đã ký-kết trước khi có dụ này, giá tiền thuê nhà ở, hoặc đền dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp, sẽ do hai bên thỏa-thuận mà cải sửa lại theo giá-biểu ấn-định ở các điều thứ 13 và tiếp theo.

Gặp trường-hợp bất-dồng ý-kiến, nội-vụ sẽ do đương-sự nào mau lẹ nhất đưa ra trước tòa-án hữu-quyền.

Số tiền đã thu trái phép kể từ ngày công-bố dụ này phải hoàn lại. Còn về các kỳ trả tiền sắp đến thì sẽ khấu bớt số tiền dư ấy đi.

Thời-hiệu tiêu-diệt quyền đòi lại tiền phù-thu là năm năm.

Điều thứ 20.— Tất cả các sự thỏa-thuận hay giao-ước, dầu là gián-tiếp, ký-kết nhận một vụ thuê mướn mà cốt ý là để che đậy những yêu-sách của người cho thuê, như: các sự giao-ước qui-dịnh một số tiền phụ-phí quá đáng hoặc một số tiền dưới hình-thức tiền "vô cửa" (hay "sang nhà"), hay bất-cứ dưới hình-thức nào, hoặc bất trả bằng ngân-khoản hay sang lại đồ dùng, các thỏa-thuận hay giao-ước đó đều vô giá trị và không có hiệu-lực, dầu là đã được thi-hành trước khi áp-dụng dụ này.

Điều thứ 21.— Số tiền ký-quỹ và tiền thuê nhà trả trước để làm bảo-dảm không được quá số hai tháng tiền thuê nhà thêm tiền phụ-phí tính theo số trung-bình của ba tháng chót nếu là thuê hằng tháng và không được quá một phần tư số tiền thuê hằng năm có thêm vào đây những phụ-phí như trên, trong các trường-hợp khác.

CHƯƠNG THỨ IV

Niên-yết và khai-báo các nhà dùng để ở,

dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp

Điều thứ 22.— Người chủ nhà, người hưởng huê-lợi, người được gán nợ bằng huê-lợi bất-dộng-sản, người thuê dài hạn, người thuê, người thuê lại, người thụ-nhượng nhà dùng để ở, để dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp có hay không có đồ đạc để dùng, hoặc người quản-lý của các hạng người đó, cùng là mọi người khai-thác thu lợi nhà có đồ đạc hay nhà nấu cơm tháng, đều bắt buộc phải yết-thị bằng bảng treo phía ngoài những nhà bỏ rảnh trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày bỏ rảnh.

Điều thứ 23.— Trong thời-hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhà bỏ rảnh các hạng người nói ở điều trên đây phải thành-thật khai cho đúng tại tòa thị-sảnh hay phòng giấy tòa tỉnh-trưởng nơi tọa-lạc bất-dộng-sản, các nhà hiện rảnh, số phòng và giá tiền cho thuê.

Điều thứ 24.— Mọi sự cải-biến nhà cửa dễ làm sai đổi sự thích-dụng thông-thường của nó, phải được nhà chức-trách hữu-quyền cho phép, sau khi hỏi ý-kiến hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tại những nơi có thiết-lập hội-đồng ấy.

THIỆN THỨ II

Trùng-phạt

Điều thứ 25.— Người cho thuê nhà, hay người thuê nhà trong trường-hợp người này cho thuê lại, mà đòi hỏi hay thu-nhận tiền nhà ngoài các giới-hạn qui-định ở dụ này, dầu với những phương-tiện gián-tiếp, hay nhận tiền « vô cửa » (hay « sang nhà ») sẽ bị phạt bạc từ năm trăm đồng đến năm mươi ngàn đồng và phạt giam từ mười lăm ngày đến một năm, hay chỉ bị một trong hai hình-phạt ấy thôi.

Trong trường-hợp tái-phạm, tòa-án bao giờ cũng sẽ tuyên-phạt tù.

Điều thứ 26.— Người thuê nhà hay người chiếm ngụ nào khi rời khỏi nhà thuê, mà trực-tiếp hay gián-tiếp đòi hỏi hay thu-nhận của người cho thuê hay của người thuê mới, một số tiền hay một ngân-khoản gì không chính-dáng, hoặc buộc họ mua lại các vật-dụng động-sản với một giá quá cao không đúng với thị-giá, sẽ bị phạt bạc từ năm trăm đồng đến năm mươi ngàn đồng và phạt giam từ mười lăm ngày đến một năm, hay chỉ bị một trong hai hình-phạt ấy thôi.

Trong trường-hợp tái-phạm, tòa-án bao giờ cũng sẽ tuyên-phạt tù.

Điều thứ 27.— Những sự vi-phạm vào các khoản những điều thứ 22, 23 và 24 của dự này sẽ bị phạt bạc từ hai trăm đồng đến năm ngàn đồng.

Điều thứ 28.— Các điều-khoản ở các bộ hình-diễn thuộc về trường-hợp giảm-khinh, đều có thể đem áp-dụng cho các khinh-tội dự-liệu ở dự này.

THIÊN THỨ III

Thủ tục tố tụng

Điều thứ 29 — Các vụ tranh-tụng thuộc về việc áp-dụng hay việc thi-hành các điều-khoản của dụ này sẽ do người đương-sự tiên-cáo đầu đơn cáo-tụng tại tòa sơ-thẩm hay tòa hòa-giải rộng quyền nơi tọa-lạc bất-động-sản.

Đơn ấy nộp tại phòng lục-sự hay gửi đến bằng cách bảo-đảm, sẽ lập viết thành nhiều bản sao, trên giấy thường, cứ có bao nhiêu đương-sự thì có bấy nhiêu bản. Chỉ bản chính lá đơn phải dán tem mà thôi.

Điều thứ 30.— Vị thẩm-phán sẽ do thư bảo-đảm của lục-sự có biên-nhận, báo-thị ít nhất mười lăm ngày trước cho các đương-sự đề đích-thân đến hầu tòa, hoặc đề nhờ người đại-diện hay người biện-hộ đến hầu, theo như luật-lệ hiện-hành.

Vị thẩm-phán có nhiệm-vụ hòa-giải đôi bên, phải lập biên-bản hòa-giải bất-thành hoặc hòa-giải thành. Trong trường-hợp sau này, biên-bản sẽ ghi thêm văn-thức thi-hành.

Nếu đương-sự không đến hầu tòa, hoặc không có người đến đại-diện, hoặc hòa-giải bất-thành, vị thẩm-phán sẽ xử kín khỏi cần phải theo thủ-tục nào khác.

Nếu phán-quyết được tuyên-xử khuyết-tịch, viên lục-sự sẽ báo cho đương-sự khuyết-tịch biết các điều-khoản của phán-quyết ấy bằng thư bảo-dảm có biên-nhận trong hạn năm ngày kể từ ngày tuyên-án.

Sự kháng-án khuyết-tịch chỉ được chấp-nhận trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tiếp được thư bảo-dảm, hoặc nếu không có giấy biên-nhận thư bảo-dảm, thì trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày thừa-phát-lại tổng đạt.

Sự kháng án làm bằng cách khai xin tại phòng lục-sự và phòng này sẽ cấp biên-lai cho.

Thư bảo-dảm hay giấy tổng-dạt của thừa-phát-lại có ghi-chú thời-hạn và thề-thức kháng án.

Hai bên đương-sự sẽ do thư bảo đảm của lục-sự có biên-nhận, hoặc do truyền-phiếu của thừa-phát-lại, báo-thị cho biết phiên tòa sắp tới, với một thời-hạn ít nhất là mười lăm ngày tròn.

Phán-quyết tuyên-xử sau đó sẽ được coi là đối-tịch.

Trong các vụ tố tụng đối-tịch, phán-quyết sẽ do lục-sự tổng-dạt cho các đương-sự bằng thư bảo-dảm có biên-nhận trong hạn hai mươi ngày kể từ ngày tuyên án.

Hạn kháng-cáo bắt đầu kể từ ngày tổng-dạt ấy.

Điều thứ 31.— Phán-quyết của tòa sơ-thẩm hay tòa hòa-giải rộng quyền có thể bị kháng-cáo lên tòa thượng-thẩm hữu-quyền, theo các thời-hạn, thề-thức và qui-tắc về kháng-cáo, định ở luật-lệ hiện-hành.

Quyền thượng-tổ xin phá án cũng được chấp nhận.

THIÊN THỨ IV

Tổng tắc

Điều thứ 32.— Các điều giao-ước của các dương-sự vẫn được áp-dụng trong trình-hạn không trái ngược với các điều-khoản của dụ này; các điều-khoản này thuộc về trật-tự công-cộng.

Điều thứ 33.— Trong trường-hợp sự hưởng-dụng một ngôi nhà thuê bằng miệng hoặc bằng khế-ước bị gián-đoạn vì chiến-sự nội-loạn hay ngoại-xâm, vì một tai họa gì, hoặc vì một trường-hợp bất-khả-kháng, chứng tỏ rằng người thuê phải dọn đi khỏi nhà thuê trong một thời-gian, thì bao giờ cũng vậy, người này cũng có quyền vào ở lại và lấy lại quyền hưởng-dụng nhà thuê, miễn là chậm nhất người ấy phải vào ở lại nhà thuê trong hạn ba tháng sau khi các duyên cớ bắt buộc người thuê phải dọn đi đã chấm dứt.

Các điều-khoản trên đây không áp-dụng vào trường-hợp mà vì chiến-sự nội-loạn hay ngoại-xâm, vì tai-họa hoặc vì một

trường-hợp bất-khả-kháng, bất-dộng-sản bị hoàn-tàn tàn-phá hay bị hư hại đến nỗi cần phải sửa chữa tổn ít nhất là một phần ba giá tiền nhà được xây dựng lại.

Điều thứ 34.— Các điều-khoản trước trái với dụ này đều bãi bỏ, nhất là :

- 1) Các điều-khoản của sắc-lệnh ngày 13 tháng năm năm 1942 và của các ban-văn tu-chỉnh tiếp sau ;
- 2) Các điều-khoản của nghị-định ngày 20 tháng mười năm 1947 của Thủ-tướng Chính-phủ lâm-thời Cộng-hòa Nam-kỳ.

Nay duy-trì các điều-khoản của sắc-lệnh số 47.2205 ngày 19 tháng mười một năm 1947, ngoại-trừ những điều-khoản nào trái với dụ này.

Điều thứ 35.— Thủ-tướng Chính-phủ, các phó Thủ-tướng, các Tổng-trưởng, các Bộ-trưởng và các Thủ-hiến các phần, chiêu nhiệm-vụ thi-hành dụ này. Dụ này sẽ đăng vào Công-báo Việt-nam và sẽ được thi-hành như một quốc-pháp.

Làm tại Đà-lạt, ngày mồng 2 tháng tư năm 1953

BẢO ĐẠI

Phó thự :

Thủ-tướng Chính-phủ,
NGUYỄN VĂN TÂM

DỰ số 17 ngày mồng 3 tháng sáu năm 1953 về
khế-ước thuê mướn bất-dộng-sản hoặc nhà cửa
dùng về thương-mãi hay kỹ-nghệ.

QUỐC-TRƯỞNG VIỆT-NAM,

Chiều dụ số 1 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức và điều-hành các cơ-quan công-quyền,

Chiều dụ số 2 ngày mồng 1 tháng bảy năm 1949 tổ-chức qui-chế các công-sở,

Chiều sắc-lệnh số 49-CP ngày mồng 6 tháng sáu năm 1952 và các sắc-lệnh bổ-túc tiếp theo ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ,

Chiều dụ số 14 ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 thiết-lập hội-đồng quốc-gia lâm-thời Việt-nam,

Chiều toàn-thê pháp-chế hiện-hành về việc tái-tục khế-ước thuê bất-dộng-sản dùng về thương-mãi hay kỹ-nghệ, và thứ nhất, sắc-lệnh ngày 28 tháng bảy năm 1942,

Theo đề-nghị của Thủ-tướng Chánh-phủ,

Sau khi hỏi ý-kiến hội-đồng quốc-gia lâm-thời,

Hội-đồng Tổng-trưởng đã thảo-luận.

DỰ :

Điều thứ nhất.— Ở Việt-nam, tại các đô-thị hoặc các thị-xã, việc tái-tục khế-ước thuê nhà và bất-dộng-sản để dùng về thương-mãi hay kỹ-nghệ, dù rằng người cho thuê là một đoàn-thề công cũng vậy, đều phải tuân theo các qui-tắc sau này. Các qui-tắc ấy cũng sẽ đem áp-dụng cho các nhà phụ-thuộc nhà chính, nếu các nhà phụ-thuộc này cũng cùng một chủ với nhà chính và với điều-kiện là các nhà phụ đều cần-thiết cho việc kinh-doanh thương-mãi hay kỹ-nghệ; còn nếu các nhà phụ-thuộc là của một chủ khác thì với điều-kiện là sự thuê mượn các nhà ấy cốt để dùng phụ vào việc thương-mãi hay kỹ-nghệ mà người thuê đã định trước như vậy, và sự thích-dụng đó người cho thuê cũng có biết khi cho thuê nhà.

Điều thứ 2.— Chỉ có thể viện-dẫn để hưởng quyền về dụ này những người Việt-nam hay kiều-dân thuộc Liên-hiệp Pháp, hữu-hình-nhân hay pháp nhân, có trả tiền thuê hằng tháng về nhà cửa hoặc bất-dộng-sản ấy, có đóng thuế môn-bài, có đăng tên vào sổ thương-mãi, kinh-doanh về một nghề nhất định thuộc ngành thương-mãi hay kỹ-nghệ đã trên ba năm tính đến ngày mãn hạn khế-ước, từ mình kinh-doanh lấy, hoặc do những người trước mà nay mình kế chân đủ có thương, hoặc không thương vốn lại cũng vậy, nhưng với điều-kiện là những người trước cũng là dân Việt nam hay kiều-dân Liên-hiệp Pháp.

Người thuê nhà mà cho thuê lại toàn phần hay một phần nhà thuê, hay giao cửa hàng cho người khác tự-do quản-lý thì không được viện-dẫn quyền hưởng dụ này.

Tuy nhiên, với điều-kiện là quyền-lợi của người cho thuê được bảo-dảm, người thuê lại có thể xử-dụng đối với người thuê chính những quyền-lợi mà dụ này chuẩn-nhận cho người thuê nhà.

Điều thứ 3.— Nếu có khế-ước thành-văn mà người cho thuê không muốn khế-ước ấy mặc-thị tái-tục trong thời-hạn của sự thuê mượn miệng, thì mặc dầu mọi điều-khoản trái ngược trong khế-ước, người cho thuê phải báo-thị bằng văn-thư ngoại tư-pháp, ba tháng trước khi mãn hạn, cho người thuê hay người thuê lại biết ý-dịnh của mình muốn cho thuê nữa hay không.

Điều thứ 4.— Người cho thuê muốn báo không cho thuê nữa đề chấm dứt một khế-ước thuê miệng, cũng bắt buộc phải làm theo cách-thức như nói ở điều trên.

Điều thứ 5.— Nếu người cho thuê thuận làm khế-ước mới đề cho thuê nữa thì trong văn-thư ngoại tư-pháp, hay trong giấy báo thôi-cũng làm bằng văn-thư ngoại tư-pháp, phải báo-thị các điều-kiện dạm thuê mà y đã nhận được cho người được hưởng quyền dụ này biết, và bắt buộc người này trong hạn hai tháng phải báo-thị lại, cũng bằng văn-thư ngoại tư-pháp, có thuận nhận những điều-kiện do người đệ-tam dạm thuê đã đưa ra hay không, hoặc giả báo cho biết các lý-do làm cho người ấy không công-nhận các lời dạm thuê kia là thành thật hoặc đúng sự thật.

Trong báo-thị phải nhắc lại nguyên văn khế-ước hay lời cam-kết thuê mượn mà sẽ lâm-thời ký-kết với người đệ-tam dạm thuê.

Điều thứ 6.— Nếu người thuê nhà nhận các điều-kiện dạm thuê ấy, thời người chủ cho thuê không còn bị ràng buộc gì về mọi trách-vụ trong việc lập khế-ước hay việc hứa hẹn lập khế-ước cho thuê đối với người đệ-tam.

Điều thứ 7.— Nếu người cho thuê không thuận làm khế-ước mới cho thuê nữa thì phải nói rõ trong văn-thư ngoại tư-pháp những duyên-cớ chính đáng về sự từ-chối đó.

Điều thứ 8.— Theo dụ này, được xem như duyên-cớ chính đáng các khoản sau đây, và tất-nhiên là người thuê có thể lưu-cư tại nơi thuê cho đến khi nào khởi-công hay khi nào người mua nhà ấy bắt đầu hưởng-dụng :

- 1°) Xây dựng lại bất-dộng-sản ;
- 2°) Nới rộng gấp đôi diện-tích có thể dùng được của nhà chính, công việc này cần người thuê phải dọn nhà đi ;
- 3°) Phá-hủy bất-dộng-sản, theo lệnh của nhà chức-trách ;
- 4°) Thực-hiện nhiều sửa chữa lớn lao cần-thiết khi tổng-phí sửa chữa này quá số tiền mười hai tháng tiền thuê chính trừ phi người thuê nhận đảm-đương các sự sửa chữa đó thì không kể ;

- 5) Đòi lại bất-dộng-sản đề tự mình hoặc đề cho vợ hay chồng, tôn-thuộc hay ti-thuộc của mình kinh-doanh về thương-nghiệp hay kỹ-nghệ ;
- 6) Hứa bán hay hứa mua cho một người khác mà người này khai sẽ viện-dẫn một trong các duyên-cớ chính đáng đề từ-chối không tái-tục ;
- 7) Người thuê không tuân theo các điều-khoản và điều-kiện của khế-ước hoặc khiếm-khuyết quá đáng về các trách-vụ thông-thường mà người thuê phải tuân theo.

Điều thứ 9.— Người cho thuê chỉ có thể đem cho thuê lại bất-dộng-sản mới xây dựng lại, mới nói rộng, hay mới sửa chữa, sau khi đã báo, theo thề-thức định ở điều thứ 5, cho người thuê nhà bị dòi đi biết những đề-nghị đem thuê về bất-dộng-sản ấy ; thời-hạn định cho người thuê bị dòi nhà đi là một tháng đề cho y xem có muốn xữ-dụng quyền ưu-tiên này không.

Điều thứ 10.— Nếu được giấy báo thôi cho thuê vì người cho thuê viện dẫn việc hứa bán hay mua bất-dộng-sản cho thuê, thời người thuê có thể đứng ra mua bất-dộng-sản ấy theo các điều-kiện của người đề-tam nhận mua, và y có quyền ưu-tiên hơn người này, nhưng phải tổng-đạt ý định mua bất-dộng-sản ấy trong hai tháng kể từ ngày y tiếp được toàn sao nguyên văn lời hứa bán hay mua nói trên, mà người cho thuê buộc phải tổng-đạt cho y biết.

Điều thứ 11.— Nếu người thuê nhà nhận đề-nghị ấy thời người cho thuê không còn bị ràng buộc gì về mọi trách-vụ trong việc hứa mua hay hứa bán đối với các người đề-tam.

Điều thứ 12.— Nếu người cho thuê, không muốn chấm dứt sự thuê mướn miệng mà chỉ muốn tăng tiền thuê thôi thì phải tổng-đạt cho người thuê biết ý định ấy bằng thư bảo-dảm có dự-báo một tháng. Người thuê không chịu sự tăng tiền nhà ấy cũng có thể tổng-đạt bằng thư bảo-dảm đề người cho thuê biết y bằng lòng dọn nhà đi trong hạn ba tháng của dự-báo.

Sự gia-tăng tiền thuê nhà mà người cho thuê có thể bắt người thuê phải chịu không được quá sự gia-tăng chỉ-số giá tiêu-thụ của giai-cấp trung-lưu Việt-nam kể từ ngày gia-tăng tiền thuê nhà lần cuối cùng vừa qua ; chỉ-số này sẽ do các thống-kê chính-thức ở Hà-nội ấn-định cho Bắc-Việt, ở Sài-gòn cho Nam-Việt và ở Đà-nẵng cho Trung-Việt. Trong khi thống-kê chính-thức ở Trung-Việt chưa có thì các thống-kê chính-thức ở Sài-gòn sẽ đem áp-dụng cho phần này.

Người cho thuê không thể xử-dụng quyền này quá hai lần trong một năm.

Gặp trường-hợp tranh-chấp, ngày khởi đầu để tính giá mới về tiền thuê nhà là ngày mãn hạn dự-báo.

Người thuê mà từ-chối không theo giá mới tăng đó thì tòa sẽ xử trục-xuất và xử phải trả tiền nhà theo giá mới tăng suốt trong thời-gian chiếm-cư.

Điều thứ 13.— Gặp trường-hợp nhượng lại cửa hàng, nếu việc nhượng này làm theo thể-thức hợp-pháp, người nào cho thuê phải coi người thụ-nhượng như là người thuê nhà, trừ phi có lý-do chính-dáng và lý-do cá-nhân đối với người thụ-nhượng của hàng thời không kê.

Điều thứ 14.— Gặp trường-hợp mà việc cho thuê lại không bị cấm đoán, người cho thuê phải được mời dự vào việc cho thuê lại.

Khi nào giá tiền cho thuê lại cao hơn giá tiền cho thuê chính, người cho thuê có quyền đòi tăng giá tiền thuê chính một cách tương-đương, nhưng người thuê có thể lâm-thời xin tòa-án định cho mình phần tiền cho thuê tương-xứng với các sự sắp đặt của mình đã cho người thuê lại xử-dụng.

Điều thứ 15.— Sẽ buộc phải trả một số tiền bồi-thường cho người được hưởng dự này trước khi người ấy dọn đi :

- Người chủ nhà mà không xây lại nhà chính với một diện-tích gấp đôi diện-tích ngôi nhà mà y định phá hủy ; số bồi-thường ấy sẽ bằng mười tám tháng tiền nhà ;

— Người cho thuê đã tạo-mãi bất động-sản chưa đầy ba năm kể đến khi y từ chối việc tái-tục mà muốn lấy lại bất-dộng-sản ấy để kinh-doanh tại đó về thương-mãi hoặc kỹ-nghệ — trừ trường-hợp mà trái với ý mình và không vì lỗi tại mình người ấy bắt buộc phải dọn đi khỏi nơi đang kinh-doanh về thương-mãi hoặc kỹ-nghệ — số bồi-thường này bằng hai mươi bốn tháng tiền nhà.

Điều thứ 16.— Khi người chủ nhà lấy lại nhà thời không thể, trong hạn năm năm, bất-luận trường-hợp nào, hoặc tự mình hoặc do người trung-gian, kinh-doanh tại nhà đã đòi lại một nghề thương-mãi hoặc kỹ-nghệ tương-tự như của người thuê nhà, trừ trường-hợp mà người này đã nhượng lại cửa hàng cho người chủ nhà thời không kể.

Điều thứ 17.— Nếu những đề-cung của người đệ-tam nhận thuê dù đúng với sự thật và thành thật, là của một hữu-hình-nhân hoặc pháp-nhân kinh-doanh về một thương-nghiệp hay một kỹ-nghệ tương-tự, thì người thuê nhà đã từ-khước việc thuê lại, có thể đòi người mới thuê một số tiền bồi-thường. Tòa-án có thể ra lệnh buộc người mới thuê ký gửi một số tiền dự-nap, trước khi hưởng-dụng nhà thuê, để bảo-dảm việc trả số bồi thường nói trên.

Điều thứ 18.— Ngoài số tiền được bồi-thường ra, người thuê còn có thể trở lại ở nhà thuê, bất-chấp mọi sự mình phải dời đi nơi khác là do sự tổng-đặt một đề-cung không thành thật, hay do lời khai từ-chối tái-tục không chính đáng — trừ trường-hợp bất-khả-khăng — hoặc nếu chứng tỏ được rằng người cho thuê, trái với điều-khoản điều thứ 16, kinh-doanh tại nhà đó một nghề thương-mãi hay kỹ-nghệ tương-tự.

Thời-hiệu tiêu-diệt của tổ-quyền này là ba năm kể từ ngày người thuê nhà dọn đi hoặc từ ngày xảy ra sự tình phát-sinh ra việc dọn nhà đi.

Điều thứ 19.— Người thuê nhà bị dọn đi cũng có quyền được hưởng một khoản bồi-thường nếu trước khi mãn hạn năm năm, người đệ-tam thuê nhà kinh-doanh ở đấy một nghề thương-mãi hay kỹ-nghệ tương-tự.

Nếu chứng tỏ rằng người cho thuê không hề ngăn cản người thuê kinh-doanh một nghề thương-nghiệp hay kỹ-nghệ tương-tự thời người cho thuê và người thuê mới phải liên-dối chịu khoản bồi-thường nói trên đây.

Điều thứ 20.— Các vụ tranh-chấp thuộc về việc áp-dụng hay thi-hành những điều-khoản của dự này sẽ đưa ra trước tòa-án nơi tọa-lạc bất-động-sản, và tổ-tụng trước tòa này trong trường-hợp ấy, cũng như tổ-tụng trước tòa xử về việc thuê nhà do dự số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về việc thuê các nhà dùng để ở, đã ấn-định, ngoại trừ các điều sẽ nói sau đây.

Điều thứ 21.— Để định rõ xác-chứng, tòa thượng-thẩm và tòa-án có thể mở mọi cuộc điều-tra sơ-lược, ủy-nhiệm cho công-lại hay giám-định-viên để tìm tòi và có quyền đình-chỉ việc áp-dụng các thê-lệ tổ-tụng về điều-tra hay giám-định.

Điều thứ 22.— Chỉ trong trường-hợp mà sự tranh-chấp xét không có căn-cứ xác-đáng thời mới có thể cho phép việc tạm thi-hành bằng một quyết-định có viện-dẫn lý-do.

Điều thứ 23.— Để đảm-bảo việc xử-dụng những tổ-quyền định ở điều thứ 18 và 19. Tòa-án có thể truyền ghi-chú sự cưỡng-bách để-áp bất-động-sản của chủ nhà, ở sở địa-bộ trong một thời-hạn không được quá hai năm, trừ trường-hợp mà chủ nhà có tư-lực chắc chắn hay có thể đề-xuất được mọi bảo-đảm khác thì không kể. Trong án phải nói rõ tổng-số khoản bảo đảm lâm-thời dùng đến.

Điều thứ 24.— Nếu không có tiên-chú việc kiện thưa đòi bồi-thường tổn-hại thì viên quản-thủ buộc phải xóa bỏ sự ghi-chú sau khi mãn thời-hạn mà tòa-án đã ấn-định.

Điều thứ 25.— Quyết-nghị của tòa-án chỉ phải đem trước-bạ cùng với nghị-án của tòa thượng-thẩm, hay khi đã hết hạn kháng-cáo trong trường-hợp không có kháng-cáo.

Những lời dạm thuê của người đệ-tam, những sự hứa bán hay hứa mua do người cho thuê đưa ra để chứng-minh sự từ-chối không cho tái-tục, chỉ phải trước-bạ sau khi người thuê đã dọn đi hay đã bị trục-xuất và với điều-kiện là những lời dạm trên này có hiệu-lực thật sự.

Các việc đăng-ký và xóa bỏ quyền đề áp-dụng, việc đề-xuất các bảo-chứng, không phải tốn sớ-phí hay khoản tiền nào khác, ngoài tiền công của viên quản-thủ.

Điều thứ 26.— Bất-câu dưới hình-thức nào, những điều-khoản, ước-khoản hay điều-đinh nào mà ảnh-hưởng trực-tiếp làm mất những quyền-lợi do dự này ban cho người thuê, đều vô giá-trị và vô hiệu-lực.

Điều thứ 27.— Những tổ-quyền đề đòi bồi-thường tổn-hại, mà người thuê đã dọn nhà đi trước khi ban-hành dự này có thể xư-dụng được theo luật-lệ cũ đã bị bãi bỏ, vẫn được tiếp-tục làm theo luật-lệ đó.

Điều thứ 28.— Giấy báo đuổi nhà tổng-dạt hợp-pháp, các thủ-tục tố-tụng đã khởi-sự và kế-tục hợp lệ theo luật-lệ cũ, sẽ không mất giá-trị và hiệu-lực dù không làm đúng theo các điều-kiện về hình-thức và nội-dung của dự này.

Điều thứ 29.— Tuy nhiên, các điều-khoản của dự này sẽ đem áp-dụng ngay cho người thuê đang chiếm-ngụ nhà thuê dù do một ân-hạn của tòa cho, ngoại trừ điều sẽ nói sau đây.

Khi nhận được giấy báo đuổi nhà, người thuê có thể thôi-thức bắt người cho thuê cho y biết các duyên-cớ từ chối không cho tái-tục thuê nhà nữa. Nếu duyên-cớ ấy không thuộc những duyên-cớ được dự này coi là chính-đáng, thì giấy báo đuổi nhà sẽ bị hủy bỏ ngay, không có khoản phạt hay án-phí gì cả.

Người thuê vẫn có thể xin được lưu-cư tại nơi thuê nếu hàng lòng nhận các điều-kiện mà người cho thuê khai là do người đệ-tam hoặc người mua đề-nghị hay thuận nhận.

Điều thứ 30.— Người chủ mới, mà vãn-tự mua có nhật-ký xác-định trước khi ban-hành dự này, vẫn có thể xin thủ-tiêu việc mua tậu, nếu chứng tỏ được rằng y không thể chiếm-cứ bất-động-sản cho mình được, tuy việc mua tậu là cốt nhắm mục-dích ấy. Tiền trước-bạ sẽ được hoàn lại cho y.

Nếu vì sự ban-hành dự này mà người thuê mới không thể chiếm-ngụ nhà thuê được thì y có quyền xin hoàn lại tiền ước-bạ mà y đã đóng.

Điều thứ 31.— Người chủ nhà đem bán hay cho thuê nhà mà người thuê được quyền ở lại do hiệu-lực của dụ này thì không thể bị kiện thưa về bồi-thường tổn-hại được.

Điều thứ 32.— Trái với điều thứ 2, chỉ bắt buộc việc đăng-ký vào sổ thương-mại một năm sau khi công-bố dụ này.

Điều thứ 33.— Nay bãi bỏ các điều-khoản trước trái với dụ này, nhất là các điều-khoản của sắc-lệnh ngày 28 tháng bảy năm 1942.

Điều thứ 34.— Thủ-tướng Chính-phủ, các phó Thủ-tướng, Tổng-trưởng, Bộ-trưởng và Thủ-hiến các phần, chiếu nhiệm-vụ thi-hành dụ này. Dụ này sẽ đăng vào Công-báo Việt-nam và sẽ được thi-hành như một quốc-pháp.

Làm tại Đà-lạt, ngày mồng 3 tháng sáu năm 1953

BẢO ĐẠI

Phó-thự :

Thủ-tướng Chính-phủ,
NGUYỄN VĂN TÂM

**NGHỊ-ĐỊNH số 115-BNV/HC/TD ngày mồng 3
tháng tư năm 1957 duy-trì cho năm 1957 tỷ-lệ
giá-biêu cho mướn nhà phố tại địa-hạt tỉnh Bình-
thuận.**

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ-trách bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trinh, giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1956, ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ công-nghệ, hay về nghề nghiệp,

Chiều nghị-định số 615-NĐ/PC ngày mồng 4 tháng tư năm 1956, ấn-dịnh tỷ-lệ giảm giá-biêu căn-bán tiền thuê nhà từ năm 1953 đến 1956 tại thị-xã Phan-thiết và tỉnh Bình-thuận, (1)

Chiều công-văn số 2000-HC ngày 20 tháng ba năm 1957, của tỉnh Bình-thuận, về việc tính tiền thuê nhà trong năm 1957,

(1) Nghị-định này chưa đăng vào Công-báo Việt-nam Cộng-hòa.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Nay duy-trì cho năm 1957 tỷ-lệ giá-biêu cho mướn nhà phổ ấn-định ở khoản 1, nghị-định số 615-NĐ/PC tại địa-hạt tỉnh Bình-thuận.

Điều thứ 2.— Đại-biêu Chính-phủ tại Trung-Việt và tỉnh-trưởng Bình-thuận, chiêu nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mồng 3 tháng tư năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ,

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 120-BNV/HC/TĐ ngày mồng 10 tháng tư năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu căn-bản mười nhà tại tỉnh-lỵ Nha-trang và tỉnh Khánh-hòa về năm 1957.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ-trách bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trình giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay về nghề nghiệp,

Chiều biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tỉnh Khánh-hòa,

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dự số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1955 về nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay nghề nghiệp, được ấn-định như sau :

1^o) Tại toàn tỉnh-ly Nha-trang :

Giảm bớt năm phần trăm (5^{0/0}) đối với giá-biểu căn-bản ấn-định trong dự số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953.

2^o) Tại địa-hạt tỉnh Khánh-hòa, trừ tỉnh-ly :

Giảm bớt mười phần trăm (10^{0/0}) đối với giá-biểu căn-bản ghi trên.

Điều thứ 2. — Tỉnh-trưởng tỉnh Khánh-hòa thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mồng 10 tháng tư d.l. năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 137-BNV HC TD ngày 25 tháng tư năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá tiền mướn nhà tại đô-thị Đà-lạt và tỉnh Ninh-thuận trong năm 1957.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ-trách bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trinh, giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay về nghề nghiệp,

Chiều biên-bản phiên họp ngày mồng 8 và 12 tháng tư năm 1957, của hội-đồng tư-vấn nhà cửa tại Đà-lạt và Ninh-thuận,

Chiều đề-nghị của đô-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biêu trung-bình, tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, về nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay nghề nghiệp, được ấn-định như sau :

1^o) Trong toàn địa-vực đô-thị Đà-lạt :

Tăng lên năm phần trăm (5%) đối với giá-biêu căn-bản ấn-định trong dụ ngày mồng 2 tháng tư năm 1953.

2^o) Trong toàn tỉnh Ninh-thuận :

Tăng thêm hai mươi phần trăm (20%) đối với giá-biêu căn-bản ghi trên.

Điều thứ 2.— Đô-trưởng Đà-lạt và tỉnh-trưởng Ninh-thuận, thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 25 tháng tư năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chánh

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 176-BNV/HC TD ngày 29 tháng năm năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biểu trung-bình về nhà dùng đề ở hoặc dùng về thủ-công-nghê hay nghề nghiệp trong các tỉnh ở Nam-phần và đô-thành Sài-gòn về năm 1957.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-định chức-chương của Bộ-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ-trách bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trinh, giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng đề ở, hoặc dùng về thủ-công-nghê hay nghề nghiệp,

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn ở đô-thành và các tỉnh về nhà cửa,

Chiều đề-nghị của đô-trưởng và các tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dự số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về nhà dùng đề ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp, được ấn-định như sau, trong các tỉnh ở Nam-phần và đô-thành Sài-gòn :

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		Đề thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều thứ 14 của dự		
An-giang		—	—	Biên - bản phiên nhóm của hội-dồng tư - vấn về nhà phố ngày 14-3-1957
Bình-long		—	—	
Côn-sơn		—	—	
Định-tường	Thị-xã hỗn-hợp và toàn tỉnh (không phân biệt các khu)	—	—	Biên - bản phiên nhóm của hội-dồng tư - vấn về nhà phố ngày 4-4-1957
Gia-định	Thị-xã Bình-hòa-xã, Phú-nhuận, Thị- nghè	—	—	23-1-1957
	— Khu nhất	—	—	
	— Khu nhì	—	10 %	
	— Khu ba	—	20 %	

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		Đề thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều thứ 14 của dự		
Gia-dịnh	Trị - trấn Hóc - môn, Gò-vấp, Thủ-dức :			
	— Khu nhất	—	5 %	
	— Khu nhì	—	20 %	
	Thị - trấn Bà - diêm, Nhà-bè, Thủ-thiên, Giồng-Ông-Tổ :			
	— Khu nhất	—	10 %	
	— Khu nhì	—	20 %	
Kiến-giang	Tỉnh-ly (không phân biệt các khu)	—	15 %	22-3-1957
Kiến-hòa	Tỉnh-ly (không phân biệt các khu)			22-3-1957
	a) Phổ dùng để ở . .	—	25 %	
	b) Phổ dùng làm công- nghệ hoặc vừa dùng để ở vừa dùng về thương-mại	—	—	
Kiến-tường		—	—	11-3-1957
Long-ân	Tỉnh-ly :			
	— Khu nhất	—	—	
	— Khu nhì	—	15 %	
	— Khu ba	—	25 %	

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		Đề thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều thứ 14 của dự		
Phong-dinh	Tỉnh-ly :			15-3-1957
	— Khu nhất	5 0/0	—	
	— Khu nhì và các trung-diểm khác	—	—	
Phước-tuy	Tỉnh-ly :			15-3-1957
	— Khu nhất	—		
	— Khu nhì	—	10 0/0	
	— Khu ba	—	15 0/0	
	— Khu tư	—	20 0/0	
	Long-diểm (quận-ly) :			
	— Khu nhất	—	5 0/0	
	— Khu nhì	—	10 0/0	
	— Khu ba	—	25 0/0	
	Trung-diểm An-ngãi, An - nhứt, Tam- phước, Long-hải, Phước - tỉnh và Long-thành (không phân biệt các khu)	—	25 0/0	
	Đất-dỏ (quận-ly) :			
	— Khu nhất	—	5 0/0	
	— Khu nhì	—	20 0/0	
	— Khu ba	—	25 0/0	

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		Đề thêm vào giá-biểu căn- bản trung-bình dự-định nơi điều thứ 14 của dự		
Phước-tuy	Trung-diêm Phước- thọ và Phước-hải (không phân biệt các khu)	—	20%	20-3-1957
	Trung-diêm Phước- lợi, Hội-mỹ và Long - mỹ (không phân biệt các khu)	—	25%	
	Xuyên-mộc (quận-ly): — Khu nhất	—	25%	
Tây-ninh	Tỉnh-ly và trung-diêm Gò-dầu-hạ (không phân biệt các khu)	—	25%	
	Trung-diêm Trảng- bàng và các địa- vực khác (không phân biệt các khu)	—	25%	
Vĩnh-bình		—	—	20-4-1957
Đô-thành	— Khu nhất	20%	—	15-3-1957
Sài-gòn	— Khu nhì	20%	—	
	— Khu ba	15%	—	
	— Khu tư	15%	—	

Điều thứ 2.— Đô-trưởng Sài-gòn và các tỉnh-trưởng Nam-phần thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 29 tháng năm năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 181-BNV HC ND ngày mồng 5 tháng sáu năm 1957 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình về nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp tại các tỉnh ở Nam-phần về năm 1957.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-dịnh thành-phần Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng Bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ-trách Bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1956, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại Bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 cử Ô. Lâm lễ Trinh, giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại Bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp,

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-dồng tư-vấn các tỉnh về nhà cửa,

Chiều đề-nghị của các tỉnh sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về nhà dùng đề ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp, được ấn-định như sau :

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		đề thêm vào giá- biểu căn - bản trung-bình dự- định nơi điều thứ 14 của dụ		
An-xuyên			10 ⁰ / ₀	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày mồng 2 tháng ba năm 1957
Bình-dương	— Tỉnh-ly và quận-ly			
	Lái-thiệu :			
	Khu nhất	5 ⁰ / ₀		28-3-1957
	Các khu khác	—	10 ⁰ / ₀	
	— Các quận-ly :			
	Bến-cát, Dầu-tiếng và thị-trấn Búng (An-thạnh)	—	—	
	— Các thị-trấn :			
	Bến-súc, Tương- bình-hiệp, Tân- khánh, và Tân- an-xã (Bến-thế)		20 ⁰ / ₀	

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		dề thêm vào giá- biên căn - bản trung-bình dự- định nơi điều thứ 14 của dự		
Biên-hòa	— Tỉnh-ly : Khu nhất Khu nhì Khu ba — Long-khánh(quận- ly) và Xuân-lộc (quận-ly) — Các trung - diềm khác (không phân biệt các khu)	—	— 10 ^{0/0} 15 ^{0/0} 20 ^{0/0} 25 ^{0/0} 25 ^{0/0}	14-3-1957 24-4-1957 11-5-1957
Ba-xuyên Vĩnh-long		25 ^{0/0}		

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng sở-quan thi-hành nghị-
định này.

Sài-gòn, ngày mồng 5 tháng sáu năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng nội-vụ

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 198-BNV-HC-NĐ ngày mồng 10 tháng sáu năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình về nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp tại đô-thị Đà-nẵng, trong năm 1957.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ trách bộ Nội vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại bộ Nội vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trình giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp,

Chiều biên-bản phiên họp của hội-đồng tư vấn đô-thị Đà-nẵng về nhà cửa,

Chiều đề-nghị của đô-trưởng Đà-nẵng,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14 và 15, của dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, về nhà cửa dùng để ở, hoặc về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp, được ấn-định như sau :

Trong địa-hạt đô-thị Đà-nẵng

Tăng lên hai mươi lăm phần trăm (25%), đối với giá-biểu căn-bản ấn-định trong dụ ngày mồng 2 tháng tư năm 1953.

Điều thứ 2. — Đô-trưởng Đà-nẵng thi-hành nghị-định này.

Sài gòn, ngày mồng 10 tháng sáu năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 204-BNV/HC/NĐ ngày 13 tháng sáu năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình về nhà thuê để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại địa-hạt tỉnh Kiến-phong, tỉnh Thừa-thiên và đô-thị Huế.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống tạm-thời phụ-trách bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chánh và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trình giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp,

Chiều biên-bản phiên-hợp của hội-đồng tư-vấn nhà phố tỉnh Kiến-phong, Thừa-thiên và đô-thị Huế,

Chiều đề-nghị các tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dự số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về nhà dùng đề ở, hoặc dùng về thủ-công nghệ hay nghề-nghiệp, được ấn-định như sau :

1^o) Trong địa-hạt tỉnh Kiến-phong :

- a) Phổ ở : y giá căn-bản dự ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ;
- b) Phổ tiền-công-nghệ : tăng lên mười phần trăm (10⁰/₁₀).

2^o) Trong địa-hạt tỉnh Thừa-thiên và đô-thị Huế : y giá căn-bản.

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng sở-quan thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 13 tháng sáu năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chánh,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 220-BNV HC TĐ ngày mồng 1 tháng bảy năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình về nhà thuê dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay nghề nghiệp, trong khu-vực Quảng-trị hay Đông-hà.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 69-NV ngày 30 tháng tư năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu, bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống, tạm-thời phụ-trách bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết lập chức-vụ tham-lý hành-chính và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trinh, giữ chức-vụ tham-lý hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay về nghề nghiệp,

Chiều biên-bản phiên họp ngày 19 tháng tư năm 1957, của hội-đồng tư-vấn nhà cửa tỉnh Quảng-trị,

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình, tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dự số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay nghề nghiệp, được ấn-dịnh như sau :

— Trong toàn khu-vực xã Quảng-trị và địa-vực xã Đồng-hà :

Tăng lên hai mươi lăm phần trăm ($25\frac{0}{100}$) đối với giá-biểu căn-bản ấn-dịnh trong dự ngày mồng 2 tháng tư năm 1953.

Điều thứ 2.— Tỉnh-trưởng Quảng-trị thi-hành nghị-dịnh này.

Sài-gòn, ngày mồng 1 tháng bảy năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng nội-vụ

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỀ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 230-BNV HC P8 ngày 11 tháng bảy năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình về nhà thuê dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại tỉnh Kontum và tỉnh Bình-định.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955, ấn-định thành-phần Chính-phủ Việt-nam Cộng-hòa,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 154-TTP ngày mồng 9 tháng mười một năm 1956, cử Ô. Nguyễn hữu Châu giữ chức bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống kiêm chức bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957, thiết-lập chức-vụ tham-ly hành-chính và tham-ly nội-an tại bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957, cử Ô. Lâm lễ Trinh giữ chức-vụ tham-ly hành-chính tại bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp,

Chiều biên-bản phiên họp của hội-dồng tư-vấn nhà phố tỉnh Kontum và Bình-định,

Chiều đề-nghị của các tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1957, số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14 và 15 của dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về nhà dùng để ở hoặc dùng để thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp, được ấn-định như sau :

Tỉnh	Địa-vực và khu	Số bách- phần tăng	Số bách- phần giảm	Chú-thích
		Đề thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều thứ 14 của dự		
Kontum	Địa-vực thứ nhất Từ đường Bok Kiếm quanh theo đường Phan- thanh -Giản, Phan-chu-Trinh và Phan - đình-Phùng	25 ⁰ / ₀		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - văn về nhà phố ngày 14-5-1957
	Địa-vực thứ 2 Các vùng ngoại-ô kê từ giữa các đường ghi trên	20 ⁰ / ₀		
Bình-định	a) Thị-xã Qui-nhơn b) Các thị-trấn Tam-quan, Bồng-sơn, Phú-mỹ, Phú-cát, Đập-dá, Bình-định, An - thái, Phu- phong, Tuy-phước, Chợ Dinh, Gò-bôi và Diêu-trì	25 ⁰ / ₀ 20 ⁰ / ₀		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - văn về nhà phố ngày 28-5-1957
	c) Các khu-vực khác trong tỉnh	15 ⁰ / ₀		

Điều thứ 2.— Các Tỉnh-trưởng sở-quan thi-hành nghị-
định này.

Sài-gòn, ngày 11 tháng bảy năm 1957

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chính,

LÂM LỄ TRINH

**NGHỊ-ĐỊNH số 13-BNV HC/NĐ ngày 20
tháng giêng năm 1958 ấn-định giá-biểu thuê
nhà ở Trung-phần.**

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi
do các vấn-kiện kế tiếp, ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định
chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 154-TTP ngày mồng 9 tháng mười một năm 1956
cử Ô. Nguyễn hữu Châu giữ chức Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống kiêm
chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957 thiết-lập
chức-vụ tham-lý hành-chánh và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 cử
Ô. Lâm lễ Trính giữ chức tham-lý hành-chánh tại bộ Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-
quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về
thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở các
đô-thị và các tỉnh Trung-phần ;

Chiều đề-nghị của các đô-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan ;

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1958, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biểu trung-bình, tính theo điều thứ 13, 14 và 15 dự số 4 ngày 2-4-1953 về nhà dùng đề ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp, được ấn-định như sau trong các đô-thị và các tỉnh ở Trung-phần :

Đô-thị hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào	Số bách- phần giảm đề hạ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Đô-thị Huế và tỉnh Thừa-thiên		y	giá căn-bản	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 21-12-1957
Đô-thị Đà- nẵng		25 ⁰⁰		— ngày 21-12-1957
Đô-thị Đà- lạt		5 ⁰⁰		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn ngày 21-12-1957
Bình-định	a) Qui-nhon	25 ⁰⁰		— ngày 12-12-1957

Đô-thị hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang di thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm đi hạ Chú-thích
Bình-định	b) Các thị-trấn : Tam-quan, Bồng- son, Phù-mỹ, Phù-cát, Đập-dá, Bình-định, An- thái, Phú-phong, Tuy-phước, Chợ- dinh, Gò-bôi, Diêu-trì. . . .	20 ⁰ / ₀	
	c) Các khu-vực khác còn lại trong tỉnh.	15 ⁰ / ₀	
Bình-thuận			— ngày 21-12-1957
Khánh-hòa	— tỉnh-lỵ Nha-trang	5 ⁰ / ₀	— ngày 23-12-1957
	— toàn tỉnh Khánh- hòa (trừ tỉnh-lỵ)	10 ⁰ / ₀	
Ninh-thuận		20 ⁰ / ₀	— ngày 21-12-1957
Phú-yên		y giá căn-bản	— ngày 23-12-1957

Đô-thị hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào	Số bách- phần giảm đề hạ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Quảng-nam	a) Thành-phố Hội-an, khu-vực Vĩnh-diễn (Điện - bàn) Hòa-vang và Tam-kỳ	25%		— ngày 21-11-1957
	b) Quận Đại-lộc, Duy-xuyên, Thăng-bình, Quế-sơn, Tiên-phước, và Trà-mỹ. . .	15%		
Quảng-trị	— trong toàn khu-vực xã Quảng-trị và địa-vực xã Đông-hà	25%		— ngày 19-12-1957

Điều thứ 2.— Các đô-trưởng và tỉnh-trưởng Trung-phần thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 20 tháng giêng năm 1958

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chánh,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 22-BNV/HC/NĐ ngày 28 tháng
giêng năm 1958 ấn-định về năm 1958 số bách-
phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình cho thuê
nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ
hay nghề nghiệp tại đô-thành Sài-gòn và các tỉnh
Nam-phần.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 và các
văn-kiện kế tiếp, ấn-định thành-phần Chánh-phủ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định
chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ;

Chiều sắc-lệnh số 154-TTP ngày mồng 9 tháng mười một năm
1956 cử Ô. Nguyễn hữu Châu giữ chức Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống
kiêm chức Bộ-trưởng Nội-vụ;

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957 thiết-lập
chức-vụ tham-lý hành-chánh và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ;

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 cử Ô.
Lâm lễ Trinh giữ chức tham-lý hành-chánh tại bộ Nội-vụ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-
quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc về thủ-
công-nghệ, hay về nghề nghiệp;

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tại
đô-thành Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần;

Chiều đề-nghị của đô-trưởng và các tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1958 số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công nghệ hay nghề nghiệp, được ấn-định như sau, tại đô-thành Sài-gòn và các tỉnh ở Nam-phần :

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để trừ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Đô-thành Sài-gòn	Khu nhất . . .	20	00	Biên - bản phiên nhóm của hội-dồng tư - vấn về nhà phố ngày 24-12-1957
	Khu nhì . . .	20	00	
	Khu ba . . .	15	00	
	Khu tư . . .	15	00	
An-giang		Y giá căn-bản		18-12-1957
An-xuyên			10 00	10-1-1958
Ba-xuyên			25 00	— 24-12-1957
Biên-hòa	— Tỉnh-ly :	Y giá căn-bản		— 11-1-1958
	— Khu nhất . .			
	— Khu nhì . . .		10 00	
	— Khu ba . . .		15 00	
	Quận-ly : Long- thành		20 00	
	— Các trung-diểm khác (không phân biệt các khu). .		25 00	

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm đề hạ giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Bình-dương	1) Tỉnh-ly và quận- ly Lái-thieu :			— 19-12-1957
	— Khu 1 . .	5 %		
	— Khu 2 . .	Y giá căn-bản		
	— Khu 3 . .	5 %		
	2) Các quận-ly Bến- cát, Củ-chi, Dầu- tiếng và thị-trấn Búng (xã An- thạnh) thuộc quận Lái-thieu . . .	Y giá căn-bản		
	3) Các thị-trấn Bến- súc (quận Dầu- tiếng) Bến-thế, Tân-phước-khánh (quận Châu-thành) Phước-hiệp, Phú- hòa-đông (quận Củ-chi) . . .	10 %		
	4) Các khu khác trong tỉnh không chỉ-dịnh trên đây.	20 %		
Bình-tuy		25 %		— 24-12-1957
Định-tường		Y giá căn-bản		— 20-12-1957

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	<div> <div> Số bách- phần tăng để thêm vào </div> <div> Số bách- phần giảm để hạ </div> </div> <div> giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2.4.1953. </div>		Chú-thích
Gia-dịnh	1) Thị-trấn Bình-hòa-xã, Phú-nhuận, Thị-nghe :			—
	— Khu 1. . .	Y	giá căn-bản	19-12-1957
	— Khu 2. . .		10 %	
	— Khu 3. . .		20 %	
	2) Thị-trấn Hóc-môn, Gò-vấp, Thủ-đức :			
	— Khu 1. . .		5 %	
	— Khu 2. . .		20 %	
	3) Thị-trấn Bà-diêm, Nhà-bè, Thủ-thiên, Giồng-ông-Tổ :			
	— Khu 1. . .		10 %	
	— Khu 2. . .		20 %	
Kiên-giang			5 %	20-12-1957
Kiến-hòa	1) Nhà dùng để ở		25 %	—
	2) Nhà vừa để ở vừa dùng để buôn bán	Y	giá căn-bản	23-12-1957
Kiến-tường	Tinh-lý Mộc-hóa :			—
	Khu 1, 2, 3 và 4	20 %		23-12-1957

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào Số bách- phần giảm đề hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Long-an		Y giá căn-bản		— 20-12-1957
Long-khánh		20 %		
Phong-dinh	1) Tỉnh-ly Căn-thơ :	19-12-1957		
	— Khu nhất. .	5 %	— 23-12-1957	
	— Các khu khác	Y giá căn-bản		
	2) Các quận-ly	10 %		
Phước-long		Y giá căn-bản		— 21-12-1957
Phước-tuy	1) Tỉnh-ly :			
	— Khu nhất. .	5 %	— 24-12-1957	
	— Khu nhì . .	15 %		
	— Khu ba . .	20 %		
	— Khu tư . .	25 %		
	2) Quận Long-diên : Quận-ly :			
	— Khu nhất. .	5 %		
	— Khu nhì . .	15 %		
	— Khu ba . .	25 %		

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào Số bách- phần giảm để bớt giá-biêu căn-bản trung-hình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2.4.1953		Chú-thích
	Trung - diêm : An - nhứt, An- ngãi, Tam-phước, Long-hải, Phước- tĩnh và Long-thạnh (không phân-biệt các khu).		25 %	
	3) Quận Đất - đỏ : Quận-ly :			
	— Khu nhất. . .		10 %	
	— Khu nhì . . .		20 %	
	— Khu ba . . .		25 %	
	Trung - diêm : Phước - thọ và Phước-hải (không phân biệt các khu)		20 %	
	Trung - diêm : Phước-lợi, Hội- mỹ và Long-mỹ (không phân biệt các khu) . . .		25 %	
	4) Quận Xuyên mộc : Quận-ly :			
	— Khu nhất. . .		25 %	
	5) Quận-ly Vũng-tàu :			
	— Khu nhất. . .	Y	5 %	giá căn-bản
	— Khu nhì . . .		10 %	
	— Khu ba . . .		15 %	
	— Khu tư . . .			

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Sở bách- phần tăng để thêm vào giả-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Tây-ninh	6° Quận Cần-giờ : Quận-ly :			
	Khu nhất . . .		25 %	
	1° Tỉnh-ly và trung- điểm Gò-dầu-hạ (không phân biệt các khu) . . .		25 %	— 21-12-1957
Vĩnh-bình	2° Trung-điểm Trảng bàng và các địa-vực khác (không phân biệt các khu) . .		25 %	
		Y giả căn-bản		— 23-12-1957

Điều thứ 2.— Đô-trưởng và tỉnh-trưởng Nam-phần
thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 28 tháng giêng năm 1958

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chánh,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 38-BNV HC NĐ ngày 13 tháng hai năm 1958 bổ-túc điều thứ nhất nghị-dịnh số 22-BNV HC NĐ ngày 28-1-1958 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu căn-bản cho thuê nhà tại đô-thành và các tỉnh Nam-phần.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 và các văn-kiện kế tiếp ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng Bộ-Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 154-TTP ngày mồng 9 tháng mười một năm 1956 cử Ô. Nguyễn hữu Châu giữ chức Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống kiêm chức Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957 thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chánh và tham-lý nội-an tại Bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 cử Ô. Lâm lễ Trinh giữ chức-vụ tham-lý hành-chánh tại Bộ Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp,

Chiều nghị-dịnh số 22-BNV HC NĐ ngày 28 tháng giêng năm 1958 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu căn-bản về việc cho thuê nhà tại đô-thành và các tỉnh Nam-phần,

Chiều biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tỉnh Gia-định, Kiến-phong và Vĩnh-long.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Điều thứ nhất nghị-dịnh số 22-BNV/HC/NĐ ngày 28-1-1958 được bổ-túc như dưới đây :

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm để hạ Chú-thích
Gia-dịnh	Các địa-diểm khác trong tỉnh ngoài các thị-trấn đã ghi trong nghị-dịnh số 22- BNV / HC / ND ngày 28-1-1958.		Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phố ngày 4-2-1958
Kiến-phong	1°) Nhà dùng để ở . . 2) Nhà vừa để ở vừa dùng về tiêu-công- nghệ hay buôn bán	25% 10%	Ngày 21-1-1958
Vĩnh-long	1°) Nhà hay phố kiến- trúc bằng cây, lợp ngói, vách ván. . 2°) Nhà hay phố kiến- trúc bằng gạch ngói có trần hay không trần, có đủ tiện- nghỉ hay không, có hay không có ống tháo nước ra cống, nền lót gạch hay trắng xi-măng. 3°) Biệt-thự, biệt-thự giáp vách, biệt-thự song đôi (có hay không có vườn, có hàng rào), kiến- trúc bằng vật-liệu cứng rắn, nền lót gạch màu hay gạch tàu, có vật-dụng vệ-sinh	20% Y giá căn-bản Y giá căn-bản 20%	Ngày 31-1-1958

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng Gia-dịnh, Kiến-phong
và Vĩnh-long thi-hành nghị-dịnh này.

Sài-gòn, ngày 13 tháng hai năm 1958

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chánh,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 39-BNV HC ND ngày 14 tháng hai năm 1958 bổ-túc điều 1 nghị-định số 13-BNV HC ND ngày 20-1-1958 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu căn-bản cho thuê nhà tại các đô-thị và các tỉnh ở Trung-phần.

Bộ-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 và các văn-kiện kế tiếp, ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 154-TTP ngày mồng 9 tháng mười một năm 1956 cử Ô. Nguyễn hữu Châu giữ chức Bộ-trưởng tại phủ Tổng-thống kiêm chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 41-NV ngày 28 tháng hai năm 1957 thiết-lập chức-vụ tham-lý hành-chánh và tham-lý nội-an tại bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 44-NV ngày mồng 1 tháng ba năm 1957 cử Ô. Lâm lễ Trình giữ chức-vụ tham-lý hành-chánh tại bộ Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay về nghề nghiệp ;

Chiều nghị-định số 13-BNV/HC ND ngày 20 tháng giêng năm 1958 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu căn-bản về việc cho thuê nhà tại các đô-thị và các tỉnh ở Trung-phần ;

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tại Đồng-nai-thượng và Kontum ;

Chiều đề-nghị của các tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Điều 1 nghị-định số 13-BNV/HC/ND ngày 20 tháng giêng năm 1958, được bổ-túc như dưới đây :

Đô thị hay tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần		Chú-thích
		Tăng dề thêm vào	Giảm dề hạ	
		Giá-biêu căn- bản trung-bình dự-dịnh nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Đồng-nai- thượng		15	0	Công-văn số 396-DNT/ HC2 ngày 21-1-1958 của tỉnh này
Kontum	— Khu-vực 1 : những nhà cửa ở dọc theo 2 bên đường Bok- Kiêm, Phan-thanh- Giản, Phan-chu- Trình và Phan- đình-Phùng. . .	25	0	Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phố ngày 21 tháng chạp năm 1957
	— Khu-vực 2 : những nhà cửa ở dọc theo các con đường không có ghi trên	20	0	

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng sở-quan thi-hành nghị-
định này.

Sài-gòn, ngày 14 tháng hai năm 1958

T.U.N. Bộ-trưởng Nội-vụ

Tham-ly hành-chánh,

LÂM LỄ TRINH

**NGHỊ-ĐỊNH số 58-BNV, HC, ND ngày 13 tháng
giêng năm 1959 ấn-định số bách-phần tăng hay
giảm giá-biểu thuê nhà ở Nam-phần năm 1959.**

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiện kế tiếp, ấn-định thành-phần Chánh-phủ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ;

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ô. LAM lễ Trình giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người mượn nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp;

Chiều các biên-bản phiên-hợp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở đô-thành Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần;

Chiều đề-nghị của đô-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1959, số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau tại đô-thành Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần :

Đô-thành hay tỉnh	Khu - vực	Số biên- phần tổng đề thêm vào Số biên- phần giảm đi hạ giá-biên-căn-bản trung-bình định-nội-điều-14 của-đự-số-4 ngày-2-4-1953	Chú-thích
Đô-thành Sài-gòn	— khu nhất — khu nhì — khu ba — khu tư	20 % 20 % 15 % 15 %	Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phố ngày 15-12-1958
An-giang		Y giá căn-bản	19-12-1958
An-xuyên		10 %	18-12-1958
Biên-hòa	1) Tỉnh-lý : — khu nhất — khu nhì — khu ba 2) Quận-lý : Long-thành, Dĩ-an, Tân-uyên 3) Các khu khác trong tỉnh (không chỉ-định trên đây)	Y giá căn bản 10 % 15 % 20 % 25 %	17-12-1958
Bình-dương	1) Tỉnh-lý và quận Lái-thiêu : — khu 1 — khu 2 — khu 3	5 % Y giá căn bản 5 %	

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Y giá căn bản	Chú-thích
Bình-dương (tiếp theo)	2) Các quận-ly Bến- cát, Củ-chi, Dầu- tiếng và thị-trấn Bồng (xã An- thành) thuộc quận Lái-thiêu	Y giá căn bản	
	3) Các thị-trấn Bến- súc (quận Dầu- tiếng), Bến-thế, Tân-phước-khánh (quận Châu- thành), Phước- hiệp, Phú-hòa- đông (quận Củ- chi)	10 %	
	4) Các khu khác trong tỉnh không chỉ-dịnh trên đây	20 %	17-12-1958
Bình-tuy	1) khu nhất (thương- mãi)	25 %	22-12-1958
	2) khu nhì (không thương-mãi)	20 %	
	3) khu 3 (nhà lá)	15 %	
Ba-xuyên		25 %	23-12-1958
Bình-long		Y giá căn bản	18-12-1958
Định-tướng		Y giá căn bản	23-12-1958

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang đề thêm vào Số bách- phần giảm đề hạ giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Gia-định	1) Thị - trấn Bình - hòa - xã, Phú - nhuận, Thị-nghè :	Y giả căn bản	18-12-1958	
	— vùng 1		10%	
	— vùng 2		20%	
	— vùng 3			
	2) Thị - trấn Hóc - môn, Gò - vấp, Thủ-dức :			
	— vùng 1		5%	
	— vùng 2		20%	
	3) Thị-trấn Bà-diêm, Phú - xuân - hội, Thủ-thiên, Giồng Ông-Tổ :			
	— vùng 1		10%	
	— vùng 2		20%	
	4) Các địa-diềm khác ngoài các thị-trấn kể ở 3 khoản trên		25%	
Kiến-trường	Tỉnh-lỵ Mộc-hóa khu 1, 2, 3 và 4	15%	24-12-1958	

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	<div> <div> Số bách- phần tăng dễ thêm vào </div> <div> Số bách- phần giảm dễ hạ </div> </div> <div> giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của tập số 4 ngày 2-4-1953 </div>		Chú-thích
Kiến-phong	1") Nhà dùng để ở		10 ⁰ / ₀	18-12-1958
	2) Nhà dùng để buôn bán và tiểu-công-nghệ	20 ⁰ / ₀		
Kiên-giang			5 ⁰ / ₀	16-12-1958
Kiến-hòa	1") Nhà dùng để ở		25 ⁰ / ₀	17-12-1958
	2") Nhà vừa để ở vừa dùng để buôn bán	Y giá căn bản		
Long-an		Y giá căn bản		18-12-1958
Long-khánh			20 ⁰ / ₀	19-12-1958
Phước-tuy	1) Quận Châu-thành:			
	— khu nhất		5 ⁰ / ₀	
	— khu nhì		15 ⁰ / ₀	
	— khu ba		20 ⁰ / ₀	
	— khu tư		25 ⁰ / ₀	
	2) Quận Long-diễn:			
	— khu nhất		5 ⁰ / ₀	
	— khu nhì		15 ⁰ / ₀	
	— khu ba		25 ⁰ / ₀	

Đô-thành hay tỉnh	Khu vực	Số hach- phân tâng đề thêm vào giả-biểu căn-bản trung-hình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2.4.1953	Chú-thích
Phước-tuy (tiếp theo)	Trung - diêm : An - nhứt, An - ngãi, Tam-phước, Long-hải, Phước- tĩnh, và Long- thành (không phân biệt các khu	25%	
	3) Thị-trấn Đất-dỏ :		
	— khu nhất	10%	
	— khu nhì	20%	
	— khu ba	25%	
	Trung - diêm : Phước - thọ, Phước - hải (không phân biệt các khu)	20%	
	Trung - diêm : Phước-lợi, Hội- mỹ và Long-mỹ (không phân biệt các khu)	25%	
	4) Quận Xuyên-mộc (quận-ly) :	25%	
	— khu nhất		

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Phước-tuy (tiếp theo)	5) Quận Vũng - tàu (quận-ly) :	Y giá căn bản	5 ⁰⁰ / ₀	16-12-1958
	— khu nhất		10 ⁰⁰ / ₀	
	— khu nhì		15 ⁰⁰ / ₀	
	— khu ba		25 ⁰⁰ / ₀	
	— khu tư		25 ⁰⁰ / ₀	
Phong-dinh	6) Quận Cần - giời (quận-ly) :	Y giá căn bản	25 ⁰⁰ / ₀	22-12-1958
	— khu nhất		25 ⁰⁰ / ₀	
	1) Tỉnh-ly Cần-thơ		5 ⁰⁰ / ₀	
	1) Khu nhất		10 ⁰⁰ / ₀	
	2) Trong những khu khác		25 ⁰⁰ / ₀	
Tây-ninh	2) Tại các quận-ly	Y giá căn bản	25 ⁰⁰ / ₀	19-12-1958
	1) Tỉnh-ly và trung- điểm Gò-dầu-hạ (không phân biệt các khu)		25 ⁰⁰ / ₀	
	2) Trung-điểm Trảng bàng và các địa- vực khác (không phân biệt các khu)		25 ⁰⁰ / ₀	

Đô-thành hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần lăng đề thêm vào Số bách- phần giảm đề hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Vĩnh-long	A) Quận Châu-thành	Y giá căn bản		
	1) Nhà hay phổ kiến- trúc bằng cây lợp ngói vách ván 2) Nhà hay phổ kiến- trúc bằng gạch ngói có trần hay không trần, có đủ tiện-nghỉ hay không tiện-nghỉ có hay không có ống tháo nước ra cống, nền lót gạch hay tráng xi-măng			
	3) Biệt-thự, biệt-thự giáp vách, biệt-thự song đôi (có hay không có vườn, có hàng rào) kiến- trúc bằng vật-liệu cứng rắn, nền lót gạch màu hay gạch tàu, có vật-dụng vệ-sinh	Y giá căn bản		
Vĩnh-bình	B) Quận Sadéc	Y giá căn bản		22-12-1958
	1) Tỉnh-ly 2) Tại các quận-ly	Y giá căn bản	25%	17-12-1958

Điều thứ 2. — Đô-trưởng Sài-gòn và tỉnh-trưởng Nam-
phần thi-hành nghị-dịnh này.

Sài-gòn, ngày 13 tháng giêng năm 1959

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 118-BNV HC ND ngày 22 tháng giêng năm 1959 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà ở Trung-phần trong năm 1959.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiện kế tiếp, ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ô. Lâm là Trình giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghe hay về nghề nghiệp,

Chiều các biện bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở các thành-phố và các tỉnh Trung-phần,

Chiều đề-nghi của các thị-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1959, số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biêu trung-bình, tính theo điều 13, 14 và 15 dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghe hay nghề nghiệp được ấn-dịnh như sau trong các thành-phố và các tỉnh ở Trung-phần :

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Bình-định	a) Thành-phố Qui- nhơn	25%		Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn ngày 20-12-1958
	b) Thị-trấn Tam- quan, Bồng-sơn, Phú-mỹ, Phù-cát, Đập-dã, Bình- định, An-thái, Phú-phong, Tuy- phước, Chợ-dinh, Cò-bồi và Diêu- trì.	20%		
	c) Các khu-vực khác trong tỉnh :	15%		
Bình-thuận			25%	26-12-1958
Thành-phố Đà-nẵng		25%		Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn ngày 29-12-1958
Thành-phố Đà-lạt và tỉnh Tuyên-đức		5%		19-12-1958
Thành-phố Huế và tỉnh Thừa-thiên				26-12-1958

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Khánh-hòa	— Châu-thành Nha-trang	5%		19-12-1958
	— Toàn tỉnh Khánh-hòa (trừ tỉnh-lý)	10%		
Lâm-đồng	1) Châu-thành Blao	20%		26-12-1958
	2) Châu-thành Di- linh	15%		
Ninh-thuận		20%		18-12-1958
Phú-yên		y giá căn-bản		18-12-1958
Quảng-nam	1) Khu-vực thứ nhất :			26-12-1958
	— Thành-phố Hội-an khu- vực Vĩnh- diên (Điện- bản) khu-vực Hòa-vang và khu-vực Tam- kỳ	25%		
	2) Khu-vực thứ nhì :			
	— Quân Đại-lộc, Duy-xuyên, Thăng-bình, Quế-sơn, Tiền-phước và Trà-my	15%		

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Quảng-nam (tiếp theo)	3) Khu-vực thứ ba : — Quận Hòa- tân, Hiến- giăng, và Phước-sơn	10 ⁰ / ₁₁		
Quảng-trị	Trong toàn khu- vực Quảng-trị và địa- vực Đông-hà.	25 ⁰ / ₁₁		23-12-1958

Điều thứ 2.— Các thị-trưởng và tỉnh-trưởng Trung-
phần thi-hành nghị-dịnh này.

Sài-gòn, ngày 22 tháng giêng năm 1959

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 189-BNV HC ND ngày 13 tháng hai năm 1959 bổ-túc nghị-định số 118-BNV HC ND ngày 22-1-1959 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà ở Trung-phần trong năm 1959.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiện kế tiếp, ấn-định thành-phần Chánh-phủ,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ông Lâm lễ Trình giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp,

Chiều biên-bản phiên họp ngày 14 tháng giêng năm 1959 của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tỉnh Kontum,

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng Kontum,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Điều 1 nghị-định số 118-BNV/HC/ND ngày 22-1-1959 được bổ-túc như dưới đây :

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tang để thêm vào Số bách-phần giảm để hạ giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Kontum	<i>Khu I</i> — Nhà cửa dọc theo hai bên đường Kok-Kiêm, Phan-thanh-Giã, Phan-chu - Trinh và Phan-dinh-Phùng	25 ‰	— Biên-bản phiên nhóm của hội-dồng tư-vấn về nhà phố ngày 14-1-1959.
	<i>Khu II</i> — Nhà cửa ở dọc theo các con đường không có ghi trên	20 ‰	

Điều thứ 2.— Tỉnh-trưởng Kontum thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 13 tháng hai năm 1959

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 1763-BNV/HC/NĐ ngày 24 tháng chạp năm 1959 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp trong năm 1960.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiện kế tiếp ấn-định thành-phần Chánh-phủ,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ó. Lâm lễ Trình giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp,

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở đô-thành Sài-gòn và các tỉnh,

Chiều đề-nghị của đô-trưởng, tỉnh-trưởng và thị-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1960, số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau đây :

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	<div> <div> Số bách- phần tăng để thêm vào </div> <div> Số bách- phần giảm để hạ </div> </div> <div> giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953 </div>	Chú-thích
Đô-thành Sài-gòn	— Khu nhất	20 %	Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 24-11-1959
	— Khu nhì	20 %	
	— Khu ba	15 %	
	— Khu tư	15 %	
An-giang		Y giá căn bản	23-11-1959
An-xuyên		10 %	4-12-1959
Biên-hòa	1") Tỉnh-lý :		
	— Khu nhất	Y giá căn bản	
	— Khu nhì		10 %
	— Khu ba		15 %
	2") Quận-lý :		
	Long-thành	20 %	24-11-1959
	3") Các trung - điểm khác không phân biệt các khu	25 %	
Bình-duơng	1") Tỉnh-lý và quận Lái-thiêu		7-12-1959
	— Khu 1	5 %	
	— Khu 2	Y giá căn bản	
	— Khu 3		5 %

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số học phần tăng đi thêm vào Số học phần giảm đi hạ giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Bình-dương (tiếp theo)	2) Các quận-lỵ Bến- cát, Củ-chi, Dầu- tiếng và thị-trấn Búng (xã An- thành thuộc quận Lái-thieu)	Y giá căn bản		
	3) Các thị-trấn Bến- súc, (quận Dầu- tiếng) Bến - thế, Tân-phước-khánh (quận Châu-thành) Phước-hiệp, Phú- hòa - đông (quận Củ-chi)		10 %	
	4) Các khu khác trong tỉnh không chỉ- định trên đây		20 %	20-11-1959
Bình-long		Y giá căn bản		19-11-1959
Gia-dịnh	1) Thị - trấn Bình- hòa-xã Phú-nhuận Thị-nghe			
	— Vùng 1	Y giá căn bản		
	— Vùng 2		10 %	
	— Vùng 3		20 %	

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	<div> <div>Số bách-phần tăng để thêm vào</div> <div>Số bách-phần giảm để hạ</div> </div> <div> <div>giả-biểu căn-bản</div> <div>trung-bình dự-</div> <div>định nơi điều 14</div> <div>của dự số 4</div> <div>ngày 2-4.1953</div> </div>		Chú-thích
Gia-định (tiếp theo)	2°) Thị-trấn Hóc-môn, Gò-vấp Thủ-đức			
	— Vùng 1		5 %	
	— Vùng 2		20 %	
	3) Thị-trấn Bà-diêm Phú - xuân - hội, Thủ-thiên, Giồng ông-tổ			
	— Vùng 1		10 %	
— Vùng 2			20 %	
4) Các địa-diểm khác ngoài các thị-trấn kể ở 3 khoản trên			25 %	3-12-1959
Kiến-phong	1°) Nhà dùng để ở		10 %	
	2°) Nhà dùng để buôn bán và tiểu-công- nghệ	20 %		
Kiến-trương	1°) Khu 1 Khu buôn bán và công kỹ-nghệ	15 %		4-12-1959
	2°) Khu 2			
	Khu gia-cư	10 %		
	3°) Khu 3, 4 : Khu nói rộng châu-thành			
		Y giá căn bản		

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số tiền phần tăng đi theo số Sĩ-lực phần giảm đi		Chú-thích
		giảm-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2.4.1953		
Kiến-hòa	1) Nhà dùng để ở		25 ‰	7-12-1959
	2) Nhà phố dùng vừa để ở và buôn bán	Y giá căn bản		
Long-an		Y giá căn bản		8-12-1959
Long-khánh			20 ‰	13-11-1959
Phước-tuy	1) Tỉnh-ly			14-11-1959
	— Khu nhất		5 ‰	
	— Khu nhì		15 ‰	
	— Khu ba		20 ‰	
	— Khu tư		25 ‰	
	2) Quận-ly			
	Long-diễn			
	— Khu nhất		5 ‰	
	— Khu nhì		15 ‰	
	— Khu ba		25 ‰	
	Trung - diêm : An- nhứt, An - ngãi, Tam-phước, Long hải, Phước-tĩnh và Long - thành (không phân biệt các khu)		25 ‰	

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào Số bách- phần giảm đề hu giả-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Phước-tuy (tiếp theo)	3) Thị-trấn			
	Đất-dò			
	— Khu nhất		10 "	
	— Khu nhì		20 "	
	— Khu ba		25 "	
	Trung-diêm : Phước- thọ, Phước-hải (không phân biệt các khu)		20 "	
	Trung-diêm : Phước- lợi, Hối-mỹ và Long-mỹ (không phân biệt các khu)		25 "	
	4) Quận-ly			
	Xuyên-mộc			
	— Khu nhất		25 "	
	5) Quận-ly Vũng-tàu			
	— Khu nhất	Y gia căn bản		
	— Khu nhì		5 "	
	— Khu ba		10 "	
	— Khu tư		15 "	
	6) Quận-ly Cần-giờ			
	— Khu nhất		25 "	

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào	Số bách- phần giảm dề hạ	Chú-thích
		giải-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Phong-dinh	1) Tỉnh-ly Cần-thơ — Khu nhứt — Trong những khu khác	5 ‰	Y giá căn-bản	1-12-1959
Tây-ninh	2) Tại các quận-ly	10 ‰		24-11-1959
	1) Tỉnh-ly và trung- điểm Gò-dầu-hạ (không phân biệt các khu)	25 ‰		
	2) Trung-điểm Trảng- bàng các địa-vực khác (không phân biệt các khu)	25 ‰		
Vĩnh-bình	1) Tỉnh-ly Phú-vinh	5 ‰		27-11-1959
	2) Tại các quận-ly	25 ‰		
* * *				
Bình-dịnh	1) Thành-phố Qui-nhơn 2) Thị-trấn Tam- quan, Bồng-sơn, Phú-mỹ, Phú-cát, Đập-đá, Bình-dịnh (An-nhơn) An- thái, Phú-phong, Tuy-phước, Chợ- dinh, Gò-bồi và Diêu-trì	25 ‰	20 ‰	24-11-1959

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Bình-dịnh (tiếp theo)	3) Các khu-vực khác trong tỉnh	15 ‰		
Bình-thuận			25 ‰	3-12-1959
Thành-phố Đà-lạt và tỉnh Tuyên- đức		5 ‰		25-11-1959
Thành - phố Huế và tỉnh Thừa-thiên		Y gia câu bản	25 ‰	30-11-1959
Khánh-hòa	1') Châu-thành Nha-trang		5 ‰	25-11-1959
	2') Các quận-lỵ và các thị-trấn khác		10 ‰	
Kon-tum	Khu 1 — Nhà cửa dọc theo hai bên đường Kok- Kiêm, Phan- thanh-Giân, Phan-chu- Trình và Phan- đình-Phùng	25 ‰		26-11-1959

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang đề thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Kontum (tiếp theo)	Khu II		
	— Nhà cửa dọc theo các con đường không có ghi trên	20 ‰	
Lâm-dồng	1') Châu-thành		
	Bảo-lộc	25 ‰	28-11-1959
	2) Châu-thành		
	Di-linh	25 ‰	
Ninh-thuận		20 ‰	3-12-1959
Phú-yên		Y giá căn-bản	7-12-1959
Quảng-nam	1') Khu I		
	— Thành-phố Hội-an		26-11-1959
	— Khu-vực Vĩnh-diên (Điện-bàn)		
	— Khu-vực Hòa-vang		
	— Khu-vực Tam-kỳ	25 ‰	

Đô-thành, thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Quảng-nam (tiếp theo)	2) Khu II			
	— Quận Đại-lộc, Duy-xuyên, Thăng-bình, Quế-sơn, Tiên-phước và Hậu-dức	15	%	
	3) Khu III			
	— Quận Hiếu-dức, Thường-dức, Hiệp-dức	10	"	

Điều thứ 2.— Đô-trưởng Sài-gòn, các tỉnh-trưởng và thị-trưởng thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 24 tháng chạp năm 1959

LÂM LỄ TRINH

ĐÍNH-CHÍNH số 353-BNV HC. ND ngày 21 tháng ba năm 1960 nghị-định số 1763-BNV/HC. ND ngày 24-12-1959 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu thuế nhà dung để ở hoặc dùng về thủ công-nghệ hay nghề nghiệp.

Điều thứ nhất.—

Đô-thành, thành phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng giảm thêm vào Số bách- phần giảm để hệ gia-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
------------------------------------	---------	--	-----------

Thay vì :

Thành-phố Huế và tỉnh Thừa-thiên	Y giá căn-bản	25 ⁰⁰	30-11-1959
--	------------------	------------------	------------

Nay đọc là :

Thành-phố Huế và tỉnh Thừa-thiên	Y giá căn-bản		30-11-1959
--	------------------	--	------------

(Ký dư không thay đổi)

Sài-gòn, ngày 21 tháng ba năm 1960

Bộ-trưởng Nội-vụ,

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 69-BNV HC ND ngày 20 tháng
giêng năm 1960 ấn-định số bách-phần tăng hay
giảm giá-biểu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về
thủ công-nghệ hay nghề nghiệp trong năm 1960.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi
do các văn-kiện kế tiếp ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định
chức-chương của Tổng-trưởng Bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ô.
Lâm lễ Trình giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-
quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về
thủ công-nghệ hay về nghề-nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên-hợp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở
thành-phố Đà-nẵng và các tỉnh Ba-xuyên, Bình-tuy, Định-tướng, Kiên-
giang, Phước-long, Vĩnh-long và Quảng-trị ;

Chiều đề-nghị của thị-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1960 số bách-phần tăng
hay giảm giá biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16
của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng
về thủ công-nghệ hay nghề-nghiệp được ấn-định như sau :

Thành-phố, hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang đi thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Ba-xuyên			25 ⁰ / ₀	Công-văn số 5651 - B X / L V
Bình-tuy	1) Khu nhất (thương-mãi)	25 ⁰ / ₀		ngày 30-12-1959
	2) Khu nhì (không thương-mãi)	20 ⁰ / ₀		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 14-12-1959
	3) Khu ba (nhà lá)	15 ⁰ / ₀		
Định-tường		Y giá căn-bản		30-12-1959
Kiên-giang			5 ⁰ / ₀	5-12-1959
Phước-long		Y giá căn-bản		17-12-1959
Vĩnh-long	A) Quận Châu-thành:			
	1) Nhà hay phố kiến- trúc bằng cây lợp ngói vách ván.	Y giá căn-bản		
	2) Nhà hay phố kiến- trúc bằng gạch ngói có trần hay không có trần, có đủ tiện- nghì hay không tiện-nghì, có hay không có ống tháo nước ra cống, nền lót gạch hay tráng xi-măng.	Y giá căn-bản		

Thành-phố, hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Thành-phố Đà-nẵng	3) Biệt-thự giáp vách, biệt-thự song đôi (có hay không có vườn, có hàng rào) kiến-trúc bằng vật- liệu cứng rắn, nền lót gạch màu hay gạch tàu, có vật- dụng vệ-sinh.	20 ⁰ / ₁₀		28-11-1959
	B) Quận Sa-đéc	Y	giá căn-bản	25-11-1959
			25 ⁰ / ₁₀	
Quảng-trị	Trong toàn khu-vực Quảng-trị và thị- trấn Đông-hà.	25 ⁰ / ₁₀		4-12-1959

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng và thị-trưởng thi-hành
nghị-dịnh này.

Sài-gòn, ngày 20 tháng giêng năm 1960

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 666-BNV.HC.NĐ ngày 27 tháng năm năm 1960 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại tỉnh Darlac.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiện kế tiếp ấn-định thành-phần Chánh-phủ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 6 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ;

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ô. Lâm lễ Trình giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp;

Chiều biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở tỉnh Darlac;

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1960 số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau :

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích
		giả-biểu căn-bản trung-bình dự-định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Darlac	1) Khu-vực thứ I (Khu thương-mãi)	22	00	Biên-bản phiên nhóm của hội-dồng tư-vấn về nhà phổ ngày 22-3-1960
	2) Khu-vực thứ II (Khu biệt-thự)	20	00	
	3) Khu-vực thứ III (Khu gia-cư)	17	00	

Điều thứ 2.— Tỉnh-trưởng Darlac thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 27 tháng năm năm 1960

LÂM LỄ TRINH

NGHỊ-ĐỊNH số 712-BNV HC/ND ngày mồng 9 tháng sáu năm 1960 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp tại tỉnh Phước-thành.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiện kế tiếp ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 108-TTP ngày 25 tháng hai năm 1958 cử Ô. Lâm là Trình giữ chức-vụ Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp ;

Chiều biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa của tỉnh Phước-thành ;

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1960, số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều thứ 13, 14, 15 và 16, của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp được ấn-định như sau :

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào Số bách-phần giảm để hạ giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2.4.1953	Chú-thích
Phước-thành	1 ^o) Tại tỉnh-ly	20 %	Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phố ngày 15-1-1960
	2 ^o) Quận Phú-giáo (Phước-hòa và Vĩnh-hòa)	20 %	
	Các nơi khác	25 %	
	3 ^o) Quận Tân-uyên (Quận-ly)	20 %	
	Các nơi khác	25 %	
	4 ^o) Quận Hiếu-liêm	25 %	

Điều thứ 2.— Tỉnh-trưởng Phước-thành thi-hành nghị-
định này.

Sài-gòn, ngày mồng 9 tháng sáu năm 1960

LÂM LỄ TRINH

**NGHỊ-ĐỊNH số 41-BNV/HC. ND ngày 13 tháng
giêng năm 1961 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay
giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về
thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp trong năm 1961.**

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi
do các văn-kien kế tiếp ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ,

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952
ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 227-TTP ngày 19 tháng mười năm 1960 cử Ô.
Bùi văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-dịnh sự tương-
quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về
thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp,

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở
đô-thành Sài-gòn và các tỉnh,

Chiều đề-nghị của đô-trưởng, tỉnh-trưởng và thị-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1961, số bách-phần tăng
hay giảm giá-biêu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16
của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc
dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-dịnh như
sau đây :

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Đô-thành Sài-gòn	— Khu nhất	20 ⁰ / ₀	.	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 20-12-1960
	— Khu nhì	20 ⁰ / ₀		
	— Khu ba	15 ⁰ / ₀		
	— Khu tư	15 ⁰ / ₀		
An-giang		Y giá căn-bản		20-12-1960
An-xuyên			10 ⁰ / ₀	25-12-1960
Ba-xuyên			25 ⁰ / ₀	23-12-1960
Biên-hòa	1) Tỉnh-ly			
	— Khu nhất	Y giá căn-bản		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 20-12-1960
	— Khu nhì		10 ⁰ / ₀	
	— Khu ba		15 ⁰ / ₀	
	2') Quận-ly Long-thành		20 ⁰ / ₀	
	3) Các trung-diểm khác không phân biệt các khu		25 ⁰ / ₀	
Binh-duong	1) Tỉnh-ly và quận-ly Lái-thiêu			20-12-1960
	— Khu 1	5 ⁰ / ₀		
	— Khu 2	Y giá căn-bản		
	— Khu 3		5 ⁰ / ₀	

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Bình-dương (tiếp theo)	2) Các quận-ly Bến- cát, Củ-chi, Dầu- tiếng và thị-trấn Búng (xã An- thanh) thuộc quận Lái-thieu		Y giá căn-bản	
	3) Các thị-trấn Bến- súc (thuộc quận Dầu-tiếng) Bến- thế, Tân-phước- khánh (thuộc quận Châu-thành), Phước-hiệp, Phú- hòa - đông (thuộc quận Củ-chi		10%	
	4) Các khu khác trong tỉnh không chỉ- định trên đây		20%	
Bình-long			Y giá căn-bản	19-12-1960
Bình-tuy	1) Khu nhất thương-mãi	25%		21-12-1960
	2) Khu nhì không thương-mãi	25%		
	3) Khu ba (nhà lá)	25%		
Định-tường			Y giá căn-bản	26-12-1960

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	<div> <div>Số bách-phần tăng để thêm vào</div> <div>Số bách-phần giảm để hạ</div> </div> <div> <div>giá-biểu căn-bản</div> <div>trung-bình dự-</div> <div>định nơi điều 14</div> <div>của dự số 4</div> <div>ngày 2-4-1953</div> </div>	Chú-thích
Gia-định	1') Thị-trấn Bình-hòa-xã, Phú-nhuận, Thị-nghè	Y giá căn-bản	<div>Biên - bản</div> <div>phiên nhóm</div> <div>của hội-đồng</div> <div>tư - văn nhà</div> <div>phố ngày</div> <div>20-12-1960</div>
	— Vùng 1		
	— Vùng 2	10%	
	— Vùng 3	20%	
	2') Thị-trấn Hóc-môn, Gò-vấp, Thủ-đức		
	— Vùng 1	5%	
	— Vùng 2	20%	
	3) Thị-trấn Bà-diêm, Phú-xuân-hội, Thủ-thiên, Giồng Ông-Tổ		
	— Vùng 1	10%	
	— Vùng 2	20%	
	4) Các địa-diêm khác ngoài các thị-trấn kể ở 3 khoản trên.	25%	
Kiến-hòa	1') Nhà phố đề ở	25%	27-12-1960
	2') Nhà phố vừa đề ở và buôn bán	Y giá căn-bản	

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu - vực	Số bách- phần tăng để thêm vào Số bách- phần giảm để hạ giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Kiến-phong	1°) Loại nhà ở thường. 2°) Nhà công-dụng buôn bán, thủ- công-nghệ hay kỹ-nghệ	20%	10%	23-12-1960
Kiến-tường	1°) Khu 1 (Khu buôn bán và công kỹ-nghệ) 2°) Khu 2 (Khu gia-cư) 3°) Khu 3, 4 (Khu nới rộng châu-thành)	15%	10%	28-12-1960
Long-an			Y giá căn-bản	Công-văn số 19.553- HC/2 ngày 21-12-1960
Long-khánh			Y giá căn-bản	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phố ngày 15-12-1960

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm để hạ Chú-thích
Phước-tuy	1°) Tỉnh-ly		
	— Khu nhất	5 ⁰ / ₀	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ ngày 14-12-1960
	— Khu nhì	15 ⁰ / ₀	
	— Khu ba	20 ⁰ / ₀	
	— Khu tư	25 ⁰ / ₀	
	2°) Quận-ly Long-diễn		
	— Khu nhất	5 ⁰ / ₀	
	— Khu nhì	15 ⁰ / ₀	
	— Khu ba	25 ⁰ / ₀	
	— Trung-diêm : An-nhứt, An- ngãi, Tam- phước, Long- hải, Phước- tĩnh và Long- thành (không phân biệt các khu)	25 ⁰ / ₀	
	3) Quận-ly đất đỏ		
	— Khu nhất	10 ⁰ / ₀	
	— Khu nhì	20 ⁰ / ₀	
	— Khu ba	25 ⁰ / ₀	

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm đi Chú-thích
Phước-tuy (tiếp theo)	— Trung-diêm : Phước-thọ và Phước-hải (không phân biệt các khu)		20%
	— Trung-diêm : Phước-lợi, Hội-mỹ và Long-mỹ (không phân biệt các khu)		25%
	4) Quận-ly Xuyên- mộc		
	— Khu nhất		25%
	5) Quận-ly Vũng-tàu		
	— Khu nhất — Khu nhì — Khu ba — Khu tư	Y giá căn-bản	5% 10% 15%
Tây-ninh	1) Tỉnh-ly và trung- diêm Gò-dầu-hạ (không phân biệt các khu)		25%
	2) Trung-diêm : Trảng-bàng và các địa-vực khác (không phân biệt các khu)		25%

Biên-bản
phiên nhóm
của hội-đồng
tư-vấn nhà
phố ngày
19-12-1960

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản	Chú-thích
Vĩnh-bình	1) Tỉnh-ly Phú-vinh		5%	19-12-1960
	2) Tại các quận-ly		25%	
Vĩnh-long	A.— Quận Châu-thành			19-12-1960
	1) Nhà hay phố kiến-trúc bằng cây lợp ngói, vách ván	Y giá căn-bản		
	2) Nhà hay phố kiến-trúc bằng gạch ngói, có trần hay không có trần, có đủ tiện-nghi hay không tiện-nghi, có hay không có ống tháo nước ra cống, nền lót gạch hay tráng xi-măng	Y giá căn-bản		
	3) Biệt thự giáp vách biệt thự song đôi có hay không có vườn, có hàng rào) kiến-trúc bằng vật-liệu cứng rắn, nền lót gạch màu hay gạch tàu có vật-dụng vệ-sinh	20%		
	B.— Quận Sa-đéc	Y giá căn-bản		

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Bình-định	1) Nhà hạng A Ở Qui-nhơn	25 %		22-12-1960
	2) Nhà hạng B Ở các thị - trấn như Tam - quan, Bồng - sơn, Phú- mỹ, Phú-cát, Đập- đá, Bình - định, (An - nhơn) An- thái, Phú-phong, An - Khê, Tuy- phước, Chợ Dinh, Gò-bồi, Diêu-trì	20 %		
	3) Nhà hạng C Ở các khu-vực khác còn lại	15 %		
Bình-thuận			25 %	28-12-1960
Thành-phố Đà-lạt và tỉnh Tuyên-đức	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ công- nghệ hay nghề nghiệp	5 %		Biên-bản phiên nhóm hội-đồng tư- vấn nhà phố ngày 17-12-1960
Thành-phố Đà-nẵng	—	25 %		19-12-1960
Thành-phố Huế và tỉnh Thừa-thiên				Y giá căn-bản 22-12-1960

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Số bách- phần giảm đi hạ	Chú-thích
Khánh-hòa	1) Tại thị-xã Nha- trang			5 ⁰ / ₁₀	19-12-1960
	2) Tại các quận-lỵ tỉnh Khánh-hòa			10 ⁰ / ₁₀	
Kontum	1') Khu-vực I thị- xã Kontum (gồm những nhà cửa ở dọc theo hai bên đường Bok-Kiêm Phan-thanh-Giản, Phan - châu-Trình và Phan - đình- Phùng			25 ⁰ / ₁₀	16-12-1960
	2) Khu-vực II thị- xã Kontum (gồm những nhà cửa ở dọc theo các đường khác với các ghi trên và trong phạm vi thị-xã)			20 ⁰ / ₁₀	
	3) Những nhà cửa ở các quận-lỵ hay làng xã ngoài khu- vực I và II			10 ⁰ / ₁₀	
Lâm-dồng	Châu-thành, Bảo-lộc và Di-linh			25 ⁰ / ₁₀	22-12-1960

Đô-thành thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào gia-biêu căn-bản gia-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Phú-yên		Y giá căn-bản	Biên - bản phiên nhóm hội-đồng tư- vấn nhà phố ngày 21-12- 1960
Quảng-nam	1) Khu thứ I thành- phố Hội-an, khu- vực Vĩnh - điện (Điện-bản) khu- vực Hòa-vang và Tam-kỳ	25%	21-12-1960
	2) Khu thứ II quận Đại - lộc, Duy- xuyên, Thăng-bình Quế - sơn, Tiên- phước và Hậu- dức	15%	
	3) Khu thứ III quận Hiếu-dức, Thường dức và Hiệp-dức	10%	
Quảng-trị	Tỉnh-ly Quảng-trị và thị-trấn Đông-hà	25%	21-12-1960

Điều thứ 2.— Đô-trưởng Sài-gòn và các tỉnh-trưởng, thị-trưởng thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 13 tháng giêng năm 1961

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 77-BNV HC ND ngày mồng 1 tháng hai năm 1961 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ công-nghệ hay nghề nghiệp.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 4-TTP ngày 29 tháng mười năm 1955 sửa đổi do các văn-kiến kế tiếp ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1962 ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 227-TTP ngày 19 tháng mười nam 1960 cử Ô. Bùi văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên-hợp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tại các tỉnh Kiên-giang, Phong-dinh, Phước-long, Phước-thành, Darlac và Ninh-thuận ;

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1961, số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ công-nghệ hay nghề-nghiệp được ấn-dịnh như sau đây :

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích
		giá-biêu căn-bản trung-bình dự định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Kiên-giang	—	—	5%	Biên-bản hội-dồng tư-vấn nhà phố ngày 5-1-1961
Phong-dinh	1°) Tỉnh-ly Cần-thơ			Công-văn số 54-HC ngày 12-1-1961
	Khu nhất	5%		
	Trong các khu khác	Y	giá căn-bản	
Phước-long	2°) Tại các quận-ly		110%	
		Y	giá căn-bản	Biên-bản hội-dồng tư-vấn về nhà phố ngày 22-12-1960
Phước-thành	1°) Tại tỉnh-ly		25%	11-1-1961
	2) Quận Phú-giao			
	— (Vĩnh-hòa và Phước-hòa)		20%	
	— Các nơi khác		25%	

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào Số bách-phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Phước-thành (tiếp theo)	3) Quận Tân-uyên (Quận-ly)		20%	
	Các nơi khác		25%	
	4) Quận Hiếu-liêm		25%	
Darlac	1) Khu-vực I (khu thương-mãi)	25%		Biên-bản hội-đồng tư- vấn về nhà phổ ngày 22-12-1960
	2) Khu-vực II (khu biệt-thự)	20%		
	3) Khu-vực III (khu gia-cư)	20%		
Ninh-thuận		20%		22-12-1960

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng Kiên-giang, Phong-dinh, Phước-long, Phước-thành, Darlac và Ninh-thuận thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mồng 1 tháng hai năm 1961

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 733-BNV/HC/NĐ ngày 26 tháng chạp năm 1961 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình thuê nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp trong năm 1962.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 cử Ô. Bùi văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa ở các tỉnh và thành-phố ;

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng và thị-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1962 số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau đây :

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phân tăng để thêm vào Số bách- phân giảm để hạ Giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
An-giang		Y giá căn-bản	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phổ ngày : 5-12-1961
An-xuyên		10 %	16-11-1961
Biên-hòa	1') <i>Tỉnh-ly</i> — khu nhất — khu nhì — khu ba 2) <i>Quận-ly Long- thành</i> 3) <i>Các trung-điểm khác không phân biệt các khu.</i>	Y giá căn-bản 10 % 15 % 20 % 25 %	22-11-1961
Bình-duơng	1') <i>Tỉnh-ly và quận- ly Lái-thiêu</i> — khu nhất — khu nhì — khu ba 2) <i>Các quận-ly Bến- cát, Củ-chi, Dầu- tiếng và thị-trấn Búng (xã An- thạnh) thuộc quận Lái-thiêu</i>	5 % Y giá căn-bản 5 %	7-12-1961

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	<div>Số bách phần tăng để thêm vào</div> <div>Số bách phần giảm để hạ</div> <div>giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953</div>	Chú-thích
Bình-dương (tiếp theo)	3°) Các thị-trấn Bến-súc, (thuộc quận Dầu-tiếng) Bến-thê, Tân-phước-khánh (thuộc quận Châu - thành) Phước-hiệp, Phú-hòa-đông (thuộc quận Củ-chi)	10 %	
	4) Các khu khác trong tỉnh không chỉ-định trên đây.	20 %	
Bình-long		Y giá căn-bản	17-11-1961
Bình-tuy	1°) Khu nhất (khu thương-mãi)	25 %	
	2°) Khu II (không thương-mãi)	20 %	13-12-1961
	3°) Khu III (nhà lá)	15 %	
Định-tường		Y giá căn-bản	28-11-1961
Gia-định	1°) Thị-trấn Bình-hòa-xã, Phú-nhuận, Thị-nghe		
	— Vùng nhất	Y giá căn-bản	
	— Vùng nhì	10 %	
	— Vùng ba	20 %	

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào SỐ bách- phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Gia-định (tiếp theo)	2') <i>Thị-trấn Hóc-môn, Gò-vấp, Thủ-đức :</i>			
	— Vùng nhất		5 %	
	— Vùng nhì		20 %	
	3) <i>Thị-trấn Bà-điêm, Phú-xuân-hội, Thủ-thiêm, Giồng-ông-tổ :</i>			17-11-1961
	— Vùng nhất		10 %	
	— Vùng nhì		20 %	
	4) <i>Các địa-điểm khác, ngoài các thị-trấn kể ở 3 khoản trên. . .</i>		25 %	
Kiên-giang			5 %	16-11-1961
Kiến-hòa	1) Nhà phố để ở		25 %	
	2) Nhà phố vừa để ở và buôn bán hoặc dùng về tiểu-công-nghệ hay nghề nghiệp . .	Y giá căn-bản		9-12-1961
Kiến-phong	1) Loại nhà ở thường		10 %	17-11-1961
	2) Nhà công-dụng buôn bán hay thủ-công-nghệ. . .		20 %	

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để trừ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Kiến - tường	1) Khu 1 (khu buôn bán và công-kỹ-nghệ)	15 %		1-12-1961
	2) Khu 2 (khu gia-cư)	10 %		
	3) Khu 3, 4 (khu nói rộng châu-thành).	Y giá căn-bản		
Long-an		Y giá căn-bản		Công-văn số 15.475- HC/1 ngày 20-11-1961
Long - khánh		Y giá căn-bản		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phổ ngày : 5-12-1961
Phong - dinh	1) Tỉnh-lỵ Phong- dinh			Công-văn số 2134- H C / T Q ngày 4-12- 1961
	— Khu nhất	5 %		
	— Trong các khu khác	Y giá căn-bản		
	2) Tại các quận-lỵ	10 %		

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	<div> <div>Số bách- phần tăng dễ thêm vào</div> <div>Số bách- phần giảm dễ hạ</div> </div> <div> giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953 </div>	Chú-thích
Phước-long		Y giá căn-bản	Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phố ngày : 7-12-1961
Tây-ninh	Tinh-ly, thị-trấn Gò-dầu-hạ (không phân biệt các khu), Trảng - bâng và các địa-vực khác (không phân biệt các khu)		
Vĩnh-bình	1) Tinh-ly Phú-vinh	25 $\frac{0}{100}$	24-11-1961
	2) Tại các quận-ly	5 $\frac{0}{100}$	20-11-1961
Bình-thuận			
Thành-phố Đà-lạt	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ- công - nghệ hay nghề nghiệp . .	25 $\frac{0}{100}$	7-12-1961
		5 $\frac{0}{100}$	20-11-1961
Thành-phố Đà-nẵng	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ- công - nghệ hay nghề nghiệp . .	25 $\frac{0}{100}$	16-11-1961
		Y giá căn-bản	12-12-1961
Thành-phố Huế và tỉnh Thừa-thiên			
Khánh-hòa	1) Tại thị-xã Nha-trang	5 $\frac{0}{100}$	Công-văn số 8219- HC/ĐC ngày 6-12- 1961
	2) Tại các quận-ly tỉnh Khánh-hòa.	10 $\frac{0}{100}$	

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào Số bách- phần giảm để hạ giả-biểu cân-bán trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2.4.1953	Chú-thích
Kontum	<p>1^a) Khu-vực I, thị-xã Kontum (gồm những nhà cửa ở dọc theo hai bên lề đường Phan-dình-Phùng, Bok-kiêm Phan - thanh-Giản và Phan - châu-Trình (về phía khu - vực I) và trong phạm-vi khu tứ-giác giới-hạn bởi những con đường ấy . . .</p> <p>2) Khu-vực II thị-xã Kontum (gồm những nhà cửa nằm ngoài khu-vực I và trong các khu phố Võ-lâm và Trung-lương . .</p> <p>3) Những nhà cửa ở các quận-ly hay các khu làng và xã ngoài khu-vực I và II thị-xã Kontum</p>	<p>25%</p> <p>15%</p> <p>10%</p>	<p>Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 1-12-1961</p>
Lâm-dồng	Châu-thành Bảo-lộc và Di-linh	25%	20-11-1961
Ninh-thuận		20%	21-11-1961

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Phú-yên		Y giá căn-bản	7-12-1961
Quảng-nam	1) <i>Khu thứ nhất</i> Thành-phố Hội- an, khu-vực Vĩnh- diễn (Điện-bàn) khu-vực Tam-kỳ.	25 ⁰ / ₀	23-11-1961
	2) <i>Khu thứ II</i> Quận Đại - lộc, Duy - xuyên, Thanh-bình, Quế- son, Tiên-phước.	15 ⁰ / ₀	
	3) <i>Khu thứ III</i> Quận Hiếu-dức, Thường - dức, và Hiệp-dức . . .	10 ⁰ / ₀	
Darlac	1) <i>Khu-vực I</i> (khu thương-mãi)	25 ⁰ / ₀	9-12-1961
	2) <i>Khu-vực 2</i> (khu biệt-thự)	20 ⁰ / ₀	
	3) <i>Khu-vực 3</i> (khu gia-cư)	20 ⁰ / ₀	

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng và thị-trưởng thi-hành nghị-dịnh này.

Sài-gòn, ngày 26 tháng chạp năm 1961

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 11-BNV/HC.NĐ ngày mồng 6 tháng giêng năm 1962 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu căn-bản trung-bình thuê nhà tại đô-thành.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 ấn-dịnh thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-dịnh chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 cử Ô. Bùi văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ công-nghệ hay về nghề nghiệp ;

Chiều biên-bản phiên họp ngày mồng 6 tháng chạp năm 1961 của hội-dồng tư-vấn về nhà phố tại đô-thành Sài-gòn ;

Chiều đề-nghị của đô-trưởng Sài-gòn.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Trong năm 1962, số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ công-nghệ hay nghề nghiệp tại đô-thành Sài-gòn được ấn-dịnh như sau đây :

Khu-vực	Số bách-phần tăng đề thêm vào	Số bách-phần giảm đề hạ
	Giá-biêu căn-bản trung-bình dự-định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	
— Khu nhất	20%	
— Khu nhì	20%	
— Khu ba.	15%	
— Khu tư.	15%	

Điều thứ 2.— Đô-trưởng Sài-gòn thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mồng 6 tháng giêng năm 1962

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 74-BNV HC ND ngày mồng 2 tháng hai năm 1962 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá biểu thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng để thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp trong năm 1962.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 cử Ô. Bùi Văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên-hợp của hội-dồng tư-vấn về nhà cửa ở các tỉnh Ba-xuy, Phước-tuy, Vinh-long, Bình-định, Quảng-trị và Tuyên-đức ;

Chiều đề-nghị của các tỉnh-trưởng sở-quan.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1962 số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau đây :

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Ba-xuyên		25	00	Biên-bản hội-đồng tư- vấn nhà phố ngày 6-1-1962
Phước-tuy	1) <i>Tỉnh-lỵ</i>			Biên-bản hội-đồng tư- vấn nhà phố ngày 28-11-1961
	— Khu nhất	5	00	
	— Khu nhì	15	00	
	— Khu ba	20	00	
	— Khu tư	25	00	
	2) <i>Quận-lỵ Long-diễn</i>			
	— Khu nhất	5	00	
	— Khu nhì	15	00	
	— Khu ba	25	00	
	Trung-diêm : An- nhứt, Long-hải, Tam-phước, An- ngãi, Phước-tĩnh và Long - thành (không phân biệt các khu)			
	3) <i>Quận-lỵ Đất-đỏ</i>			
	Khu nhất	10	00	
	Khu nhì	20	00	
	Khu ba	25	00	

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tang để thêm vào		Số bách-phần giam để hạ		Chú-thích
		giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953				
Phước-tuy (tiếp theo)	Trung-diêm :					
	Phước - thọ và					
	Phước - hải					
	(không phân biệt các khu)			20	%	
	Trung-diêm :					
	Phước-lợi, Hội- mỹ và Long-mỹ					
	(không phân biệt các khu)			25	%	
	4) Quận-ly			25	%	
	Xuyên-mộc					
	Khu nhất					
	5) Quận-ly					
	Vũng-tàu					
	Khu nhất			y giá căn-bản		
	Khu nhì			5	%	
	Khu ba			10	%	
	Khu tư			15	%	
Vĩnh-long	1.— Tại Quận Châu-thành					Biên-bản của phiên nhóm hội-đồng tư- vấn về nhà phố quận châu-thành ngày 4-12-1961
	1) Nhà hay phố kiến- trúc bằng cây lợp ngói vách vắn			5	%	

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào Số bách-phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Vĩnh-long (tiếp theo)	<p>2) Nhà hay phố kiến-trúc bằng gạch ngói có trần hay không có trần, đủ tiện-nghi, có hay không có ống tháo nước ra cống, nền lót gạch hay có tráng xi-măng</p> <p>3) Biệt - thự giáp vách, biệt - thự song đôi có hay không có vườn, có hàng rào, kiến-trúc bằng vật-liệu cứng rắn, nền lót gạch màu hay là lót gạch tàu, có đủ vật-dụng vệ-sinh.</p> <p>II. — <i>Tại quận Sa-đéc</i> Các loại kiến-trúc</p>	<p>5 %</p> <p>20 %</p> <p>5 %</p>	<p>Biên-bản của phiên nhóm hội-dồng nhà phố quận Sa-đéc ngày 24-11-1961</p>
Bình-định	1) <i>Nhà hạng A</i> Ở Qui-nhơn	25 %	Biên - bản phiên nhóm của hội-dồng tư - vấn về nhà phố ngày 15-12-1961

Tỉnh	Khu-vực	Số bách-phần tăng đề thêm vào		Số bách-phần giảm đề bớt		Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953				
Bình-định (tiếp theo)	2) <i>Nhà hạng B</i> Ở các tiểu thị- trấn như: Tam- quan, Bồng-sơn, Phú-mỹ, Phù- cát, Đập-đá, Bình-định (An- nhơn), An-thái, Phú-phong, An- khê, Tuy-phước, chợ Dinh, gò Bồi, Diêu-trì	20 %				
	3) <i>Nhà hạng C</i> Ở các khu-vực khác còn lại	15 %				Biên-bản của phiên nhóm hội-đồng tư- vấn về nhà phổ ngày 11-12-1961
	Quảng-trị <i>Tỉnh-lỵ Quảng-trị và thị-trấn Đông-hà</i>	25 %				
Tuyên-dức	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ- công - nghệ hay nghề nghiệp	5 %				Công-văn số 24-HC/ TD/1A ngày 12-1-1962

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày mồng 2 tháng hai năm 1962

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 121-BNV HC ND ngày mồng 3 tháng ba năm 1962 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu căn-bản thuê nhà trong năm 1962 tại tỉnh Phước-thành.

Bộ-trưởng Nội-vụ.

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng tám năm 1961 ấn-định thành-phần Chính-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng tám năm 1961 cử Ô. Bùi van Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp ;

Chiều biên-bản phiên-hợp ngày 22 tháng giêng năm 1962 của hội-đồng tư-vấn về nhà cửa tỉnh Phước-thành ;

Chiều đề-nghị của tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất. — Trong năm 1962 số bách-phần tăng hay giảm lấy căn-bản là giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau đây cho nhà cửa tại tỉnh Phước-thành :

Khu-vực	Lấy giá-biêu trung-bình dự-định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953 làm căn-bản	
	Số bách-phần tăng để thêm vào	Số bách-phần giảm để hạ
1°) Tại tỉnh-lỵ	25%
2°) Quận Phú-giao :		
— (Vĩnh-hòa và Phước-hòa)	20%
— Các nơi khác	25%
3°) Quận Tân-uyên :		
— (Quận-lỵ)	20%
— Các nơi khác	25%
4°) Quận Hiếu-liêm	25%

Điều thứ 2.— Tỉnh-trưởng Phước-thành thi-hành nghị-
định này.

Sài-gòn, ngày mồng 3 tháng ba năm 1962

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 39-BNV HC ND ngày 23 tháng
giêng năm 1963 ấn-định trong năm 1963 số bách-
phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở
hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 ấn-định
thành-phần Chánh-phủ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952, ấn-định
chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ;

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 cử Ô.
Bùi văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953, ấn-định sự tương-
quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về
thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp.

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-dồng tư-vấn về nhà cửa ở
các đô-thị, thành-phố và tỉnh;

Chiều đề-nghị của đô-trưởng, thị-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1963, số bách-phần tăng
hay giảm giá biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và
16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc
dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp được ấn-định như
sau đây :

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào	Số bách- phần giảm đi	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Đô-thành Sài-gòn	Khu nhất	25 %		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 8-12-1962
	Khu nhì	25 %		
	Khu ba	20 %		
	Khu tư	20 %		
Thành-phố Đà-nẵng	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ công-nghệ hay nghề nghiệp.	25 %		4-12-1962
Thành-phố Đà-lạt	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ công-nghệ hay nghề nghiệp. . .	5 %		5-12-1962
An-giang		25 %		1-12-1962
An-xuyên		25 %		7-12-1962
Ba-xuyên			10 %	5-12-1962
Định-tường		20 %		24-11-1962
Kiên-giang		25 %		19-12-1962
Kiến-hòa	1) Nhà phố để ở		25 %	Y giá căn-bản 30-11-1962
	2) Nhà phố vừa để ở và buôn bán hoặc dùng về tiểu công- nghệ hay nghề nghiệp.			

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào giá-biên căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm đề hạ	Chú-thích
Kiến-phong	1) Loại nhà ở thường 2) Nhà công-dụng buôn bán hay thủ công-nghệ.	20 %	10 %	Biên-bản phiên nhóm của hội-đồng tư-vấn về nhà phở ngày 27-11-1962
Kiến-tường	1) Khu 1 (khu buôn bán và công kỹ-nghệ) 2) Khu 2 (khu gia-cư) 3) Khu 3, 4 (khu nói rộng châu thành)	15 % 10 %	Y giá căn-bản	3-12-1962
Long-an			Y giá căn-bản	Công-văn số 15.540- HC/2 ngày 23-11-1962
Phong-dinh	1) Tỉnh Phong-dinh — Khu nhất — Trong các khu khác	5 %	Y giá căn-bản	Công-văn số 2382- HC/TQ ngày 3-12-1962
Vĩnh-bình	1) Tỉnh lý Phú-vinh 2) Tại các quận-ly	25 %	10 % 5 %	26-11-1962

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào Số bách- phần giảm đề bớt giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Bình-dương	1) <i>Tỉnh-lỵ và quận- Lái-thieu</i>		
	Khu nhất	20 %	
	Khu nhì	15 %	
	Khu ba	10 %	
	2) Các quận-lỵ Bến- cát, Củ-chi, Tri- tâm và thị-trấn Búng (xã An- thạnh) thuộc quận Lái-thieu	15 %	10-12-1962
Bình-long	3) Các thị-trấn Bến- súc, (thuộc quận Tri-tâm)		
		Y giá căn-bản	23-11-1962
Bình-tuy	1) <i>Khu nhất</i>		
	(khu thương-mãi)	25 %	
	2) <i>Khu II</i>		
	(không thương- mãi)	20 %	
	3) <i>Khu III</i> (nhà lá)	15 %	1-12-1962

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng dễ thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Gia-định	1) Thị-trấn Bình- hòa-xã, Phú- nhuận, Thị-nghe	Y giá căn-bản	4-12-1962
	— Vùng nhất		
	— Vùng nhì	10 ‰	
	— Vùng ba	20 ‰	
	2) Thị-trấn Hóc- môn, Gò-ổp, Thủ-đức:	5 ‰	
	— Vùng nhất	5 ‰	
	— Vùng nhì	20 ‰	
	3) Thị-trấn Bà- điêm, Phú-xuân- hội, Thủ-thiêm, Giồng Ông-Tổ:	10 ‰	
	— Vùng nhất	10 ‰	
	— Vùng nhì	20 ‰	
	4) Các địa-diêm khác ngoài các thị-trấn kê ở 3 khoản trên	25 ‰	
Long-khánh	Y giá căn bản	2-12-1962	

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào Số bách- phần giảm đi hạ giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Phước-long		Y giá căn-bản		Biên - bản phiên nhóm của hội-đồng tư - vấn về nhà phố ngày 1-12-1962
Phước-thành	1) Tại tỉnh-lỵ	25 %		
	2) Quận Phú-giáo : (Vĩnh-hòa và Phước-hòa)	20 %		
	— Các nơi khác	25 %		26-12-1962
	3) Quận Tân-uyên :			
	— Quận-lỵ	20 %		
	— Các nơi khác	25 %		
	4) Quận Hiếu-liêm :	25 %		
Phước-tuy	1) Tỉnh-lỵ			
	— Khu nhất	5 %		28-11-1962
	— Khu nhì	15 %		
	— Khu ba	20 %		
	— Khu tư	25 %		

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu - vực	Số bách- phần tăng để thêm vào Số bách- phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Phước-tuy (tiếp theo)	2') Quận-lỵ Long-diễn :			
	— Khu nhất	5	0%	
	— Khu nhì	15	0%	
	— Khu ba	25	0%	
	Trung điểm :	25	0%	
	An-nhút, Long-hải, Tam-phước, An-ngãi, Phước-tĩnh và Long-thành (không phân biệt các khu)			
	3') Quận-lỵ Đất đỏ :			
	— Khu nhất	10	0%	
	— Khu nhì	20	0%	
	— Khu ba	25	0%	
	Trung điểm : Phước-thọ và Phước-hải (không phân biệt các khu)	20	0%	
	Trung điểm : Phước-lợi, Hội-mỹ và Long-mỹ (không phân biệt các khu)	25	0%	

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào giả-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Phước-tuy (tiếp theo)	4) <i>Quận-ly</i> <i>Xuyên-mộc</i> :			
	— Khu nhất		25 %	
	5) <i>Quận-ly</i> <i>Vũng-tàu</i> :			
	— Khu nhất	Y giả căn-bản		
	— Khu nhì		5 %	
Tây-ninh	— Khu ba		10 %	
	— Khu tư		15 %	
	— Tỉnh-ly và trung điểm Hiếu-thiện (không phân biệt các khu)			
	— Trung-điểm Phú-dức và các địa-vực khác (không phân biệt các các khu)	25 %		10-12-1962
Bình-định	1) <i>Nhà hạng A</i> <i>Ở Qui-nhơn</i>		25 %	

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đề thêm vào Số bách- phần giảm đề hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Bình-dinh (tiếp theo)	2) <i>Nhà hàng B</i> Ở các tiểu thị- trấn như : Tam- quan, Bồng-sơn, Phú-mỹ, Phù-cát, Đập đá, Bình- dinh, (An-nhon) An-thái, Phú- phong, An-khe, Tuy-phước, Chợ- dinh, Gò - bồi, Diêu-trì	20 ‰		28-11-1962
Bình-thuận			25 ‰	3-12-1962
Khánh-hòa	1) Tại thị-xã Nha- trung	25 ‰		29-11-1962
	2) Tại các quận thuộc tỉnh Khánh-hòa	20 ‰		
Ninh-thuận		20 ‰		29-11-1962
Phú-yên		Y giá căn-bản		27-11-1962
Quảng-nam	1) <i>Khu thứ I</i> Thành-phố Hội- an, khu-vực Vĩnh- diên (quận - lý Điện-bản), khu- vực Nam-phước (Duy-xuyên) Khu-vực Cầm-lê (Quận - lý Hòa- vàng)	25 ‰		
		25 ‰		

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng giảm Sử bách- phần giảm đề hạ giảm-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích
Quảng-nam (tiếp theo)	2) <i>Khu thứ II</i> Các quận-lỵ Đại- lộc, Duy-xuyên, Quế-sơn	15	%	Biên - bản phiên nhóm hội-đồng tư- vấn về nhà phố ngày : 3-12-1962
	3) <i>Khu thứ III</i> Các quận-lỵ Hiếu- đức, Thường-đức và Đức-dục	10	%	
	1) Nhà gạch hoặc nhà tranh tại thị - xã Tam-kỳ	25	%	
Quảng-tín	2) Nhà gạch hoặc nhà tranh tại các quận Thăng-bình, Tiên-phước, Hiệp-đức, Hậu- đức và các vùng ngoài xã Tam-kỳ	15	%	11-12-1962
	1) <i>Khu vực I</i> (khu thương-mãi)	25	%	
Darlac				

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Darlac (tiếp theo)	2) <i>Khu-vực 2</i> (khu biệt-thự)	20	00	5-12-1962
	3) <i>Khu-vực 3</i> (khu gia-cư)	20	00	
Kontum	1) <i>Khu-vực I</i> , Thị- xã Kon-tum (gồm những nhà cửa ở dọc theo hai bên lề đường Phan- dinh-Phùng, Bok- Kiêm Phan-thanh- Giản và Phan- châu - Trinh (về phía khu-vực I) và trong phạm-vi khu tứ-giác giới-hạn bởi những con đường ấy.	25	%	7-12-1962
	2) <i>Khu-vực II</i> , Thị- xã Kon-tum (gồm những nhà cửa nằm ngoài khu-vực I) và trong các khu phố Võ-Lâm và Trung-lương.	15	%	

Đô-thị thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phân tăng đề thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		Số bách- phân giảm đề hệ	Chú-thích
Kontum (tiếp theo)	3) Những nhà cửa ở các quận-lỵ hay các khu làng và xã ngoài khu-vực I và II thị-xã Kontum.	10 %			
Lâm-dồng	Châu-thành Bảo- lộc và Di-linh.	25 %			4-12-1962

Điều thứ 2.— Các đô-trưởng, thị-trưởng và tỉnh-trưởng
chiều nhiệm-vụ lãnh thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 23 tháng giêng năm 1963

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 125-BNV/HC. ND ngày 15 tháng ba năm 1963 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu thuê nhà về năm 1963 tại thành-phố Huế và các tỉnh Thừa thiên, Quảng-trị, Tuyên-đức, Biên-hòa và Vĩnh-long.

Bộ-trưởng Nội-vụ,

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng bộ Nội-vụ ;

Chiều sắc-lệnh số 124-TTP ngày 28 tháng năm năm 1961 cử Ông. Bùi văn Lương giữ chức Bộ-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên họp của hội-đồng tư-vấn và nhà cửa ở các thành-phố và tỉnh ;

Chiều đề-nghị của thị-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan.

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1963 số bách-phần tăng hay giảm giá-biểu trung-bình tính theo điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày 2-4-1953 về nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp được ấn-định như sau đây :

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích
		giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
Thành - phố Huế và tỉnh Thừa-thiên	Y giá căn-bản			Biên - bản phiên nhóm hội-dồng tư- vấn về nhà phố ngày 20-12-1962
Quảng-trị	Thị-trấn Quảng-trị và Đông-hà	25%		—
				17-1-1963
Tuyên-dức	Khu-vực I	15%		2-1-1963
	Khu-vực II	10%		
	Khu-vực III	5%		
Biên-hòa	A.— Tỉnh-lỵ			Biên - bản phiên nhóm hội-dồng tư- vấn về nhà phố ngày 28-11-1962
	Khu I	Y-giá căn-bản		
	Khu II		10%	
	Khu III		15%	
	B.— Quận-lỵ Long- thành		20%	
	C.— Các trung-tâm khác không phân biệt các khu		25%	

Thành-phố hay tỉnh	Khu-vực	Số bách- phân tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phân giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích
Vĩnh-long	1) Quận Châu-thành	5 ⁰ / ₀		27-2-1963
	2) — Sa-đéc	5 ⁰ / ₀		
	3) — Tam-bình	3 ⁰ / ₀		
	4) — Bình-minh			
	5) — Minh-đức			
	6) — Đức-thành			
	7) — Đức-tôn	Y-giá căn bản		
	8) — Chợ-lách			
	9) — Lấp-vò			

Điều thứ 2.— Các tỉnh-trưởng Thừa-thiên, Quảng-trị, Tuyên-đức, Biên-hòa, Vĩnh-long chiếu nhiệm-vụ thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 15 tháng ba năm 1963

BÙI VĂN LƯƠNG

NGHỊ-ĐỊNH số 185-BNV HC/NĐ ngày 25 tháng hai năm 1964 ấn-định số bách-phần tăng hoặc giảm giá-biểu căn-bản thuê nhà trong năm 1964 áp-dụng cho nhà xây cất trước ngày 1-7-1947.

Tổng-trưởng bộ Nội-vụ,

Chiều Hiến-ước tạm-thời số 1 ngày mồng 4 tháng mười một năm 1963 ;

Chiều Hiến-ước tạm-thời số 2 ngày mồng 7 tháng hai năm 1964 ;

Chiều quyết-nghị ngày mồng 7 tháng hai năm 1964 của Hội-dồng Quân-nhân cách-mạng chỉ-định trung-tướng Nguyễn Khánh, Chủ-tịch Hội-dồng Quân-nhân Cách-mạng, thành-lập Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 99-TTP ngày mồng 8 tháng hai năm 1964 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên-hợp của hội-dồng tư-vấn về nhà cửa tại các thành-phố và tỉnh về việc tăng hoặc giảm giá-biểu căn-bản trung-bình áp-dụng năm 1964 cho những nhà xây cất trước ngày 1 tháng bảy năm 1947 ;

Chiều đề-nghị của đô-trưởng Sài-gòn, các thị-trưởng và tỉnh-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1964, số bách-phần tăng hoặc giảm giá-biểu căn-bản trung-bình tính theo các điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 về nhà cửa xây-cất trước ngày 1-7-1947 dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp, được ấn-định như sau đây :

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào		Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
		giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953			
Đô-thành Sài-gòn	Khu nhứt	25	00		4-12-1963
	Khu nhì	25	—		
	Khu ba	20	—		
	Khu tư	20	—		
An-giang		25	—		6-12-1963
An-xuyên		25	—		3-12-1963
Ba-xuyên				15 00	3-12-1963
Chương- thiện	(không có nhà phổ cất trước 1-7-1947)				cv 7-12-1963
Định-tường		25	00		5-12-1963
Kiên-giang		25	—		9-12-1963
Kiến-hòa	Nhà phổ đề ở			25 00	3-12-1963
	Nhà phổ dùng về buôn bán, tiểu công- nghệ hay nghề- nghiệp	Giữ y giá- biểu căn-bản dụ số 4			
Kiến-phong	Phổ buôn bán	25	00		
	Phổ ở			10 00	
Kiến-tường	Khu I: buôn bán và công kỹ-nghệ			15 00	12-12-1963

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào Số bách- phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Kiến-trường (tiếp theo)	Khu II : gia-cư	10 ‰		
	Khu III và IV : khu nới rộng châu-thành	Giữ y giá- biểu căn-bản dự số 4		
Long-an		Giữ y giá- biểu căn-bản dự số 4		25-11-1963
Phong-dinh	Tỉnh-lỵ Phong-dinh :			26-11-1963
	Khu nhứt	5 ‰		
	Các khu khác	Giữ y giá- biểu căn-bản dự số 4		
Vĩnh-bình	Các quận-lỵ	10 ‰		
	Tỉnh-lỵ Phú-vinh	5 —		29-11-1963
	Các quận-lỵ	25 —		
Vĩnh-long	Quận Châu-thành	5 ‰		9-12-1963
	Quận Sa-déc	5 —		
	Quận Tam-bình	3 —		

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần lã ng giá-bi trung-b định n của dụ ngày 2-4-1953	Chú-thích ngày nhóm của hội-đ tư-vấn nh phố, tỉnh, thành sở-quan
Vĩnh-long (tiếp theo)	Quận Bình-minh	Giữ y giá- biểu căn-bản của dụ số 4 ngày 2-4-1953	
	Quận Minh-dức	—	
	Quận Đức-thành	—	
	Quận Đức-tôn	—	
	Quận Chợ-lách	—	
	Quận Lấp-vò	—	
Biên-hòa	Khu I	Giữ y giá- biểu căn-bản của dụ số 4 ngày 2-4-1953	11-1-1964
	Khu II	10 %	
	Khu III	15 —	
	Quận-ly Long-thành	20 —	
	Các nơi khác trong tỉnh	25 —	
Bình-dương	Tỉnh-ly Phú-cường	25 %	4-12-1963
	Quận-ly Lái-thiêu	25 %	
	Quận-ly Bến-cát	20 %	

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Binh-duong (tiếp theo)		gia-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953		
	Quận-ly Củ-chi	20 %		
	Quận-ly Tri-tâm	20 —		
	Các vùng khác ngoài			
	tỉnh-ly và quận-ly	15 %		
Binh-long		Giữ y giá- biểu căn-bản của dự số 4 ngày 2-4-1953		30-11-1963
Binh-tuy		25 %		3-12-1963
	Khu không thương-mại	20 —		
	Khu nhà lá	15 —		
Gia-dịnh		Giữ y giá- biểu căn-bản của dự số 4 ngày 2-4-1954		3-12-1963
	a) Các thị-trấn Bình- hòa-xã, Phú-nhuận, Thị-nghè :			
	Vùng I			
	Vùng II	10 %		
	Vùng III	20 —		
	b) Các thị-trấn Hóc- môn, Gò-vấp, Thủ- đức			
	Vùng I	5 %		
	Vùng II	20 —		

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan
Gia-dịnh (tiếp theo)	c) Các thị-trấn Bà- điêm, Phú-xuân- hội, Thủ-thiêm, Giồng Ông-Tổ : Vùng I Vùng II		10 % 20 —	
	d) Các địa-diềm khác ngoài các thị-trấn ghi trên		25 %	
Long-khánh		Giữ y giá- biểu căn-bản của dụ số 4 ngày 2-4-1953		26-11-1963
Phước-long		—		3-12-1963
Phước- thành	1 ^o) Tỉnh-ly		25 %	2-1-1964
	2 ^o) Quận Phú-giáo : Vĩnh-hòa, Phước-hòa Các nơi khác		20 % 25 —	

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2.4.1953	Số bách- phần giảm để trừ	Chú-thích ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Phước- thành (tiếp theo)	3 ^o) Quận Tân-uỷên :			
	Quận-ly		20 %	
	Các nơi khác		25 —	
	4 ^o) Quận Hiếu-liêm		25 —	
Phước-tuy	1.— Tỉnh-ly			28-11-1963
	Khu nhất		5 %	
	Khu nhì		15 —	
	Khu ba		20 —	
	Khu tư		25 —	
	2.— Quận-ly Long-diễn			
	Khu nhất		5 %	
	Khu nhì		15 —	
	Khu ba		25 —	
	Trung-diêm : An- nhứt, Long - hải, Tam-phước, An- ngãi, Phước-tĩnh và Long - thành (không phân biệt các khu)		25 %	

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng để thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình, dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích ngày nhóm của hội-dồng tu-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan
Phước-tuy (tiếp theo)	3.— Quận-ly Đất-đỏ			
	Khu nhất		10	0
	Khu nhì		20	—
	Khu ba		25	—
	Trung-điểm : Phước- thọ và Phước-hải (không phân biệt các khu)		20	0
	Trung-điểm Phước- lợi, Hội-mỹ và Long - mỹ (không phân biệt các khu)		25	0
	4.— Quận-ly Xuyên-mộc			
	— Khu nhất		25	0
	5.— Quận-ly Vũng-lầu			
	— Khu nhất	Y giá căn-bản		
	— Khu nhì		5	0
	— Khu ba		10	0
	— Khu tư		15	0

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào giá-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách- phần giảm đi hạ	Chủ-thích ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Tây-ninh	Toàn tỉnh-ly Trung - diêm Hiếu- thuận và các địa- vực khác	25 %		6-12-1963
Côn-sơn	Không có nhà xây cất trước ngày 1-7-1947 để cho thuê ở hoặc cho thuê dùng vào thủ công-nghệ hay nghề nghiệp			c.d. 7-1-1964
Huế	Giữ y giá-biêu căn-bản của dự số 4 ngày 2-4-1953			10-1-1964
Thừa-thiên	Giữ y giá-biêu căn-bản của dự số 4 ngày 2-4-1953			10-1-1964
Quảng-trị	Tỉnh-ly Quảng-trị Đông-hà	25 % 25 —		8-1-1964
Đà-nẵng	Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công- nghệ hay nghề nghiệp	25 %		
Quảng-nam	A. — Khu-vực thứ nhất (Thành-phố Hội-an, khu-vực Vĩnh-diên, quận-ly Điện-bàn, khu - vực Nam- phước (Duy-xuyên)	25 %		14-12-1963

Thành phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tang để thêm vào	Số bách- phần giảm để hạ	Chú-thích ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Quảng-nam (tiếp theo)	Khu - vực Cầm - lệ (quận-ly Hòa-vang) (Quận Hiếu-nhơn) B. — Khu-vực thứ nhì (các quận-ly Đại-lộc, Duy-xuyên, Quế- son) C. — Khu-vực thứ ba (các quận-ly Hiếu- dức, Thường-dức và Đức-dục)	15	0/10	
Quảng-tín	A. — Thị-xã Tam-kỳ (nhà gạch hoặc nhà tranh) B. — Quận Lý-tín (nhà gạch hoặc nhà tranh) C. — Các quận khác và vùng ngoại-ô thị-xã Tam-kỳ	25	0/10	11-12-1963
Quảng-ngãi	Không còn nhà cửa xây cất ngày 1-7-1947			cv 5-12-1963
Bình-dịnh	A. — Qui-nhơn B. — Tam-quan, Bồng-sơn, Phù-mỹ, Phù-cát, Đập-dá	25	0/10	4-12-1963

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng đi thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Chú-thích ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Bình-dịnh (tiếp theo)	Bình-dịnh (An-nhon), An-thái, Phú- phong, An-khe, Tuy-phước, Chợ- dinh, Gò-bồi, Diêu- trì	20	%	4-12-1963
	C— Các khu-vực khác trong tỉnh Bình-dịnh	15	—	
Phú-yên	Giữ y giá-biểu căn-bản của dụ số 4 ngày 2-4-1953			4-12-1963
Khánh-hòa	Thị-xã Nha-trang Các quận trong tỉnh	25	%	2-12-1963
		20	—	
Ninh-thuận		20	—	4-12-1963
Bình-thuận			25 %	4-12-1963
Đà-lạt		5	%	3-12-1963
Tuyên-dức	Khu-vực I : các quận Đơn-dương, Đức- trọng	10	—	13-12-1963
	Khu-vực II : Quận Lạc-dương	5	—	
Lâm-dồng	Tỉnh-ly Bảo-lộc và quận-ly Di-linh	25	%	2-12-1963
Quảng-dức	Không có nhà xây cất trước ngày 1-7- 1947 đề cho thuê			cv 2-1-1964

Thành-phố hoặc tỉnh	Khu-vực	Số bách- phần tăng cút thêm vào gia-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		Số bách- phần giảm dù hạ	Chú-thích ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan
Kontum	Tỉnh-lý Kontum :				6-12-1963
	Khu-vực I	25	00		
	Khu-vực II	15	—		
	Các khu-vực khác	10	—		
	Các quận-lý và các làng xã	10	—		
Pleiku	Không còn nhà cửa xây cất trước ngày 1-7-1947 để cho thuê				cv 4-12-1963
Phú-bôn	Không có nhà cửa xây cất trước ngày 1-7- 1947				cv 27-11-1963
Darlac	Khu-vực thương-mại Ban-mê-thuột	25	00		4-12-1963
	Khu-vực biệt-thự	20	—		
	Khu-vực gia-cư	20	—		

Điều thứ 2.— Đồng-ly văn-phòng bộ Nội-vụ, các đô-trưởng, tỉnh-trưởng, thị-trưởng, chiều nhiệm-vụ lãnh thi-hành nghị-định này.

Sài-gòn, ngày 23 tháng hai năm 1964

HÀ THỨC KÝ

NGHỊ-ĐỊNH số 220-BNV/HC/ND ngày mồng 1 tháng ba năm 1965 ấn-định số bách-phần tăng hoặc giảm giá-biêu căn-bản trung-bình cho thuê nhà trong năm 1965, áp-dụng cho các nhà xây cất trước ngày 1-7-1947, dùng để ở, hoặc về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp.

Tổng-trưởng Nội-vụ,

Chiều Hiến-chương Lâm-thời ngày 20 tháng mười năm 1964 ;

Chiều quyết-định số 5-HĐQL ngày 16 tháng hai năm 1965 của Hội-dồng Quản-lyc bổ-nhiệm Ô. Phan huy Quát giữ chức-vụ Thủ-tướng Chánh-phủ Việt-nam Cộng-hòa và thành-lập Nội-các ;

Chiều sắc-lệnh số 40-b/QT/SL ngày 16 tháng hai năm 1965 ấn-định thành-phần Chánh-phủ ;

Chiều sắc-lệnh số 66-NV ngày mồng 8 tháng bảy năm 1952 và các văn-kiện sửa đổi kế tiếp, ấn-định chức-chương của Tổng-trưởng Nội-vụ ;

Chiều dụ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1952 ấn-định sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp ;

Chiều các biên-bản phiên họp của hội đồng tư-vấn về nhà cửa tại các tỉnh, thành, về việc tăng hoặc giảm giá-biêu căn-bản trung-bình áp-dụng trong năm 1965 cho những nhà xây cất trước ngày mồng 1 tháng bảy năm 1947 ;

Chiều đề-nghị của đô-trưởng Sài-gòn, các tỉnh-trưởng và thị-trưởng sở-quan,

NGHỊ-ĐỊNH :

Điều thứ nhất.— Trong năm 1965, số bách-phần tăng hoặc giảm giá-biêu căn-bản trung-bình tính theo các điều 13, 14, 15 và 16 của dụ số 4 ngày mồng 2 tháng 4 năm 1953 về các nhà cửa xây cất trước ngày mồng 1 tháng bảy năm 1947 dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề-nghiệp, được ấn-định như sau :

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tang để thêm vào	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
		giả-biểu can-bản trung-bình dự-dịnh nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953		

Đô-thành Sài-gòn	Khu nhứt	25 ⁰ / ₁₀		17-12-1964
	Khu nhì	25 ⁰ / ₁₀		
	Khu ba	20 ⁰ / ₁₀		
	Khu tư	20 ⁰ / ₁₀		

Miền Đông Nam-phần

Gia-dịnh	I.— Thị-trấn Bình-hòa, xã Phú-nhuận, Thị-nghè	Vùng 1 không tang không giảm Vùng 2 giảm bớt 10% Vùng 3 giảm bớt 20%	28-12-1964
	II.— Thị-trấn Hố-côn, Gò-vấp, Thủ-đức	Vùng 1 giảm bớt 5% Vùng 2 giảm bớt 20%	
	III.— Thị-trấn Nhà-bè, Bà-diêm, Phú-xuân-hội, Thủ-thiêm, Giồng Ông Tố	Vùng 1 giảm bớt 10% Vùng 2 giảm bớt 20%	
	IV.— Các địa điểm khác ngoài các thị-trấn kể ở 3 khoản trên	Giảm bớt 25%	

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự-định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	---	-------------------------	---

Miền Đông Nam-phần (tiếp theo)

Biên-hòa	A. — Tỉnh-lỵ :			
	— Khu I..	Giữ y giá-biểu căn-bản trung-bình (Dụ số 4 ngày 2-4-1953)		3-12-1964
	— Khu II..		10%	
	— Khu III..		15%	
	B. — Q u ậ n - l ỵ Long - thành và các trung- tâm khác, không phân biệt các khu..		20%	
Bình-dương	Toàn tỉnh. . . .	Giữ y giá-biểu căn-bản trung bình (Dụ số 4 ngày 2-4-1953)		15-12-1964
Bình-long	Toàn tỉnh. . . .	Giữ y giá-biểu căn-bản trung-bình (Dụ số 4 ngày 2-4-1953)		26-11-1964
Bình-tuy	Không có nhà cửa cho mướn và xây- cất trước ngày 1-7-1947			CĐ 22-12-1964

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng do thêm vào giả-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách-phần giảm do hạ phần giảm đề hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	---	---	--

Miền Đông Nam-phần (tiếp theo)

Hậu-nghĩa		25 ⁰ / ₁₀		14-1-1964
Long-khánh	Toàn tỉnh	Giữ y giả-biêu căn-bản trung-bình (Dự số 4 ngày 2-4-1953)		26-11-1964
Phước-long	Không có nhà cửa cho mướn và xây cất từ trước ngày 1-7-1947			
Phước thành	1) Tỉnh lỵ	25 ⁰ / ₁₀		7-12-1964
	2) Quận Phú-giao : Vĩnh-hòa, Phước- hòa	20 ⁰ / ₁₀		
	Các nơi khác	25 ⁰ / ₁₀		
	3) Quận Tân-uyên :			
	Quận-lỵ	20 ⁰ / ₁₀		
	Các nơi khác	25 ⁰ / ₁₀		
	4) Quận Hiếu-liêm	25 ⁰ / ₁₀		
Phước-tuy	1) Tỉnh-lỵ			5-12-1964
	Khu nhứt	5 ⁰ / ₁₀		
	Khu nhì	15 ⁰ / ₁₀		
	Khu ba	20 ⁰ / ₁₀		
	Khu tư	25 ⁰ / ₁₀		

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào Số bách-phần giảm để hạ giá-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2-4-1953	Chú-thích (ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	--	--

Miền Đông Nam-phần (tiếp theo)

Phước-tuy (tiếp theo)	2) Quận - lý Long - diễn :	
	Khu nhứt	5 ⁰⁰ / ₀
	Khu nhì	15 ⁰⁰ / ₀
	Khu ba	25 ⁰⁰ / ₀
	Trung-diêm An- nhứt, Long - hải, Tam-phước An- ngãi, Phước-tỉnh và Long - thành (không phân-biệt các khu) :	25 ⁰⁰ / ₀
	3) Quận-ly Đất-đỏ	
	Khu nhứt	10 ⁰⁰ / ₀
	Khu nhì	20 ⁰⁰ / ₀
	Khu ba	25 ⁰⁰ / ₀
	Trung-diêm Phước - thọ và Phước-hải (không phân biệt các khu) :	20 ⁰⁰ / ₀
	Trung-diêm Phước-lợi, Hội- mỹ và Long-mỹ (không phân-biệt các khu)	25 ⁰⁰ / ₀
	4) Quận-ly Xuyên- mộc	25 ⁰⁰ / ₀

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự-định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	---	-------------------------	---

Miền Đông Nam-phần (tiếp theo)

Thị-xã Vũng-tàu	Khu nhứt	Giữ y giá căn-bản Dự số 4 ngày 2-4-1953	23-12-1964
	Khu nhì	5%	
	Khu ba	10%	
	Khu tư	15%	
Tây-ninh	1) Tỉnh-lỵ Tây-ninh và trung - diêm Hiếu-thiện (không phân-biệt các khu):	25%	
	2) Trung-diêm Phú-khương và các địa-vực khác (không phân-biệt các khu):	25%	
Côn-sơn	Toàn tỉnh, không có nhà xây cất trước ngày 1-7-1947 và cho tư-nhơn thuê. Chỉ có công-ức cấp cho công-chức và binh-sĩ ở miền phí.		CD 8-1-1965

Miền Tây-nam Nam-phần

An-giang	25%	3-12-1964
An-xuyên	25%	1-12-1964

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách- phần tổng đề thêm vào	Số bách- phần giảm dề hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-dồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan)
		giả-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dụ số 4 ngày 2.4.1953		

Miền Tây-nam Nam-phần (tiếp theo)

Ba-xuyên	Chung cho tỉnh-lỵ và các quận-lỵ		15%	2-12-1964
Bạc-liêu			15%	CD 28-1-1965
Châu-đốc		25%		24-12-1964
Chương- thiện	Không có nhà phố xây cất trước ngày 1-7- 1947 và cho thuê			CV 30-11-1964
x Định-tường		25%		1-12-1964 CD
Gò-công		25%		13-1-1964
Kiên-giang		25%		3-12-1964
Kiến-hòa	1) Nhà phố đề ở		25%	4-12-1964
	2) Nhà phố vừa đề ở, vừa đề buôn bán, dùng về tiêu công - nghệ hay nghề-nghiệp			
		Giữ y giả-biêu căn-bản Dụ số 4 ngày 2-4-1953		
Kiến-phong	1) Phố buôn bán	25%		30-12-1964
	2) Phố đề ở		10%	
Kiến-tường	Toàn tỉnh không có nhà xây cất trước ngày 1-7-1947 và cho mướn			CD 7-1-1965

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
		giả-biêu căn-bản trung-bình dự-định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2.4.1953		

Miền Tây-nam Nam-phần (tiếp theo)

Long-an		Giữ y giả-biêu căn-bản dự số 4 ngày 2.4.1953	1-12-1964
Phong-dinh	Tỉnh-lỵ Cần-thơ :		
	1) Khu nhứt	5 ⁰ / ₀	
	2) Các khu khác	Giữ y giả-biêu căn-bản dự số 4 ngày 2.4.1953	
Vĩnh-bình	1) Tỉnh-lỵ Phú-vinh	5 ⁰ / ₀	2-12-1964
	2) Các quận-lỵ	25 ⁰ / ₀	
Vĩnh-long	1) Châu-thành Vĩnh-long	5 ⁰ / ₀	7-12-1964
	2) Sa-déc	5 ⁰ / ₀	
	3) Tam-bình	3 ⁰ / ₀	
	4) Bình-minh, Đức-thành, Chợ-lách, Đức-tôn, Lấp-vò, Minh-đức	Giữ y giả-biêu căn-bản dự số 4 ngày 2.4.1953	

Trung-nguyên Trung-phần

Thị-xã Huế	25 ⁰ / ₀	21-12-1964
Thừa-thiên	25 ⁰ / ₀	21-12-1964

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng đi thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách-phần giảm đi hạ Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	--	--

Trung-nguyên Trung-phần (tiếp theo)

Quảng-trị		25 ⁰ / ₀	8-12-1964
Quảng-nam	A.— Khu - vực thứ nhứt Tỉnh-ly Hội-an khu-vực Vĩnh- Điện quận - ly Điện-bản khu- vực Nam phước (Duy - xuyên) khu-vực Cẩm- lệ (quận-ly Hòa- vang) quận Hiếu-nhon	25 ⁰ / ₀	22-12-1964
	B.— Khu - vực thứ nhì, Các quận - ly, Đại-lộc, Duy- xuyên, Quế-sơn	15 ⁰ / ₀	
	C.— Khu - vực thứ ba, Các quận - ly Hiếu - đức, Thường - đức, Đức-dục	10 ⁰ / ₀	

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách-phần giảm để hạ Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	---	---

Trung-nguyên Trung-phần (tiếp theo)

Quảng-ngãi	Các nhà phố cũ, nhất là xây cất trước ngày 1-7-1947, đều đã bị phá hủy. Các nhà phố hiện-hữu đều được kiến-thiết từ sau năm 1954.		CV 2-1-1965
Quảng-tín	A.— Thị-xã Tam-kỳ.	25 %	21-12-1964
	B.— Quận Lý-tín	20 %	
	C.— Ngoại-ô thị-xã Tam-kỳ và các quận khác	15 %	
Bình-dịnh	A.— Qui-nhơn	25 %	21-12-1964
	B.— Tam-quan, Bồng-sơn, Đập-dá, Phú-phong, An-thái, An-kê, Tuy-phước, Chợ-dinh, Gò-bồi, Diêu-tri.	20 %	
	C.— Các nơi khác	15 %	
Thị-xã Đà-nẵng			8-12-1964

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng để thêm vào giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2.4.1953	Số bách-phần giảm để hạ giả-biểu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2.4.1953	Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	---	---	--

Trung-nguyên Trung-phần (tiếp theo)

Phú-yên		Giữ y giả-biểu căn-bản dự số 4, ngày 2.4.1953		7-12-1964
Khánh-hòa	A.— Tỉnh-lỵ Nha-trang	25%		26-11-1964
	B.— Các quận trong tỉnh Khánh-hòa	20%		
Ninh-thuận		20%		1-12-1964
Bình-thuận			15%	5-12-1964

Cao-nguyên Trung-phần

Thị-xã Đà-lạt		5%		5-12-1964
Tuyên-đức	A.— Khu-vực 1 :			
	Các quận Đơn-khuơng, Đức-trọng	10%		
	B.— Khu-vực 2.			
	Quận Lạc-dương	5%		
Lâm-đồng	Tỉnh-lỵ Bảo-lộc và Di-linh	25%		9-12-1964

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tang để thêm vào giá-biểu căn-bản trung-bình dự-định nội điều 14 của dụ số 4 ngày 2.4.1951	Số bách-phần giảm để hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phố, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	---	-------------------------	---

Cao-nguyên Trung-phần (tiếp theo)

Darlac	1) Khu-vực thương-mại	25	0%	5-12-1964
	2) Khu-vực biệt-thự	20	0%	
	3) Khu-vực gia-cư	20	0%	
Quảng-đức		Không có nhà cho thuê, xây cất trước ngày 1-7-1947		CĐ 24-12-1964
Phú-bôn		Không có nhà cho thuê, xây cất trước ngày 1-7-1947		CĐ 24-12-1964
Pleiku		Không có nhà cho thuê, xây cất trước ngày 1-7-1947		

Tỉnh, thành	Khu-vực	Số bách-phần tăng phần tăng đặt thêm vào giả-biêu căn-bản trung-bình dự- định nơi điều 14 của dự số 4 ngày 2-4-1953	Số bách-phần giảm phần giảm đặt hạ	Chú-thích (ngày nhóm của hội-đồng tư-vấn nhà phổ, tỉnh, thành sở-quan)
-------------	---------	--	--	--

Cao-nguyên Trung phần (tiếp theo)

Kontum

A.— Khu-vực I.

Tỉnh-ly Kon-
tum (những nhà
ở dọc hai bên
lề đường Phan-
dình - Phùng,
Bock - kiem,
Phan - thanh -
Giàn, và Phan-
chu - Trinh về
phía khu I và
trong khu tứ-
giác giới - hạn
bởi những con
đường ấy)

25 %

B.— Khu-vực II.

Những nhà nằm
ngoài khu-vực I
và trong các khu
phổ Vô-lâm và
Trung-lương

15 %

RÉPUBLIQUE DU VIET-NAM

CODE des LOYERS

Habitations — Artisanats

Commerces — Industries

*(Ordonnances nos 4 et 17 des 2 avril et 3 juin 1953
complétées par divers arrêtés et mis à jour
jusqu'au 30 juin 1965)*

1965
NHÀ IN các CÔNG-BÁO
63, đường Tự-do, 63
Saigon

•

**ORDONNANCE n° 4 du 2 avril 1953 fixant les
rapports entre bailleurs et locataires ou occupants
de bonne foi de locaux d'habitation ou à usage
artisanal ou professionnel.**

LE CHEF DE L'ÉTAT,

Vu l'ordonnance n° 1 du 1^{er} juillet 1949 fixant l'organisation et le fonctionnement des institutions publiques,

Vu l'ordonnance n° 2 du 1^{er} juillet 1949 portant organisation du statut des administrations publiques,

Vu le décret n° 49-CP du 6 juin 1952, complété et modifié par les décrets subséquents, fixant la composition du Gouvernement,

Vu l'ordonnance n° 14 du 8 juillet 1952 portant institution du conseil national provisoire du Viet-Nam,

Vu le décret du 13 mai 1942 et les textes modificatifs subséquents fixant les rapports entre les bailleurs et les locataires des locaux à usage d'habitation ou professionnel,

Vu le décret n° 47-2205 du 19 novembre 1947 réglementant les réquisitions administratives en matière de logements,

Sur la proposition du président du conseil des ministres,

Après avis du conseil national provisoire,

Le conseil des ministres entendu,

ORDONNE :

Article premier— Les rapports entre bailleurs et locataires ou occupants de bonne foi de locaux d'habitation ou à usage artisanal ou professionnel sont régis par les dispositions de la présente ordonnance qui est applicable à tout le territoire du Viet-Nam.

Les dispositions de la présente ordonnance s'appliquent également aux locaux mixtes à usage d'habitation et de commerce ou d'industrie lorsqu'il y a prédominance d'habitation ou d'usage artisanal ou professionnel.

TITRE PREMIER

Locaux d'habitation ou à l'usage artisanal ou professionnel

Art. 2.— Par « artisans », pour l'application de la présente ordonnance, il y a lieu d'entendre les travailleurs exerçant personnellement et à leur compte un métier manuel, travaillant chez eux ou au dehors, employant ou non la force motrice, ayant ou non enseigne et boutique, se livrant principalement à la vente du produit de leur propre travail, accomplissant leur travail seuls ou avec le concours de leur conjoint, des membres de leur famille, d'ouvriers ou d'apprentis.

Le nombre de personnes apportant leur concours à un artisan ne saurait en aucun cas dépasser dix unités, non compris les parents en ligne directe de l'artisan, celui-ci devant seul assurer la direction de son entreprise.

Art. 3.— Par « locaux à usage professionnel », pour l'application de la présente ordonnance, il y a lieu d'entendre les immeubles affectés à l'exercice d'une profession libérale, telle que celle d'avocat, de médecin, de professeur, etc.

Cependant, une personne exerçant une profession libérale ne peut bénéficier du statut des locaux à usage professionnel que pour un seul local, destiné à l'exercice de sa profession, dans la même localité (la préfecture de Saigon-Cholon étant considérée à cet égard comme formant une seule localité).

CHAPITRE PREMIER

Du maintien dans les lieux

Art. 4.— Les locataires, sous-locataires, cessionnaires de baux et tous occupants de bonne foi vietnamiens ou ressortissants de l'Union française, même s'ils sont entrés dans les lieux après la publication de la présente ordonnance, bénéficient, de plein droit et sans l'accomplissement d'une formalité, du maintien dans les lieux occupés aux conditions de prix fixées ci-dessous.

Sont réputés de bonne foi les locataires, sous-locataires ou occupants dont l'occupation artisanale, professionnelle ou à titre d'habitation résulte, à l'origine, d'une location ou sous-location régulière verbale ou écrite, ou ceux qui sont dans les lieux en vertu d'un délai de grâce accordé sur une location ou sous-location régulière.

Art. 5.— La prorogation cesse de plein droit après le départ définitif du locataire de la localité, à moins qu'il ne se trouve dans la nécessité d'y laisser son conjoint et ses enfants pour se rendre seul dans la localité où il est appelé à continuer l'exercice de sa profession.

En cas de départ en congé ou de séjour hors du Viet-Nam, la prorogation cesse de plein droit au bout de dix-huit mois à compter du jour du départ, quel que soit le motif empêchant le bénéficiaire de la prorogation de revenir dans ce délai.

Art. 6.— En cas d'abandon de domicile par le locataire ou en cas de décès de ce dernier, le bénéfice de la prorogation

reste acquis aux ascendants, descendants et conjoints non divorcés du locataire et occupant déjà l'immeuble depuis au moins six mois.

Art. 7.— N'ont pas droit au bénéfice de la prorogation les personnes visées à l'article 4 :

- 1°) Qui ont fait l'objet d'une décision judiciaire devenue définitive ayant prononcé leur expulsion par application de la législation antérieure, sauf en cas d'obtention d'un délai de grâce, par la même décision, accordé dans les conditions précisées par l'article 4, alinéa 2 ;
- 2°) Qui ont deux ou plusieurs habitations, à moins qu'elles ne justifient que leur profession ou leur fonction les y oblige, ou que les locaux loués, en sus de leur habitation personnelle, sont suffisamment occupés par leurs ascendants ou descendants majeurs ou émancipés directs ;
- 3°) Qui n'ont pas occupé effectivement par elles-mêmes les locaux loués ou ne les ont pas fait occuper par les personnes qui vivaient habituellement avec elles et qui sont soit membres de leur famille, soit à leur charge. L'occupation doit avoir duré huit mois au cours d'une année de location, à moins que la profession, la fonction de l'occupant ou tout autre motif légitime ne justifie une occupation d'une durée moindre ;
- 4°) Pour lesquelles le logement constitue un des accessoires du contrat de louage de service ou des fonctions administratives ; ou encore qui occupent des logements administratifs ou loués par l'administration ;
- 5°) Qui ont sous-loué la totalité ou une partie des locaux sans un assentiment écrit du propriétaire ;
- 6°) Qui ont été installées dans les logements par un locataire pour la durée de son absence ou congé ;
- 7°) Qui ont transformé les locaux loués en vue d'un autre usage sans un assentiment écrit du propriétaire et sans en faire la déclaration aux autorités compétentes ;

- 8) Qui occupent des locaux ayant fait l'objet soit d'une interdiction d'habiter, soit d'un arrêté de péril prescrivant la réparation ou la démolition de l'immeuble menaçant ruine dans lequel ces locaux sont situés.

Toutefois, lorsque l'interdiction n'a été édictée qu'à titre temporaire ou si l'arrêté de péril visé à l'alinéa précédent a été rapporté, les anciens occupants peuvent invoquer les dispositions du présent chapitre pour rentrer en possession des lieux ;

- 9) Qui occupent des locaux de plaisance, pour lesdits locaux ;
- 10) Qui sont des étrangers non citoyens vietnamiens et non ressortissants de l'Union française, sauf ceux ayant des enfants légitimes de nationalité vietnamienne qui habitent effectivement avec eux ;
- 11) Qui occupent les locaux situés dans des immeubles acquis ou expropriés à la suite d'une déclaration d'utilité publique.

Art. 8.— En cas de sous-location, le bénéfice du maintien dans les lieux est opposable au locataire principal.

Ce bénéfice ne sera opposable au propriétaire qu'autant que la sous-location aura été acceptée par lui.

CHAPITRE II

Droit de reprise

Art. 9.— Le droit du maintien dans les lieux cesse d'être opposable au propriétaire vietnamien ou ressortissant de l'Union française qui veut reprendre son immeuble pour l'habiter lui-même ou le faire habiter par ses ascendants ou descendants majeurs ou émancipés directs, lorsqu'il met à la disposition du

locataire ou de l'occupant un local en bon état d'habitation remplissant des conditions d'hygiène au moins équivalentes à celles du local objet de la reprise et correspondant à ses besoins personnels ou familiaux et, le cas échéant, professionnels et à ses possibilités.

Le propriétaire qui veut bénéficier de la disposition ci-dessus doit prévenir par acte extrajudiciaire celui dont il se propose de reprendre le local ; ledit acte doit indiquer, à peine de nullité :

- Le nom et l'adresse du propriétaire du local offert ;
- L'emplacement de celui-ci ;
- Le nombre de pièces qu'il comporte ;
- Le degré de confort ;
- Le loyer ;
- Le délai à l'expiration duquel il veut effectuer la reprise et pendant lequel il peut être pris possession du local offert, délai qui ne peut être inférieur à six mois ;
- L'identité du bénéficiaire de la reprise ainsi que sa situation de famille et sa profession.

Si, dans le délai d'un mois à compter de la signification de l'acte extrajudiciaire, le locataire ou l'occupant donne son acceptation écrite à la proposition qui lui est faite, il doit remettre le local qu'il occupe à la disposition du propriétaire, au plus tard à la date fixée pour la reprise dans l'acte extrajudiciaire prévu à l'alinéa précédent.

Si, dans le même délai d'un mois, le locataire ou l'occupant refuse ou ne fait pas connaître sa décision, le propriétaire l'assigne, suivant la procédure prévue au titre III, aux fins de constatation que le local offert en remplacement est bien conforme aux prescriptions du premier alinéa.

Le juge saisi, s'il estime devoir recourir à la procédure d'expertise, désignera sur minute et avant enregistrement telle personne qu'il entendra qui, en qualité d'expert, aura pour mission

de visiter les locaux offerts, de dire s'ils remplissent les conditions d'hygiène prévues au premier alinéa et sont susceptibles de satisfaire aux besoins personnels ou familiaux et, le cas échéant, professionnels du locataire ou de l'occupant, de vérifier enfin si les possibilités de ce dernier lui permettent d'en supporter les charges.

Ledit expert doit déposer son rapport dans la quinzaine du jour où il a été saisi. Faute par lui de ce faire, il est de plein droit dessaisi et le juge doit pourvoir d'office à son remplacement par nouvelle ordonnance rendue dans les quarante-huit heures suivant l'expiration dudit délai.

Dans les quarante-huit heures qui suivent le dépôt de ce rapport, les parties en sont informées par le greffier, par lettre recommandée avec accusé de réception, comportant convocation pour la plus prochaine audience utile.

Art. 10. — Le droit au maintien dans les lieux cesse d'être opposable au propriétaire de nationalité vietnamienne ou ressortissant de l'Union française qui veut reprendre l'immeuble pour l'occuper lorsqu'il justifie qu'il ne dispose pas d'une habitation correspondant à ses besoins normaux et à ceux des membres de sa famille vivant habituellement avec lui.

Lorsque l'immeuble a été acquis à titre onéreux, le droit de reprise ne peut être exercé que si l'acte d'acquisition a date certaine plus de dix ans avant l'exercice de ce droit. Néanmoins, le propriétaire d'un immeuble acquis depuis plus de quatre ans peut être autorisé par justice à exercer le droit de reprise s'il établit que son acquisition n'a été faite que pour se loger ou satisfaire un intérêt familial légitime, à l'exclusion de toute idée de spéculation.

Le propriétaire qui veut bénéficier du droit de reprise doit prévenir au moins six mois à l'avance, par acte extrajudiciaire, le locataire ou l'occupant dont il se propose de reprendre le local ; ledit acte doit, à peine de nullité :

— Indiquer que le droit de reprise est exercé en vertu du présent article ;

- Préciser la date et le mode d'acquisition de l'immeuble ;
- Faire connaître le nom et l'adresse du propriétaire qui loge le bénéficiaire ainsi que l'emplacement et le nombre de pièces du local occupé par ce dernier.

Le juge doit toujours apprécier les contestations qui lui sont soumises au jour de la signification de l'acte extrajudiciaire.

Le bénéficiaire du droit de reprise prévu au présent article est tenu de mettre à la disposition du locataire ou de l'occupant dont il reprend le local le logement qui, le cas échéant, pourrait être rendu vacant, par l'exercice de ce droit, à condition que le local soit soumis aux dispositions de la présente ordonnance.

Le bénéficiaire du droit de reprise devra notifier à son propriétaire l'action qu'il exerce par acte extrajudiciaire dans le même délai que celui prévu à l'alinéa 3 ci-dessus. Le propriétaire de son logement ne pourra s'opposer à la venue de ce nouveau locataire ou occupant qu'en excipant de motifs sérieux et légitimes. S'il entend user de ce droit, il devra, à peine de forclusion, saisir la juridiction compétente aux termes des articles 29 et suivants du titre III de la présente ordonnance dans un délai de quinze jours à dater de la notification susvisée.

Cette notification devra, à peine de nullité, indiquer que, faute par le propriétaire d'avoir saisi la juridiction compétente dans le délai de quinze jours, il sera forcloa.

Le nouvel occupant aura le titre d'occupant de bonne foi.

Le propriétaire qui, sauf le cas de force majeure, n'occupe pas lui-même l'immeuble dont la reprise lui a été accordée dans les conditions de l'alinéa premier du présent article, pendant une durée de six mois à partir de la date d'évacuation des lieux par le locataire, sera tenu envers ce dernier au paiement, pour privation injustifiée de jouissance, d'une indemnité qui ne pourra être inférieure au montant du loyer annuel.

La même indemnité est due si le propriétaire loue une partie de l'immeuble repris dans les mêmes conditions.

Le locataire évincé pourra, en outre, exiger réintégration dans les lieux aux prix et conditions fixés par la location primitive conformes à ceux édictés par la présente ordonnance.

Le tribunal, en accordant au propriétaire le droit de reprise prévu au présent article, devra obligatoirement :

- 1°) Fixer la durée pendant laquelle il sera interdit au propriétaire d'aliéner l'immeuble ainsi repris ; cette durée ne saurait être supérieure à trois ans ;
- 2°) Faire injonction au conservateur de la propriété foncière, ou au fonctionnaire chargé de la tenue du dia-bo (selon que l'immeuble se trouve soumis au nouveau ou à l'ancien régime), d'avoir à mentionner sur le feuillet foncier ou le dia-bo concernant l'immeuble en question la partie du dispositif du jugement fixant la susdite durée pendant laquelle l'immeuble ne pourra être aliéné.

Cette mention sera faite à la diligence et à la requête du ministère public.

Art. 11. — Le droit à prorogation ne peut être opposé au propriétaire vietnamien ou ressortissant de l'Union française qui veut reprendre l'immeuble pour le reconstruire, le surélever ou l'étendre en surface.

L'exercice du droit de reprise prévu au présent article est subordonné aux conditions suivantes :

- 1°) Que la surface habitable de l'immeuble reconstruit soit au moins le double de la surface habitable de l'ancienne construction ;
- 2°) Que la nouvelle surface habitable résultant d'une surélévation ou d'une extension en surface soit au moins égale à la superficie habitable du bâtiment primitif ;
- 3°) Qu'un préavis de six mois soit donné au locataire ou occupant ;

- 4) Que les travaux soient commencés dans les trois mois qui suivent l'évacuation des lieux par le locataire.

Faute de satisfaire à cette dernière obligation, le propriétaire sera tenu envers le locataire évincé au paiement, pour privation injustifiée de jouissance, d'une indemnité qui ne pourra être inférieure au montant du loyer annuel. Le locataire évincé pourra, en outre, exiger sa réintégration dans les lieux, aux prix et conditions antérieures conformes à ceux édictés par la présente ordonnance.

En cas de reconstruction, de surélévation ou d'extension en surface, l'ancien locataire aura un droit de priorité pour réoccuper, dans les locaux reconstruits ou surélevés, une surface égale à celle qu'il occupait précédemment.

En cas de simple surélévation ou de simple extension de la surface habitable sans qu'il soit touché à son ancien local, le locataire réintégré paiera le prix du loyer prévu à la présente ordonnance.

En cas de reconstruction, il paiera le prix prévu à la présente ordonnance augmenté du tiers de la différence entre ce prix et celui que paieront les nouveaux locataires pour une surface habitable égale. Les autres locaux neufs sont soumis au régime institué par l'article 17 ci-après.

En cas d'amélioration des conditions d'habitabilité de l'ancien local, amélioration résultant des travaux nouveaux effectués à l'occasion de la reconstruction, de la surélévation ou de l'extension, le loyer sera le même que celui fixé à l'alinéa précédent à la condition que le prix de la transformation que subit l'ancien bâtiment soit au moins égal au tiers de sa valeur de reconstruction. Si cette dernière condition n'est pas remplie, le loyer sera le même que celui fixé à l'alinéa 5 du présent article.

Dès l'achèvement des travaux, le propriétaire devra, par lettre recommandée avec accusé de réception ou par acte extrajudiciaire, mettre en demeure l'ancien locataire ou occupant de lui faire connaître, dans le délai d'un mois et dans la même forme, s'il entend user de ce droit. La notification devra mentionner, à peine de nullité, la forme et le délai de réponse.

Pour le droit de reprise prévu au présent article, les congés donnés sous l'empire de la législation abrogée et les procédures subséquentes demeureront valables s'ils satisfont aux conditions du présent article.

Art. 12.— Par dérogation à l'article précédent, les occupants ne sont tenus d'évacuer que la partie des locaux rendue inhabitable par l'exécution des travaux et ce jusqu'à leur achèvement.

CHAPITRE III

Détermination des prix du loyer

Art. 13.— La valeur locative mensuelle d'un immeuble à usage d'habitation, artisanal ou professionnel est égale à la somme des produits des superficies du bâtiment principal et dépendances et des superficies en cours et jardins par le prix de base du mètre carré fixé pour chacune des catégories de logements prévues à l'article 14.

Font partie du bâtiment principal les pièces habitables, les cabinets de toilette, offices, etc., qui sont inclus dans ledit bâtiment.

Art. 14.— Le prix mensuel de base du mètre carré du bâtiment principal est déterminé ainsi qu'il suit :

Catégorie	Prix de base au mètre carré
1 ^{re}) Constructions provisoires	
a) Paillotes et constructions en matériaux légers :	
— Celles dont le sol est en terre battue. .	1\$20
— Celles dont le sol est revêtu d'une chape de ciment	1,50

Catégorie	Prix de base au mètre carré
b) Constructions en matériaux demi-durs (bois et tuiles ou couverture en tôle ondulée) avec soubassement et chape de ciment ou sol en carreaux de terre cuite ou de ciment . .	2\$00
c) Constructions analogues à la précédente mais avec soubassement de 35 cm minimum de hauteur et adduction et évacuation d'eau .	3\$00
d) — Constructions préfabriquées en panneaux de ciment, couverture en dur, soubassement, carrelage de carreaux de ciment ou de terre cuite, — Maisons préfabriquées en tôle ondulée du type américain sur soubassement, carrelé	4\$00
<p>Pour les constructions provisoires ci-dessus, le mode du calcul du prix de base au mètre carré des dépendances, vérandas, cours et jardins clôturés, par rapport au bâtiment principal, est le même que celui prévu pour la catégorie des " constructions en matériaux durs du type compartiment " ci-après.</p>	
2) Constructions en matériaux durs du type compartiment	
a) Compartiments non plafonnés avec installations sanitaires sommaires ou inexistantes mais avec adduction d'eau et branchement à l'égoût — sol en carreaux de terre cuite ou revêtu d'une chape de ciment . . .	4\$00
b) Compartiments plafonnés du même type que les précédents mais avec installation sanitaire élémentaire — sol en carreaux de ciment uni ou de couleur.	4\$50

Catégorie	Prix de base au mètre carré
<p>c) Compartiments de confort moyen avec cabinet de toilette muni d'un minimum d'équipement pour le bâtiment principal, lavabo, douche, baignoire, W.C. avec chasse d'eau</p>	<p align="center">5\$00</p>
<p>Pour les trois catégories de compartiments ci-dessus énumérés, le prix de base par mètre carré des vérandas ouvertes ou fermées faisant partie du bâtiment principal est égal à la moitié du prix de base du bâtiment principal.</p>	
<p>Le prix de base par mètre carré des dépendances est égal au tiers du prix de base du bâtiment principal si elles sont ouvertes (ou fermées sur trois côtés seulement) et à la moitié du prix du bâtiment principal si elles sont fermées.</p>	
<p>Le prix de base par mètre carré des jardins et cours clôturés est égal au 1/6^e du prix de base par mètre carré du bâtiment principal si leur superficie est égale ou inférieure à 100m².</p>	
<p>Le prix de base par mètre carré des fractions au delà de 100 m² est égal au 1/10^e du prix de base par mètre carré du bâtiment principal, à la condition que cette superficie supplémentaire soit clôturée et effectivement mise à la disposition du locataire.</p>	
<p>Pour le calcul du prix de location, seules les dimensions extérieures seront prises et à la naissance des murs au-dessus du soubassement s'il en existe un.</p>	
<p>Il en est de même pour les étages.</p>	

Catégorie	Prix de base au mètre carré
3°) Villas (avec jardin et clôture) construites en dur avec carrelage de ciment de couleur et installations sanitaires complètes	
a) Villas jointives.— Il faut comprendre dans cette catégorie toutes les constructions en dur du même type que les villas isolées ou jumelées dont deux pièces habitables par plancher se trouvent en façade sur rue ou sur jardin. Elles doivent correspondre, pour les matériaux mis en œuvre et les éléments de confort, aux villas isolées décrites ci-après (c)	5\$ 50
b) Villas jumelles (avec jardin et clôture) construites en dur — mêmes observations générales que ci-dessus — au minimum deux pièces habitables par plancher doivent donner soit sur rue soit sur cour ou jardin.	6\$ 00
c) Villas isolées (avec jardin et clôture) construites en dur — ces villas doivent comporter au minimum un cabinet de toilette complètement équipé pour deux chambres (lavabo, douche ou baignoire, W.C. avec siège à l'anglaise)	6\$ 50
d) Villas de luxe isolées avec jardin et clôture, et construites en dur — ces villas doivent posséder, en plus des caractéristiques des villas isolées, des éléments supplémentaires de confort et de luxe tels que : — Un cabinet de toilette complètement aménagé par chambre ; — Des carrelages en carreaux de grès cérame ou en granito pour partie ;	

Catégorie	Prix de base au mètre carré
<p>— Des fers forgés ;</p> <p>— Des escaliers revêtus de grès cérame ou de granito et présenter en plus un bel aspect architectural</p>	8 \$ 00
<p>Le prix de base par mètre carré des vérandas ouvertes ou fermées faisant partie du bâtiment principal est égal à la moitié du prix de base du bâtiment principal.</p>	
<p>Le prix de base par mètre carré des dépendances est égal au tiers du prix de base du bâtiment principal si elles sont ouvertes (ou fermées sur trois côtés seulement) et à la moitié du prix du bâtiment principal si elles sont fermées.</p>	
<p>Le prix de base par mètre carré des cours et jardins clôturés est égal au 1/5^e du prix de base par mètre carré du bâtiment principal si l'ensemble de leur superficie est égal ou inférieur à 500m². Les fractions au delà de 500m² sont comptées comme suit :</p>	
0 à 500m ²	prix de base 1/5 ^e du bâtiment principal
501 à 1.000m ²	— 1/8 ^e —
1.001 à 2.000m ²	— 1/15 ^e —
2.001 et au-dessus	— 1/30 ^e du prix de base par mètre carré du bâtiment principal
<p>Seules les dimensions extérieures à la naissance des murs et au-dessus du soubassement, s'il en existe, seront prises pour le calcul du prix de location. Il sera procédé de même pour les étages.</p>	

Catégorie	Prix de base au mètre carré
<p>Seront donc éléments de calcul non seulement les pièces habitables mais aussi les diverses parties utiles du bâtiment telles que débarras, placards, offices, etc., ainsi que l'épaisseur des murs.</p>	
<p>4°) Habitations collectives du type «building»</p>	
<p>Constructions du type dit «building», comportant au minimum 4 étages, situées dans les quartiers commerciaux ou résidentiels :</p>	
<p>a) «Building» comportant des éléments de confort moyen, non munis d'ascenseurs. .</p>	8\$00
<p>b) «Building» du type courant avec ascenseurs.</p>	10\$00
<p>c) «Building» comportant tous les éléments du confort moderne, munis d'ascenseurs et présentant un bel aspect architectural.</p>	15\$00
<p>Pour le calcul du prix du loyer, il ne sera tenu compte que des superficies (épaisseurs des murs comprises) mises à la disposition de chaque locataire qu'il s'agisse de pièces habitables ou de cuisines, offices et locaux divers lorsqu'ils font partie d'un appartement. Les parties communes telles que entrées, halls, escaliers, couloirs, dégagements seront exclues du calcul. Les balcons et pièces aménagés en terrasses mais mis à la disposition d'un locataire déterminé entrent dans le calcul du loyer, à raison de la moitié du prix de base par mètre carré du bâtiment principal. Les chambres de boy isolées seront comptées pour la moitié du prix au mètre carré du local principal.</p>	
<p>Par «building», pour l'application de la présente ordonnance, il y a lieu d'entendre les habitations collectives comportant quatre étages au minimum et des services communs.</p>	

Art. 15.— Le tarif de l'article précédent est un tarif moyen de base. Il est susceptible d'être augmenté ou diminué, selon les localités et selon les zones dans ces mêmes localités, dans les proportions de 1"„ à 25"„. Des arrêtés du gouverneur régional intéressé pris sur la proposition de la commission consultative des logements prévue à l'article 18 fixeront, dans le courant du mois de décembre, pour l'année suivante, les pourcentages applicables à chacune des localités. L'avis du conseil d'administration de la préfecture de Saigon-Cholon ou des conseils municipaux des villes érigées en municipalités doit, le cas échéant, être également pris chaque fois.

Art. 16.— Toutefois, pour le Sud-Viet-Nam, le loyer, calculé d'après les articles précédents, ne devra en aucun cas dépasser le triple du prix tel qu'il était fixé en conformité des dispositions de l'article 2 du décret du 13 mai 1942 modifié par le décret du 15 mars 1943 et par l'ordonnance fédérale du 6 avril 1946.

Ce foyer limite pourra être révisé dans le courant du mois de décembre pour l'année suivante, par arrêté du gouverneur du Sud-Viet-Nam après consultation des commissions consultatives des logements prévues à l'article 18.

Il sera fait application dans tous les cas, pour le calcul des loyers, de celle, la plus favorable pour les locataires, des échelles de prix telles qu'elles résultent des dispositions des articles 14 et 15 ci-dessus ainsi que du présent article.

Art. 17.— Les immeubles ou les parties d'immeubles dont la construction ou la reconstruction était en cours au 1^{er} juillet 1947 ou aura été entreprise après cette date ne sont soumis ni à la législation exceptionnelle relative aux locaux d'habitation ou à usage artisanal et professionnel, ni à la compétence de l'organisme dénommé « service des logements et réquisitions » créé par le décret du 19 novembre 1947.

Les grosses réparations ne donnent pas droit au bénéfice des dispositions du présent article.

Art. 18.— Il sera institué, dans chacun des villes et chefs-lieux de province, une commission consultative des logements dont la composition est fixée ainsi qu'il suit :

- 1°) Le maire ou le chef de la province ou son représentant,
président
- 2°) Le chef du service ou du bureau des travaux publics,
membre
- 3°) Le chef du bureau des contributions directes ou, à défaut, le chef du service ou du bureau financier,
membre
- 4°) et 5°) Deux représentants des propriétaires désignés par le maire ou le chef de la province . . . membres
- 6°) et 7°) Deux représentants des locataires désignés par le maire ou le chef de la province . . . membres
- 8°) et 9°) Deux membres des conseils désignés ou élus de la localité . . . membres
- 10°) Un fonctionnaire désigné par le maire ou le chef de province . . . secrétaire ne prenant pas part au vote

La commission consultative des logements donne son avis sur toutes les questions intéressant les logements, sauf en matière de réquisitions.

Elle siège sur convocation de son président.

Art. 19.— Nonobstant toute convention contraire, même antérieurement conclue, les loyers des locaux d'habitation ou à usage artisanal et professionnel seront ramenés d'accord parties aux taux tels qu'ils sont fixés par les articles 13 et suivants.

En cas de désaccord, le différend sera porté devant le tribunal compétent par la partie la plus diligente.

Les sommes indûment perçues à dater de la publication de la présente ordonnance sont sujettes à répétition. Dans le cas des termes à échoir, elles viennent en déduction de ceux-ci.

L'action en répétition se prescrit par cinq ans.

Art. 20.— Tous accords ou conventions, même indirects, passés à l'occasion d'une location en vue de dissimuler les exigences du bailleur, tels que ceux ayant stipulé un montant excessif des charges ou une remise d'argent, sous forme de pas de porte ou sous toute autre forme, de valeurs ou une reprise d'objets mobiliers, sont nuls et de nul effet, même s'ils ont reçu leur exécution antérieurement à l'entrée en vigueur de la présente ordonnance.

Art. 21.— Le montant du cautionnement et des loyers versés d'avance à titre de garantie, ne peut excéder une somme correspondant à deux mois de loyer augmentée des charges calculées sur la moyenne des trois derniers mois pour les locations faites au mois, et le quart du loyer annuel augmenté des mêmes charges dans les autres cas.

CHAPITRE IV

Affichage et déclaration des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel

Art. 22.— Les propriétaires, usufruitiers, antichrésistes, emphytéotes, locataires, sous-locataires, cessionnaires de baux à loyer, des locaux à usage d'habitation, professionnel ou artisanal, meublés ou non meublés, ou leurs gérants ainsi que les exploitants de maisons meublées ou de pensions de famille sont tenus de faire connaître, par écriteaux extérieurs, les locaux vacants dans la quinzaine de la vacance.

Art. 23.— Les personnes visées à l'article précédent doivent, dans la quinzaine de la vacance, déclarer de façon sincère et exacte, à la mairie ou au bureau du chef de la province de la situation de l'immeuble, les locaux avec indication du nombre des pièces et du prix de location demandé.

Art. 24.— Toute transformation d'un local de nature à le détourner de sa destination habituelle doit être autorisée par les autorités compétentes, après avis de la commission consultative des logements, dans les localités où elle fonctionne.

TITRE II

Sanctions

Art. 25.— Toute exigence ou perception de loyers même au moyen d'avantages indirects hors des limites fixées par la présente ordonnance, ou de pas de porte, rend le bailleur ou le locataire, ce dernier en cas de sous-location, passible d'une amende de cinq cents (500) piastres à cinquante mille (50.000) piastres et d'un emprisonnement de quinze jours à un an ou de l'une de ces deux peines seulement.

En cas de récidive, l'emprisonnement sera obligatoirement prononcé.

Art. 26 — Tout locataire ou occupant qui, pour quitter les lieux loués, aura directement ou indirectement exigé ou reçu du bailleur ou du nouveau locataire une remise d'argent ou de valeurs non justifiée ou imposé la reprise d'objets mobiliers d'un montant excessif ne correspondant pas à la valeur vénale de ceux-ci sera puni d'une amende de cinq cents (500) piastres à cinquante mille (50 000) piastres et d'un emprisonnement de quinze jours à un an ou de l'une de ces deux peines seulement.

En cas de récidive, l'emprisonnement sera obligatoirement prononcé.

Art. 27.— Toutes infractions aux dispositions des articles 22, 23 et 24 de la présente ordonnance seront punies d'une amende de deux cents (200) piastres à cinq mille (5.000) piastres.

Art. 28.— Les dispositions des différents codes pénaux relatives aux circonstances atténuantes sont applicables aux délits prévus par la présente ordonnance.

*
* *

TITRE III

Procédure

Art. 29.— Pour toutes les contestations relatives à l'application ou à l'exécution des dispositions de la présente ordonnance, la partie la plus diligente saisira par requête le tribunal de première instance ou la justice de paix à compétence étendue du lieu de l'immeuble.

Cette requête, déposée au greffe ou envoyée sous pli recommandé, sera établie en autant de copies sur papier libre qu'il y aura de parties en cause. L'original de la requête sera seul timbré.

Art. 30.— Le juge convoquera, par lettre recommandée du greffier, avec avis de réception, quinze jours au moins à l'avance, les parties qui comparaitront en personne ou qui pourront se faire représenter ou assister, suivant les règles de la législation en vigueur.

La juge aura pour mission de concilier les parties ; il devra dresser procès-verbal soit de la non conciliation, soit de l'accord intervenu. Dans ce dernier cas, le procès-verbal sera revêtu de la formule exécutoire.

Faute de comparution ou de représentation ou à défaut de conciliation, le juge statuera en chambre du conseil sans autre procédure.

Si la décision est rendue par défaut, avis de ses dispositions est transmis par le greffier à la partie défaillante, par lettre recommandée avec avis de réception, dans les cinq jours du prononcé.

L'opposition n'est recevable que dans la quinzaine de la date de la réception de la lettre recommandée ou, à défaut d'avis de réception, dans la quinzaine de la notification qui sera faite par huissier.

Elle est formée par déclaration au greffe dont il est donné récépissé.

La lettre recommandée ou la notification par huissier contiendra mention des délais et de la forme de l'opposition.

Les parties intéressées sont prévenues par lettre recommandée du greffier avec avis de réception ou par un exploit d'huissier pour la prochaine audience utile, avec un délai minimum de quinze jours francs.

La décision qui intervient est réputée contradictoire.

Dans les instances contradictoires, les décisions sont notifiées par le greffier aux parties en cause par lettre recommandée avec avis de réception, dans les vingt jours du prononcé.

Le délai d'appel commencera à courir du jour de ladite notification.

Art. 31.— Les décisions du tribunal de première instance ou de la justice de paix à compétence étendue sont susceptibles d'appel devant les cours d'appel compétentes ; les délais, formes et règles d'appel sont ceux fixés par la législation en vigueur.

Le recours en cassation est admis.

TITRE IV

Dispositions générales

Art. 32.— Les conventions des parties restent applicables dans toute la mesure où elles ne sont pas contraires aux dispositions de la présente ordonnance, lesquelles sont d'ordre public.

Art. 33.— Au cas où la jouissance des locaux faisant l'objet d'un bail ou d'une location verbale serait interrompue par un fait de guerre civile ou étrangère, un sinistre ou un cas de force majeure justifiant le départ momentané du locataire, ce dernier aura toujours la faculté de se réinstaller dans les lieux et d'en reprendre la jouissance, à condition que cette réinstallation ait lieu au plus tard dans les trois mois qui suivent la date à laquelle les circonstances qui avaient motivé son départ auront pris fin.

Ces dispositions ne s'appliquent pas au cas où, par suite de fait de guerre civile ou étrangère, sinistre ou cas de force majeure, l'immeuble serait détruit en totalité ou aurait subi des dégâts tels que sa remise en état nécessiterait des travaux représentant au moins le tiers (1/3) de sa valeur de reconstruction.

Art. 34.— Sont abrogées les dispositions antérieures contraires à la présente ordonnance, notamment :

- 1) Celles du décret du 13 mai 1942 et des textes modificatifs subséquents ;
- 2) Celles de l'arrêté du 20 octobre 1947 du Président du Gouvernement provisoire de la République de Cochinchine.

Sont maintenues les dispositions du décret n° 47-2205 du 19 novembre 1947 sauf celles qui sont contraires à la présente ordonnance.

Art. 35.— Le président du conseil, les vice-présidents, les ministres, les secrétaires d'Etat et les gouverneurs régionaux sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution de la présente ordonnance qui sera publiée au Journal officiel du Viet-Nam et exécutée comme loi de l'Etat.

Fait à Dalat, le 2 avril 1953

BAO DAI

Par le Chef de l'Etat :

Le Président du Gouvernement

NGUYEN VAN TAM

**ORDONNANCE n° 17 du 3 juin 1953 réglementant
le renouvellement des baux à loyer des locaux et
immeubles à usage commercial et industriel.**

LE CHEF DE L'ÉTAT,

Vu l'ordonnance n° 1 du 1^{er} juillet 1949 fixant l'organisation et le fonctionnement des institutions publiques,

Vu l'ordonnance n° 2 du 1^{er} juillet 1949 portant organisation du statut des administrations publiques,

Vu le décret n° 49-CP du 6 juin 1952, complété et modifié par les décrets subséquents, fixant la composition du Gouvernement,

Vu l'ordonnance n° 14 du 8 juillet 1952 portant institution du Conseil national provisoire du Viet-Nam,

Vu l'ensemble de la législation en vigueur sur le renouvellement des baux d'immeubles à usage commercial ou industriel, notamment le décret du 28 juillet 1942,

Sur la proposition du Président du conseil des ministres,

Après avis exprimé par le Conseil national provisoire,

Le Conseil des ministres entendu,

ORDONNE :

Article premier.— Au Viet-Nam, dans les villes ou centres urbains, le renouvellement des baux à loyer des locaux et immeubles à usage commercial ou industriel, même si le bailleur est une collectivité publique, est régi par les règles ci-après qui s'appliqueront également aux locaux accessoires dépendant du local principal s'ils appartiennent au même propriétaire, à la condition qu'ils soient nécessaires à l'exploitation commerciale ou industrielle ; et s'ils appartiennent à un propriétaire différent, à la condition que la location qui concerne ces locaux accessoires ait été faite en vue de l'utilisation jointe que leur destinait le preneur et que cette destination ait été connue du bailleur au moment de la location.

Art. 2.— Le bénéfice de la présente ordonnance ne pourra être invoqué que par les Vietnamiens ou autres ressortissants de l'Union française, personnes physiques ou morales, payant pour lesdits locaux ou immeubles un loyer mensuel, locataires patentés, inscrits au registre du commerce, exerçant personnellement le même commerce ou la même industrie depuis plus de trois années au moment de l'expiration du bail, par eux-mêmes ou leurs prédécesseurs auxquels ils ont succédé à titre onéreux ou gratuit, à la condition que ces prédécesseurs soient également Vietnamiens ou ressortissants de l'Union française.

Le bénéfice de la présente ordonnance ne pourra être invoqué par un locataire qui aura sous-loué en totalité ou en partie, ou donné son fonds en gérance libre.

Cependant le sous-locataire pourra, sous réserve des droits du bailleur, exercer contre le locataire principal les droits reconnus au locataire par la présente ordonnance.

Art. 3.— S'il y a bail écrit, le bailleur qui ne voudra pas que ledit bail soit tacitement reconduit pour la durée des locations verbales devra, nonobstant toutes clauses contraires du bail, trois mois avant la date prévue pour l'expiration, notifier par acte extra-judiciaire, au locataire ou sous-locataire, son intention de consentir ou non un nouveau bail.

Art. 4.— La même obligation sera imposée au bailleur qui donnera congé pour mettre fin à un bail verbal.

Art. 5.— Si le bailleur entend consentir un nouveau bail, il devra, dans l'acte extra-judiciaire ou dans le congé qui devra être également donné par acte extra-judiciaire, notifier les propositions de location reçues par lui, avec sommation au bénéficiaire de la présente ordonnance d'avoir, dans les deux mois, à notifier, également par acte extra-judiciaire, son acceptation des conditions offertes par le tiers preneur, ou les raisons pour lesquelles il entend contester la sincérité ou la réalité de la proposition dont il lui a été donné connaissance.

La proposition devra être la reproduction textuelle du bail ou de l'engagement de location qui serait passé avec le tiers preneur.

Art. 6.— L'acceptation de cette proposition par le locataire libérera le bailleur de toutes les obligations résultant de baux ou promesses de baux consentis par lui à des tiers.

Art. 7.— Si le bailleur n'entend pas consentir un nouveau bail, il devra, dans l'acte extra-judiciaire, indiquer les motifs légitimes de son refus.

Art. 8.— Seront seuls considérés comme motifs légitimes au sens de la présente ordonnance, étant entendu que le locataire pourra se maintenir dans les lieux jusqu'à la mise en œuvre des travaux, ou la mise en jouissance de l'acquéreur :

- 1) La reconstruction de l'immeuble ;
- 2) Le doublement de la surface utilisable du bâtiment principal nécessitant l'évacuation des lieux ;
- 3) La démolition de l'immeuble ordonnée par les autorités ;
- 4) La nécessité d'effectuer de grosses réparations lorsque le montant de celles-ci dépassera douze fois le montant principal du loyer mensuel, à moins que le locataire ne prenne en charge lesdites réparations ;
- 5) La reprise de l'immeuble pour y exercer personnellement ou y faire exercer par ses ascendants, descendants ou leurs conjoints, un commerce ou une industrie ;
- 6) L'existence d'une promesse de vente ou d'achat à un bénéficiaire déclarant invoquer l'un des motifs légitimes de refus de renouvellement ;

- 7) L'inobservation, par le locataire, des clauses et conditions du bail ou un manquement grave aux obligations généralement imposées au locataire.

Art. 9.— Le bailleur ne pourra remettre en location l'immeuble reconstruit, agrandi, ou réparé qu'après avoir, dans les formes prévues à l'article 5, donné connaissance au locataire évincé des propositions de location reçues par lui pour ledit immeuble, le délai imparti au locataire pour faire connaître s'il entend user du droit de préférence qui lui est ainsi consenti étant réduit à un mois.

Art. 10.— Le locataire à qui congé aura été donné par le bailleur, invoquant l'existence d'une promesse de vente ou d'achat de l'immeuble donné en location, pourra se rendre acquéreur dudit immeuble aux conditions offertes par le tiers et par préférence à ce dernier à la condition de signifier, dans les deux mois de la signification qui aura dû lui être faite du texte intégral de ladite promesse, son intention d'acquérir ledit immeuble.

Art. 11.— L'acceptation de cette proposition par le locataire libérera le bailleur de toutes les obligations résultant des promesses d'achat ou de vente consenties par lui à des tiers.

Art. 12.— Le bailleur qui, sans vouloir mettre fin à la location verbale, entendra seulement demander à son locataire une augmentation du loyer, devra lui signifier son intention par lettre recommandée avec un préavis d'un mois. Le locataire qui entendra ne point subir cette hausse pourra également, par lettre recommandée, signifier à son bailleur qu'il entend quitter les lieux dans les trois mois du préavis.

La majoration que le bailleur pourra imposer à son locataire ne pourra dépasser celle subie depuis la dernière majoration de loyer par l'indice des prix à la consommation pour les classes moyennes vietnamiennes, tel que ledit indice sera fixé par les statistiques officielles à Hanoi pour le Nord-Viet-Nam, à Saigon pour le Sud-Viet-Nam et à Tourane pour le Centre-Viet-Nam. Tant qu'il n'existe pas de statistiques officielles au Centre-Viet-Nam, celles de Saigon seront applicables à cette région.

Le bailleur ne pourra user de cette faculté plus de deux fois par an.

En cas de contestation, le point de départ du nouveau taux de loyer sera celui du jour de l'expiration du préavis.

Le locataire qui refusera de souscrire à ladite augmentation de loyer se verra expulsé par le juge qui prononcera condamnation au paiement du loyer majoré pendant toute la durée de l'occupation.

Art. 13.— En cas de cession du fonds, le bailleur ne pourra refuser, sauf raison valable et personnelle vis-à-vis du cessionnaire du fonds de commerce, de le considérer comme locataire, si la vente dudit fonds a été faite dans les formes légales.

Art. 14.— En cas de sous-location non interdite, le bailleur devra être appelé à concourir à l'acte.

Lorsque le loyer de la ou des sous-locations sera supérieur au prix de la location principale, le bailleur aura le droit de demander une augmentation correspondante du loyer de la location principale sauf, pour le locataire, à faire déterminer, le cas échéant, par le tribunal la part correspondante à la location de ses installations.

Art. 15.— Sera astreint au paiement d'une indemnité qui devra être réglée avant le départ du bénéficiaire :

- Egale à dix-huit mois de loyers, le propriétaire qui ne construira pas le bâtiment principal avec une surface double de celui qu'il entend démolir ;
- Egale à vingt-quatre mois de loyers, le bailleur qui, ayant acquis l'immeuble moins de trois années avant son refus de renouvellement, voudra le reprendre pour y exercer un commerce ou une industrie, sauf le cas où, contre son gré et sans faute de sa part, il aurait dû quitter le local où il exerçait lui-même un commerce ou une industrie.

Art. 16.— Sous réserve du cas de cession du fonds de commerce au propriétaire qui a repris le local, celui-ci ne pourra, en aucun cas, pendant un délai de cinq ans, soit par lui-même, soit par personne interposée, exercer dans le local repris un commerce ou une industrie similaires.

Art. 17.— Si les offres du tiers preneur, quoique réelles et sincères, émanent d'une personne physique ou morale exerçant un commerce ou une industrie similaires, le locataire qui renoncera à la relocation pourra réclamer une indemnité au nouvel occupant. Le juge pourra ordonner la consignation par le nouvel occupant, avant son entrée en jouissance, d'une provision destinée à garantir le paiement de cette indemnité.

Art. 18.— Le locataire qui aura établi que son éviction a été obtenue par la signification d'une offre non sincère ou la déclaration d'un refus de renouvellement qui s'avèrerait, sauf cas de force majeure, injustifié, ou encore que le bailleur, contrairement aux dispositions de l'article 16, exercerait dans les lieux un commerce ou une industrie similaires, pourra, outre des dommages-intérêts, obtenir sa réintégration notwithstanding toute nouvelle location.

Cette action se prescrira par trois ans de la date du départ du locataire ou de celle de l'événement qui y aura donné naissance.

Art. 19.— Le locataire évincé aura également droit à une indemnité si le tiers preneur exerce avant l'expiration d'un délai de cinq ans un commerce ou une industrie similaires.

Le paiement de cette indemnité pourra être réclaté solidairement au locataire et au bailleur, s'il est établi que le bailleur ne s'est point opposé à l'exercice, par le locataire, du commerce ou de l'industrie.

Art. 20.— Les contestations relatives à l'application ou à l'exécution des dispositions de la présente ordonnance seront portées devant le tribunal de la situation de l'immeuble et la procédure devant ledit tribunal sera la même, en ce cas, que la procédure prévue au tribunal des loyers par l'ordonnance n° 4 du 2 avril 1953 sur les loyers d'habitation, sauf ce qui sera dit ci-après.

Art. 21.— Pour établir leur conviction, les cours et tribunaux pourront procéder à toutes enquêtes sommaires, commettre tous officiers ministériels ou experts aux fins d'investigation, et auront la faculté de suspendre l'application des règles de procédure en matière d'enquête et d'expertise.

Art. 22.— L'exécution provisoire pourra être accordée par décision motivée et seulement au cas où la contestation serait jugée sans fondement sérieux.

Art. 23.— Pour assurer l'exercice des actions prévues aux articles 18 et 19, le juge pourra, sauf solvabilité indiscutable du propriétaire ou présentation de toute autre garantie, ordonner au livre foncier, pour une durée n'excédant pas deux ans, l'inscription d'une hypothèque forcée sur l'immeuble du propriétaire. La décision devra spécifier le montant de la garantie éventuelle.

Art. 24.— A défaut de prénotation de l'assignation en dommages-intérêts, le conservateur sera tenu, à l'expiration de la période fixée par le juge, de radier l'inscription.

Art. 25.— Les décisions du tribunal ne seront soumises à la formalité de l'enregistrement qu'avec l'arrêt de la cour d'appel ou à l'expiration du délai d'appel en cas de non appel.

Les propositions de location faites par le tiers preneur, les promesses de vente ou d'achat produites par le bailleur à l'appui de son refus de renouvellement ne seront enregistrées qu'après le départ ou l'expulsion du locataire et à la condition qu'elles aient été suivies d'effet.

Les inscriptions et radiations d'hypothèques, productions de garant ne pourront donner lieu à d'autres frais et droits que les salaires des conservateurs.

Art. 26.— Sont nuls et de nul effet, quelle qu'en soit la forme, les clauses, stipulations ou arrangements qui auraient pour conséquence directe de faire échec aux droits conférés au locataire par la présente ordonnance.

Art. 27.— Les actions en dommages-intérêts que les locataires ayant quitté les lieux avant la promulgation de la présente ordonnance auraient pu exercer sous l'empire de la législation abrogée continueront à l'être sous les anciens errements.

Art. 28.— Les congés valablement donnés, les procédures régulièrement entamées et poursuivies sous l'empire de l'ancienne législation ne seront point nuls et de nul effet, même s'ils ne satisfont point aux conditions de forme et de fond de la présente ordonnance.

Art. 29.— Toutefois, les dispositions de la présente ordonnance seront immédiatement applicables aux locataires en possession des lieux, même en vertu d'un délai de grâce, sauf ce qui sera dit ci-après.

Le locataire ayant reçu congé pourra sommer son bailleur de lui faire connaître les motifs pour lesquels le renouvellement de la location lui est refusé. Si le motif n'est pas de ceux jugés légitimes par la présente ordonnance, le congé sera annulé purement et simplement sans peine ni dépens.

Le locataire pourra toujours obtenir son maintien dans les lieux s'il accepte de souscrire aux conditions déclarées par le bailleur offertes ou acceptées par le tiers preneur ou acquéreur.

Art. 30.— Le nouveau propriétaire dont le titre d'acquisition aura acquis date certaine avant la promulgation de la présente ordonnance pourra toujours demander la résiliation de la vente s'il est établi qu'il ne pas occuper personnellement l'immeuble, alors que l'acquisition a été faite dans ce but. Les droits d'enregistrement lui seront alors restitués.

Le nouveau locataire qui, du fait de la promulgation de la présente ordonnance, ne pourra prendre possession des lieux aura la faculté de demander la restitution des droits d'enregistrement qu'il aurait payés.

Art. 31.— Le propriétaire qui aura vendu ou loué un local dans lequel son locataire se maintiendrait par l'effet de la présente ordonnance ne pourra être l'objet d'aucune action en dommages-intérêts.

Art. 32.— Par dérogation à l'article 2, l'inscription au registre du commerce ne sera exigée qu'un an après la publication de la présente ordonnance.

Art. 33.— Sont abrogées toutes dispositions antérieures contraires à la présente ordonnance, notamment celles du décret du 28 juillet 1942.

Art. 34.— Le Président du Conseil, les vice-présidents, les ministres, les secrétaires d'Etat et les gouverneurs régionaux sont chargés, chacun en ce qui le concerne, de l'exécution de la présente ordonnance qui sera publiée au Journal officiel du Viet-Nam et exécutée comme loi de l'Etat.

Fait à Dalat, le 3 juin 1953

BAO ĐAI

Par le Chef de l'Etat :

Le Président du Gouvernement,
ministre de l'intérieur

NGUYEN VAN TAM

Mục-lục

(Table des matières)

Mục-lục

BỘ LUẬT NHÀ PHỐ

Nhà ở — Thủ-công-nghệ

Thương-mãi — Kỹ-nghệ

DỰ số 4 ngày mồng 2 tháng tư năm 1953 ấn-dịnh sự tương-quan giữa người cho thuê và người thuê hay người chiếm-ngụ ngay tình nhà để ở hoặc để dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp.....	7
Thiên thứ nhất.— Nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp...	9
Chương thứ nhất.— Quyền lưu-cư.....	10
Chương thứ II.— Quyền đòi lại nhà.....	13
Chương thứ III.— Ấn-dịnh giá tiền thuê nhà.....	18
Chương thứ IV.— Niêm-yết và khai-báo các nhà dùng để ở, dùng về thủ-công-nghệ hay về nghề nghiệp.....	27
Thiên thứ II.— Trừng-phạt.....	29
Thiên thứ III.— Thủ-tục tổ-tụng.....	31
Thiên thứ IV.— Tổng-tắc.....	33
DỰ số 17 ngày mồng 3 tháng sáu năm 1953 về khế-ước thuê mượn bất-dộng-sản hoặc nhà cửa dùng về thương-mãi hay kỹ-nghệ.....	35

	Pages
Table des matières	
CODE DES LOYERS	
Habitations — Artisanats	
Commerces — Industries	
ORDONNANCE n° 4 du 2 avril 1953 fixant les rapports entre bailleurs et locataires ou occupants de bonne foi de locaux d'habitation ou à usage artisanal ou professionnel	193
Titre I.— Locaux d'habitation ou à usage artisanal ou professionnel	195
Chapitre I.— Du maintien dans les lieux	196
Chapitre II.— Droit de reprise	196
Chapitre III.— Détermination des prix du loyer ...	204
Chapitre IV.— Affichage et déclaration des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel	212
Titre II.— Sanctions	213
Titre III.— Procédure	215
Titre IV.— Dispositions générales	217
ORDONNANCE n° 17 du 3 juin 1953 réglementant le renouvellement des baux à loyer des locaux et immeubles à usage commercial et industriel	219

	Trang
NGHỊ-ĐỊNH số 115-BNV HC TD ngày mồng 3 tháng tư năm 1957 duy-trì cho năm 1957 tỷ-lệ giá-biêu cho vườn nhà phổ tại địa-hạt tỉnh Bình-thuận	45
NGHỊ-ĐỊNH số 120-BNV HC TD ngày mồng 10 tháng tư năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biêu căn-bản vườn nhà tại tỉnh-ly Nha-trang và tỉnh Khánh-hòa về năm 1957.	47
NGHỊ-ĐỊNH số 137-BNV HC TD ngày 25 tháng tư năm 1957 ấn-định bách-phần tăng hay giảm giá tiền vườn nhà tại đô-thị Đà-lạt và tỉnh Ninh-thuận trong năm 1957.....	49
NGHỊ-ĐỊNH số 176-BNV HC TD ngày 29 tháng năm năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biêu trung-bình về nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp trong các tỉnh Nam-phần và đô-thị Sàigon về năm 1957.....	51
NGHỊ-ĐỊNH số 181-BNV HC ND ngày mồng 5 tháng sáu năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biêu trung-bình về nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại các tỉnh ở Nam-phần về năm 1957...	56
NGHỊ-ĐỊNH số 198-BNV HC ND ngày mồng 10 tháng sáu năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biêu trung-bình về nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại đô-thị Đà-nẵng, trong năm 1957.....	59
NGHỊ-ĐỊNH số 204-BNV HC ND ngày 13 tháng sáu năm 1957 ấn-định số bách-phần tăng hay giảm để thêm vào giá-biêu trung-bình về nhà thuê để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại địa-hạt tỉnh Kiến-phong, tỉnh Thừa-thiên và đô-thị Huế.....	61

	Pages
ARRETE n° 115-BNV-HC-TD du 3 avril 1957 portant maintien pour l'année 1957 du taux des prix du loyer dans la localité de la province de Binh-thuan (Voir partie vietnamienne).....	45
ARRETE n° 120-BNV-HC-TD du 10 avril 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages suscep- tibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif de base des prix du loyer dans la ville de Nha-trang et dans la province de Khánh-hoa (Voir partie vietna- mienne).....	47
ARRETE n° 137-BNV-HC-TD du 25 avril 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif des prix moyens du loyer dans la ville de Dalat et dans la province de Ninh-thuan (Voir partie vietna- mienne).....	49
ARRETE n° 176-BNV-HC-TD du 29 mai 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces du Sud-Viet-Nam et dans la préfecture de Saigon (Voir partie vietnamienne).....	51
ARRETE n° 181-BNV-HC-ND du 5 juin 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces du Sud-Viet-Nam (Voir partie vietna- mienne).....	56
ARRETE n° 198-BNV-HC-ND du 10 juin 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans la ville de Da-nang (Voir partie vietnamienne).....	59
ARRETE n° 204-BNV-HC-ND du 13 juin 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans les localités des provinces de Kien-phong, Thua-thiên et dans la ville de Hue (Voir partie vietnamienne).....	61

	Trang
NGHỊ-ĐỊNH số 220-BNV HC TĐ ngày mồng 1 tháng bảy năm 1957 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biêu trung-bình về nhà thuê dùng đề ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ, hay nghề nghiệp, trong khu-vực Quảng-trị hay Đồng-hà....	63
NGHỊ-ĐỊNH số 230-BNV HC P8 ngày 11 tháng bảy năm 1957 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm đề thêm vào giá-biêu trung-bình về nhà thuê dùng đề ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại tỉnh Kontum và tỉnh Bình-dịnh.....	65
NGHỊ-ĐỊNH số 13-BNV HC NĐ ngày 20 tháng giêng năm 1958 ấn-dịnh giá-biêu thuê nhà ở Trung-phần	67
NGHỊ-ĐỊNH số 22-BNV/HC/NĐ ngày 28 tháng giêng năm 1958 ấn-dịnh về năm 1958 số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu trung-bình cho thuê nhà cửa dùng đề ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp tại đô-thành Sài-gòn và các tỉnh Nam-phần	71
NGHỊ-ĐỊNH số 38-BNV HC NĐ ngày 13 tháng hai năm 1958 bổ-túc điều thứ nhất nghị-dịnh số 22-BNV/HC/NĐ ngày 28-1-1958 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu căn-bản cho thuê nhà tại đô-thành và các tỉnh Nam-phần.....	78
NGHỊ-ĐỊNH số 39-BNV HC NĐ ngày 14 tháng hai năm 1958 bổ-túc điều 1 nghị-dịnh số 13-BNV/HC/NĐ ngày 20-1-1958 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu căn-bản cho thuê nhà tại các đô-thị và các tỉnh ở Trung-phần	81

	Pages
ARRETE n° 220-BNV-HC/TD du 1 ^{er} juillet 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans les localités de Quang-tri et Dong-ha (Voir partie vietnamienne)	63
ARRETE n° 230-BNV-HC-P8 du 11 juillet 1957 fixant pour l'année 1957 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans les provinces de Kontum et Binh-dinh (Voir partie vietnamienne)	65
ARRETE n° 13-BNV-HC-ND du 20 janvier 1958 fixant pour l'année 1958 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans les diverses municipalités et provinces du Centre-Viet-Nam (Voir partie vietnamienne).....	67
ARRETE n° 22-BNV-HC-ND du 28 janvier 1958 fixant pour l'année 1958 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habi- tation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces du Sud- Viet-Nam (Voir partie vietnamienne).....	71
ARRETE n° 38-BNV-HC-ND du 13 février 1958 complétant l'article premier de l'arrêté n° 22-BNV- HC-ND du 28 janvier 1958 fixant pour l'année 1958 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux, à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces du Sud-Viet-Nam (Voir partie vietnamienne).....	78
ARRETE n° 39-BNV-HC-ND du 14 février 1958 complétant l'article premier de l'arrêté n° 13-BNV- HC-ND du 20 janvier 1958 fixant pour l'année 1958 les pourcentages devant venir en augmentation ou en diminution sur le tarif moyen des prix du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses municipalités et provinces du Centre-Viet-Nam (Voir partie viet- namienne)	81

	Trang
NGHỊ-ĐỊNH số 58-BNV HC/NĐ ngày 13 tháng giêng năm 1959 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuế nhà ở Nam-phần năm 1959.	83
NGHỊ-ĐỊNH số 118-BNV HC/NĐ ngày 22 tháng giêng năm 1959 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuế nhà ở Trung-phần trong năm 1959.....	91
NGHỊ-ĐỊNH số 189-BNV HC/NĐ ngày 13 tháng hai năm 1959 bổ-túc nghị-dịnh số 118-BNV HC/NĐ ngày 22-1-1959 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuế nhà ở Trung-phần trong năm 1959.....	95
NGHỊ-ĐỊNH số 1763-BNV HC/NĐ ngày 24 tháng chạp năm 1959 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuế nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-ngệ hay nghề nghiệp trong năm 1960...	97
ĐỊNH-CHÍNH số 353-BNV HC/NĐ ngày 21 tháng ba năm 1960 nghị-dịnh số 1763-BNV/HC/NĐ ngày 24-12-1959 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuế nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-ngệ hay nghề nghiệp.....	107
NGHỊ-ĐỊNH số 69-BNV HC/NĐ ngày 20 tháng giêng năm 1960 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuế nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ công-ngệ hay nghề nghiệp trong năm 1960...	108

	Pages
ARRETE n° 58-BNV HC ND du 13 janvier 1959 fixant pour l'année 1959 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces du Sud-Viet-Nam (Voir partie vietnamienne)	83
ARRETE n° 118-BNV HC ND du 22 janvier 1959 fixant pour l'année 1959 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces du Centre-Viet-Nam (Voir partie vietnamienne)	91
ARRETE n° 189-BNV HC ND du 13 février 1959 complétant l'arrêté n° 118-BNV HC ND du 22 janvier 1959 fixant pour l'année 1959 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces du Centre Viet-Nam (Voir partie vietnamienne)	95
ARRETE n° 1763-BNV/HC/ND du 24 décembre 1959 fixant pour l'année 1960 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne)	97
RECTIFICATIF n° 353-BNV HC ND du 21 mars 1960 à l'arrêté n° 1763-BNV HC ND du 24 décembre 1959 fixant pour l'année 1960 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne) ..	107
ARRETE n° 69-BNV HC ND du 20 janvier 1960 fixant pour l'année 1960 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne)	108

	Trang
NGHỊ-ĐỊNH số 666-BNV HC NĐ ngày 27 tháng năm năm 1960 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp tại tỉnh Darlac....	111
NGHỊ-ĐỊNH số 712-BNV HC NĐ ngày mồng 9 tháng sáu năm 1960 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp tại tỉnh Phước-thành.....	113
NGHỊ-ĐỊNH số 41-BNV HC NĐ ngày 13 tháng giêng năm 1961 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp trong năm 1961..	115
NGHỊ-ĐỊNH số 77-BNV HC NĐ ngày mồng 1 tháng hai năm 1961 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp.	126
NGHỊ-ĐỊNH số 733-BNV/HC NĐ ngày 26 tháng chạp năm 1961 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu trung-bình thuê nhà cửa dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp trong năm 1962.....	129
NGHỊ-ĐỊNH số 11-BNV HC NĐ ngày mồng 6 tháng giêng năm 1962 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu căn-bản trung-bình thuê nhà tại đô-thành.....	137
NGHỊ-ĐỊNH số 74-BNV HC NĐ ngày mồng 2 tháng hai năm 1962 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở, hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp trong năm 1962	139

	Pages
ARRETE n° 666-BNV/HC/ND du 27 mai 1960 fixant pour l'année 1960 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la province de Darlac (Voir partie vietnamienne).....	111
ARRETE n° 712-BNV/HC/ND du 9 juin 1960 fixant pour l'année 1960 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la province de Phuoc-thanh (Voir partie vietnamienne).....	113
ARRETE n° 41-BNV/HC/ND du 13 janvier 1961 fixant pour l'année 1961 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne).....	115
ARRETE n° 77-BNV HC/ND du 1 ^{er} février 1961 fixant pour l'année 1961 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne).....	126
ARRETE n° 733-BNV/HC/ND du 26 décembre 1961 fixant pour l'année 1962 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne)....	129
ARRETE n° 11-BNV/HC/ND du 6 janvier 1962 fixant pour l'année 1962 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon (Voir partie vietnamienne)	137
ARRETE n° 74-BNV/HC/ND du 2 février 1962 fixant pour l'année 1962 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans les diverses provinces du Sud-Viet-Nam (Voir partie vietnamienne)	139

	Trang
<p>NGHỊ-ĐỊNH số 121-BNV HC ND ngày mồng 3 tháng ba năm 1962 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu căn-bản thuê nhà trong năm 1962 tại tỉnh Phước-thành</p>	144
<p>NGHỊ-ĐỊNH số 39-BNV/HC/ND ngày 23 tháng giêng năm 1963 ấn-dịnh trong năm 1963 số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà dùng để ở hoặc dùng về thủ-công-nghệ hay nghề nghiệp.....</p>	146
<p>NGHỊ-ĐỊNH số 125-BNV/HC ND ngày 15 tháng ba năm 1963 ấn-dịnh số bách-phần tăng hay giảm giá-biêu thuê nhà về năm 1963 tại thành-phố Huế và các tỉnh Thừa-thiên, Quảng-trị, Tuyên-đức, Biên-hòa và Vĩnh-long.....</p>	158
<p>NGHỊ-ĐỊNH số 185-BNV HC ND ngày 25 tháng hai năm 1964 ấn-dịnh số bách-phần tăng hoặc giảm giá-biêu căn-bản thuê nhà trong năm 1964 áp-dụng cho nhà xây cất trước ngày 1-7-1947...</p>	161
<p>NGHỊ-ĐỊNH số 220-BNV HC ND ngày mồng 1 tháng ba năm 1965 ấn-dịnh số bách-phần tăng hoặc giảm giá-biêu căn-bản trung-bình cho thuê nhà trong năm 1965, áp-dụng cho các nhà xây cất trước ngày 1-7-1947, dùng để ở, hoặc về thủ-công-nghệ hay nghề-nghiệp</p>	173

	Pages
ARRETE n° 121-BNV/HC/ND du 3 mars 1962 fixant pour l'année 1962 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la province de Phuoc-thaah (Voir partie vietnamienne).....	144
ARRETE n° 39-BNV/HC/ND du 23 janvier 1963 fixant pour l'année 1963 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la préfecture de Saigon et dans les diverses province (Voir partie vietnamienne).....	146
ARRETE n° 125-BNV/HC/ND du 15 mars 1963 fixant pour l'année 1963 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel dans la municipalité de Hué et dans les provinces de Thừa-thiên, Quảng-trị, Tuyên-đức, Biên-hòa et Vĩnh-long (Voir partie vietnamienne).....	158
ARRETE n° 185-BNV/HC/ND du 25 février 1964 fixant pour l'année 1964 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix de base moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel construits avant la date du 1er juillet 1947 dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne).....	161
ARRETE n° 220-BNV/HC/ND du 1er mars 1965 fixant pour l'année 1965 les pourcentages susceptibles d'être augmentés ou diminués sur le tarif des prix de base moyens du loyer des locaux à usage d'habitation, artisanal ou professionnel construits avant la date du 1er juillet 1947 dans la préfecture de Saigon et dans les diverses provinces (Voir partie vietnamienne).....	173